

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

MAIPHONE HER

**CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC
GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2023

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

MAIPHONE HER

**CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA
DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC
GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Mã số: 931 02 02

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. LÊ VĂN CƯỜNG



HÀ NỘI - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Maiphone Her

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Các công trình nghiên cứu về công tác giảm nghèo	7
1.2. Các công trình nghiên cứu về Đảng lãnh đạo công tác giảm nghèo	17
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ	23
Chương 2: CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	26
2.1. Khái quát các tỉnh, Đảng bộ tỉnh và công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	26
2.2. Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo - khái niệm, nội dung, phương thức	47
Chương 3: CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO VÀ CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM	73
3.1. Thực trạng công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào từ năm 2016 - 2022	73
3.2. Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo - thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm	87
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2030	122
4.1. Dự báo những yếu tố tác động, quan điểm, mục tiêu, phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030	122
4.2. Nhóm giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030	130
KẾT LUẬN	160
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	162
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	163
PHỤ LỤC	174

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCĐ	:	Ban chỉ đạo
BCH	:	Ban Chấp hành
CHDCND Lào	:	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
CNH, HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CNXH	:	Chủ nghĩa xã hội
DTTS	:	Dân tộc thiểu số
HTCT	:	Hệ thống chính trị
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
NDCM Lào	:	Nhân dân Cách mạng Lào
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đói nghèo là một trong những nguyên nhân làm hạn chế sự tăng trưởng và phát triển của quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, nghèo đói luôn đi liền với trình độ dân trí thấp, tệ nạn xã hội gia tăng, bệnh tật phát triển, trật tự xã hội, an ninh, chính trị không ổn định... Vì vậy, giảm nghèo không chỉ là trách nhiệm của mỗi quốc gia, dân tộc mà đã trở thành mối quan tâm của cả thế giới.

Sau nhiều năm thực hiện Chương trình giảm nghèo, đời sống của một số bộ phận nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước đã giảm xuống còn 18,3% (2019) (theo tiêu chuẩn mới là 23,56%) [86, tr.126]. Đó là một thành tích lớn về thực hiện công tác giảm nghèo của Lào. Tuy nhiên nếu xét theo vùng thì mức độ nghèo ở các vùng đặc biệt khó khăn còn rất nghiêm trọng, trong đó miền Bắc Lào còn có tỷ lệ hộ nghèo cao là 11,84% (theo tiêu chuẩn nghèo mới là 17,22%). Trong 8 tỉnh, tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là tỉnh Phong Sa Ly 28,08%, tỉnh U Đôm Xay 22,08% tỉnh và tỉnh Luông Năm Tha 18,70%... [104]. Cả nước có 64 huyện nghèo, có 3.104 bản nghèo và 204.360 hộ nghèo, trong đó miền Bắc có 22 huyện nghèo, có 1.315 bản nghèo và 59.094 hộ nghèo [101].

Các tỉnh ở miền Bắc Lào là một vùng chiếm tỷ lệ người nghèo tương đối cao so với miền Trung và miền Nam. Thực hiện đường lối đổi mới, các tỉnh ở miền Bắc Lào đã đạt được kết quả to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá... Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, nhiều vấn đề xã hội bức xúc nảy sinh như thất nghiệp, tệ nạn xã hội phát triển, đặc biệt là tình trạng nghèo gia tăng đã và đang ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển bền vững của các tỉnh. Ý thức rõ vấn đề này, ngay từ những năm đầu thời kỳ đổi mới, Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

thực hiện giảm nghèo. Do đó, công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đạt được nhiều thành tựu, tuy nhiên, vẫn còn không ít thách thức đặt ra như nguồn lực giảm nghèo hạn chế, tình trạng tái nghèo cao... Vì vậy, để hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, nâng cao đời sống nhân dân, Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào phải tiếp tục tìm cách giải quyết những thách thức này một cách đúng đắn, hiệu quả.

Nền kinh tế thị trường có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ đó có thể tăng cường nguồn lực thực hiện giảm nghèo nhưng đồng thời cũng làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là quy luật phát triển không đều làm cho sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc thêm. Những vùng đặc biệt khó khăn, ít thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) như miền Bắc Lào có nguy cơ tiếp tục bị đẩy vào tình trạng đói nghèo nghiêm trọng hơn so với các vùng khác nếu không có những chủ trương đúng đắn, kịp thời.

Thực trạng trên đây, yêu cầu hết sức cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn là nghiên cứu về sự lãnh đạo của Đảng (bao gồm Đảng NDCM Lào và các đảng bộ địa phương) đối với thực hiện công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào giai đoạn 2016 - 2022 nhằm đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân, từ đó rút ra kinh nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo của Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần IX của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2011) chủ trương “*Tập trung triển khai có hiệu quả chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn*” [83, tr.127].

Nghiên cứu nhằm đánh giá, tổng kết về vai trò lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy nhất là đối với các vùng đặc biệt khó khăn có ý nghĩa hết sức cấp thiết. Cho đến nay đã có một số luận án nghiên cứu về công tác giảm nghèo ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào) nói

chung nhưng chưa có luận án nào nghiên cứu về các tỉnh ủy CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Với ý nghĩa đó tôi chọn đề tài “*Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay*” đề nghiên cứu làm luận án tiến sĩ xây dựng đảng và chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo, luận án đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra kết quả đạt được và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ;
- Luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay;
- Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác giảm nghèo của các tỉnh miền Bắc và thực trạng các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo từ năm 2016 đến 2022; chỉ ra ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm;
- Đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào đối với công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay và kết quả sự vận dụng chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng đối với việc thực hiện công tác giảm nghèo của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân và cộng đồng.

Về không gian, các tỉnh miền Bắc Lào được lựa chọn để nghiên cứu về sự lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo của Đảng bao gồm 8 tỉnh: Xay Nha Bu Ly, Luông Pha Bang, U Đôm Xay, Bo Keo, Luông Năm Tha, Phong Sa Ly, Xiêng Khoang, Hua Phăn vì các tỉnh có điều kiện tự nhiên - KT-XH của các tỉnh ở miền Bắc đặc biệt khó khăn như có vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), tỉ lệ hộ nghèo cao, có nhiều huyện nghèo và nhiều bản (làng) đặc biệt khó khăn...

Về thời gian, thực hiện nghiên cứu, khảo sát các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo từ năm 2016 đến năm 2022. Phương hướng và giải pháp có giá trị đến năm 2030 và định hướng vận dụng đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Kay Son Phôm Vi Han, đường lối, quan điểm của Đảng về công tác giảm nghèo và sự lãnh đạo của Đảng về công tác giảm nghèo.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Luận án nghiên cứu tình hình giảm nghèo và thực trạng các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo từ năm 2016 - 2022.

4.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Luận án sử dụng các phương pháp chuyên ngành và liên ngành như: phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, thống kê, so sánh, khảo sát và đặc biệt coi trọng phương pháp tổng kết thực tiễn.

- Phương pháp logic được vận dụng để làm sáng tỏ nội hàm, bản chất các khái niệm cơ bản của luận án: Các tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo; nội dung công tác giảm nghèo; thực trạng công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào.

- Phương pháp lịch sử được vận dụng để làm rõ công tác giảm nghèo; thực trạng công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào theo tiến trình thời gian từ năm 2016 - 2022.

- Các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, gắn lý luận với thực tiễn được vận dụng nhằm làm rõ thực trạng của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2022.

- Phương pháp dự báo, phân tích tài liệu nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2030.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Một là, phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội; luận án làm rõ tính đặc thù, những thuận lợi và khó khăn tác động đến quá trình lãnh đạo công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào.

Hai là, trình bày và luận giải một cách có hệ thống các chủ trương và biện pháp các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo từ năm 2016 - 2022.

Ba là, đánh giá thực trạng, chỉ rõ ưu điểm; hạn chế, khuyết điểm; nguyên nhân và những kinh nghiệm.

Bốn là, đề xuất một số mới nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo đến năm 2030.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ học tập, nghiên cứu môn xây dựng Đảng ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, Nhà nước CHDCND Lào, nhất là ở Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Lào, các trường chính trị tỉnh, thành phố CHDCND Lào. Luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo trong những năm tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình nghiên cứu của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 04 chương, 09 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

1.1.1. Công trình khoa học của Lào

- "*Vấn đề đói nghèo ở CHDCND Lào*" của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020) [67]. Cuốn này tài liệu sơ kết từ cuộc điều tra về sử dụng và chi tiêu của hộ gia đình từ năm 2016 - 2020, cuốn sách nêu lên những yếu tố tác động, nguyên nhân của đói nghèo, từ đó chỉ rõ những con số đói nghèo trên các lĩnh vực của đời sống nhất là chỉ số so sánh trong từng giai đoạn, ở nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và thành thị ở CHDCND Lào. Các số liệu trong cuốn sách đưa ra là tài liệu để luận án tiếp cận phục vụ cho nghiên cứu về vấn đề đói nghèo và công tác giảm nghèo.

- Feuangsy LAOFOUNG (2014): "*Hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc CHDCND Lào qua thực tiễn tại tỉnh Xiêng Khoảng*" [17]. Tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về chính sách xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh miền núi; tham khảo một số kinh nghiệm ở nước ngoài và đề ra các bài học mà Lào có thể nghiên cứu và áp dụng. Sau đó tác giả đã đánh giá thực trạng đói nghèo của các tỉnh miền núi phía Bắc Lào và đi sâu phân tích thực trạng và tình hình thực thi chính sách xóa đói, giảm nghèo ở tỉnh Xiêng Khoảng trong giai đoạn (2006 - 2012) và phân tích những đặc điểm về địa lý, KT-XH, văn hóa và phong tục tập quán của các dân tộc phía Bắc Lào. Tác giả đã đánh giá trung và riêng về kết quả chính sách đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân cần khắc phục trong chính sách xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh phía Bắc Lào và tỉnh Xiêng Khoảng. Cuối cùng tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Bun Lý THONG PHẾT (2011): "*Quản lý nhà nước về xóa đói giảm nghèo vùng cao dân tộc Bắc Lào trong giai đoạn hiện nay*" [5], bảo vệ năm

2011 tại Học viện Hành chính. Tác giả đã hệ thống hóa về cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn ở Lào nói chung và vùng cao dân tộc Bắc Lào trong việc giải quyết nghèo đói, xây dựng và hệ thống hóa cơ sở lý luận của công tác quản lý Nhà nước về xoá đói, giảm nghèo nói chung và ở khu vực vùng cao miền Bắc Lào. Tác giả đã hình thành cách tiếp cận mới và cách giải quyết mới về vai trò của Nhà nước về công tác xoá đói, giảm nghèo. Trong đó tác giả đã khái quát về tình hình nghèo đói và nguyên nhân nghèo đói của dân tộc miền Bắc Lào, những đặc điểm và điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội, ngôn ngữ, điều kiện tự nhiên và tôn giáo... của dân tộc vùng cao Bắc Lào. Tác giả còn tập trung phân tích thực trạng quản lý của Nhà nước về công tác xoá đói, giảm nghèo ở vùng cao miền núi Bắc Lào từ đó đã nêu những phương hướng và giải pháp quản lý của Nhà nước nhằm xoá đói, giảm nghèo miền núi Bắc Lào. Cuối cùng tác giả đã đi sâu vấn đề quản lý của Nhà nước, giải pháp trong quản lý Nhà nước về công tác xoá đói, giảm nghèo dân tộc Bắc Lào, nhưng chưa nêu đến đặc trưng cơ bản về đói nghèo và những nguyên nhân đói nghèo, các chính sách xoá đói, giảm nghèo Bắc Lào và tác giả chưa luận án nêu được giải pháp hoàn thiện chính sách xoá đói, giảm nghèo dân tộc Bắc Lào.

- Thongpaseuth Xayalath (2012): “*Giải pháp tài chính nhằm xoá đói giảm nghèo ở CHDCND Lào*” [39]. Tác giả đã đánh ra thực trạng công tác xoá đói, giảm nghèo ở CHDCND Lào từ 2000 - 2010; qua đó làm rõ thực trạng sử dụng tài chính cho xoá đói, giảm nghèo ở Lào thời gian qua, phân tích những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong công tác xoá đói, giảm nghèo ở Lào, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về xoá đói, giảm nghèo; ngoài đó tác giả còn đề xuất các quan điểm của Đảng và Nhà nước Lào, mục tiêu trong những năm tới và đưa ra 7 nhóm giải pháp xoá đói, giảm nghèo tại CHDCND Lào.

- Phon Vi Lay PHÊNG ĐA LA (2002): “*Quan điểm và chính sách phát triển thị trường hàng hóa nông thôn ở CHDCND Lào*” [33]. Trong luận án tác giả đã đưa ra những quan điểm về thị trường hàng hóa nông thôn, phân tích những thực trạng thị trường hàng hóa của Lào, rút ra một số quan điểm và

chính sách trong phát triển thị trường hàng hóa ở nông thôn Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trong đó tác giả cũng đã xét đến thị trường hàng hóa và sự phát triển hàng hóa ở nông thôn nhưng cũng có sự đóng góp cho sự phát triển sản xuất ở nông thôn, tạo việc làm, giải quyết những vấn đề đói nghèo...

- Manisothe Keodara với *“Các nhóm tộc người Lào, các vấn đề và Chính sách Chính phủ”* [89], tác giả đã phân tích các điều kiện thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chính sách dân tộc với mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở Lào, tác giả cũng đã giới thiệu chung về chính sách dân tộc của Chính phủ trong đó nhấn mạnh đến chính sách về giáo dục và y tế. Tác giả kết luận rằng: Lào là một đất nước có nhiều nhóm dân tộc người với các nhóm tộc người nhỏ, điều này đã gây khó khăn cho Chính phủ trong việc hoạch định chính sách xóa đói, giảm nghèo trong vùng các đồng bào dân tộc thiểu số.

- Khamphanh Pheuyavong: *“Hoàn thiện chính sách xóa đói, giảm nghèo của nước CHDCND Lào”* [21], tác giả đã tập trung vào nghiên cứu chính sách xóa đói, giảm nghèo đang được thực hiện tại Lào trong thời gian qua trên các phương diện nội dung chính sách, tác động và hiệu lực của chính sách, những hạn chế và thiếu hụt cần bổ sung, điều chỉnh của các chính sách hiện hành và nhu cầu xuất hiện trong tương lai. Mục tiêu nghiên cứu là tìm hiểu cơ sở khoa học của việc hoạch định các chính sách xóa đói, giảm nghèo để làm cơ sở nền tảng và tiêu chuẩn cho việc đánh giá các chính sách hiện hành nhằm tìm ra các tác động tích cực, các hạn chế của chính sách làm giảm kết quả của các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, chỉ ra những “nút thắt” cần tháo gỡ để bổ sung, sửa đổi các chính sách. Trên cơ sở phát hiện các tồn tại, hạn chế trong hệ thống chính sách hiện hành, vận dụng lý luận và cơ sở khoa học về hoạch định chính sách, nghiên cứu sẽ đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống các chính sách **xóa** đói, giảm nghèo của Lào giai đoạn đến năm 2020.

- Eryso Phantivong, (2018) *“Thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh miền Bắc CHDCND Lào hiện nay”* [16], tác giả đã phân tích các điều kiện thuận lợi, khó khăn và hạn chế trên các lĩnh vực khi thực hiện chính sách dân

tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào, tác giả còn đưa ra 4 nguyên nhân của thành tựu thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào hiện nay, trong nguyên nhân thứ 3 đã nói về sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các tỉnh luôn coi trọng việc thực hiện chính sách dân tộc phải gắn liền với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh của địa phương, tập trung vào việc xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn và thực hiện xây dựng bản, cụm bản phát triển nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch phát triển giữa các vùng, của các dân tộc, thực hiện tốt chương trình mục tiêu phấn đấu trong việc xóa đói giảm nghèo để hoàn thành mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra đến năm 2020 đưa đất nước Lào thoát khỏi tình trạng đói nghèo [16, tr.85-86].

- Bounkhong PHOUANGMANY (2021), *“Đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ nghèo ở tỉnh Luang Nam Tha, nước CHDCND Lào”* [3]. Tác giả hệ thống hóa và khái quát hóa lý thuyết liên quan đến hộ nghèo và việc bảo đảm sinh kế bền vững cho các hộ nghèo thoát nghèo bền vững; đánh giá kết quả đạt được về đảm bảo sinh kế bền vững cho hộ nghèo Luang Nam Tha giai đoạn 2011- 2020; đề ra phương hướng giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho hộ nghèo ở Luang Nam Tha giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030. Tác giả còn phân tích và đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ nghèo ở tỉnh Luang Nam Tha giai đoạn 2011 - 2020, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất phương hướng và giải pháp để tiếp tục đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 góp phần hoàn thành chiến lược của Đảng và Nhà nước Lào về thúc đẩy phát triển KT-XH trong giai đoạn mới.

- Thanukoon Xayyasanh, *"Xây dựng bản và cụm bản phát triển ở CHDCND Lào trong giai đoạn mới"* [108]. Tác giả khẳng định rằng trong giai đoạn mới hiện nay "Việc xuống địa phương xây dựng chính trị cơ sở, phát triển nông thôn và giải quyết vấn đề đói nghèo cho nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài". Tác giả còn khái quát thực trạng quá trình xây dựng chính trị cơ sở, xây dựng bản và cụm bản phát triển từ năm 2006 -

2010 trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, từ đó đưa ra 6 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và tăng cường sự lãnh đạo của đảng là yếu tố khách quan tiên quyết sự thành công.

- Oudomphone Sivongsa (2019) với bài: “*Chính sách giảm nghèo ở tỉnh Saravanh, nước CHDCND Lào*” [31], từ tiếp cận nhân tố chính sách ảnh hưởng đến giảm nghèo bền vững, với mục tiêu nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, trong những năm qua, CHDCND Lào nói chung, tỉnh Saravanh nói riêng đã thực hiện nhiều chính sách giảm nghèo đa chiều. Chương trình giảm nghèo đã thu được nhiều kết quả khả quan, tạo tiền đề để tỉnh Saravanh tiếp tục đề ra những giải pháp giảm nghèo đa chiều bền vững trong thời gian tới.

Nói chung, các công trình của các tác giả khoa học của Lào có những nội dung quan trọng thể hiện những quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Lào dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề có liên quan đến giảm nghèo của Đảng và Nhà nước Lào trong thời gian qua. Nhưng chưa có công trình riêng biệt nào nghiên cứu về thực hiện công tác giảm nghèo ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng. Luận án này là một cố gắng bước đầu của tác giả, nhằm đóng góp một phần vào việc nghiên cứu, làm rõ việc thực hiện công tác giảm nghèo của Đảng và Nhà nước trên phạm vi miền Bắc nước CHDCND Lào.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

- Vũ Thị Vinh (2022): “*Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay*” [52]. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã không ngừng quan tâm phát triển KT-XH, đồng thời thực hiện xóa đói, giảm nghèo. Trong suốt gần ba thập kỷ, sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam đã làm thay đổi tích cực đời sống của nhân dân. Công cuộc đổi mới không chỉ đạt được những thành tựu đáng khích lệ về tăng trưởng kinh tế mà còn đem

lại những thành tích đầy ấn tượng về xóa đói, giảm nghèo. Việt Nam đã được quốc tế đánh giá cao về các thành tựu đạt được trong tăng trưởng kinh tế và xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên, giảm nghèo đói ở Việt Nam vẫn đang là vấn đề bức xúc. Tình trạng chênh lệch giàu nghèo và sự phát triển không đồng đều giữa các vùng đang có chiều hướng gia tăng có thể gây ra những hậu quả xã hội tiêu cực khó lường. Trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, tăng trưởng kinh tế và xóa đói, giảm nghèo có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến ổn định chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường. Phát triển bền vững là chủ trương lớn, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH của Việt Nam trong những năm tiếp theo.

- Nguyễn Phú Hưng (2021) “Xóa đói giảm nghèo - điểm sáng trong bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam” [20]. Tác giả đã nêu kết quả thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2020. Đây là biểu hiện sinh động về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và những thành tựu trong thực hiện chủ trương này thời gian qua là điểm sáng về bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam. Tác giả còn đưa ra 5 giải pháp để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 như: một là, “đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong công tác giảm nghèo”; Hai là, “nâng cao chất lượng phong trào thi đua (cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau)”; Ba là, “Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững”; Bốn là, “Đẩy mạnh thực hiện chính sách phát triển KT-XH liên vùng”. Năm là, “Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo”. Ngoài đó, tác giả còn đưa ra kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2021 - 2030 là, “Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo” và “Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong công cuộc giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội”. Thực hiện đồng bộ nội dung, giải pháp trên, công tác xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam sẽ có kết quả tốt hơn nữa.

- Nguyễn Thị Phương Thủy (2006): "*Thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*" [47]. Tác giả cung cấp một số cơ sở lý luận về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng cộng sản Việt Nam; tác giả đánh giá những thành tựu và hạn chế; từ đó, đưa ra một số quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây cũng một số công trình nghiên cứu mà tác giả luận án có thể tham khảo soi chiếu trong xây dựng khung lý thuyết việc thực hiện công tác giảm nghèo ở CHDCND Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng.

- Oxfam và ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (2013): "*Nhân rộng mô hình giảm nghèo*" tại các cộng đồng dân tộc" [32] có nêu nhận xét quá trình phát triển kinh tế thị trường đã rộng mở không gian văn hóa của người dân tộc thiểu số Việt Nam. Trong bối cảnh mới đầy thách thức và cũng không ít cơ hội. Trong bối cảnh đó, một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số đã vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, để thúc đẩy mở rộng Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, cần phát huy các thế mạnh nội sinh cũng như tận dụng các cơ hội từ bên ngoài, trong đó có vai trò quan trọng của các yếu tố xã hội ở cấp cộng đồng. Nó có thể tạo nên "điểm sáng" trong việc chia sẻ các thực hành tốt nhất, hỗ trợ công nghệ và kỹ thuật mới cho các cá nhân đi tiên phong, tận dụng các thế mạnh của địa phương, kết nối với cơ sở hạ tầng bên ngoài cũng như duy trì phát triển các hoạt động xã hội và mạng lưới.

- Phạm Mỹ Duyên (2020), luận án tiến sĩ "*Sinh kế giảm nghèo bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long*" [14]. Tác giả đã đề xuất các chính sách, giải pháp tiếp cận ở khía cạnh vĩ mô (chính quyền) và vi mô (doanh nghiệp, hộ gia đình) nhằm giúp hộ nghèo nâng cao năng lực sinh kế và lựa chọn hoạt động sinh kế để thoát nghèo bền vững. Phân tích và đánh giá thực trạng của vốn sinh kế và các yếu tố tác động đến sự lựa chọn chiến lược sinh kế của hộ, vai trò của các hoạt động sinh kế đối với nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, đề xuất các giải pháp để giúp người nghèo nâng cao năng lực sinh kế và lựa chọn hoạt động sinh kế giảm nghèo bền vững.

- Thu Hòa (2021), “*Việt Nam giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và hướng tới không còn người nghèo đói vào năm 2045*” [18], tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng ở Việt Nam, coi giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển. Mục tiêu, nhiệm vụ này được thể hiện đậm nét trong các văn kiện của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, các chiến lược, kế hoạch, đề án, chương trình của Chính phủ Việt Nam. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã cho thấy những thành tựu tích cực mà Việt Nam đạt được trong công tác giảm nghèo và phát động phong trào giảm nghèo mới với mục tiêu Việt Nam không còn người nghèo đói vào năm 2045.

- Nguyễn Anh Phong (2021), đề tài khoa học cấp bộ: “*Nghiên cứu bài học kinh nghiệm thoát nghèo của một số xã đặc biệt khó khăn*” [34], tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về giảm nghèo và thoát nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn; chỉ ra 3 cách tiếp cận về giảm nghèo gồm: giảm nghèo dựa vào tăng trưởng nông nghiệp, giảm nghèo dựa vào tạo việc làm ở khu vực phi chính thức và giảm nghèo thông qua hỗ trợ phát triển các mô hình thị trường phù hợp. Nghiên cứu kinh nghiệm giảm nghèo ở một số quốc gia trên thế giới, rút ra các bài học kinh nghiệm có thể áp dụng vào các xã đặc biệt khó khăn ở Việt Nam. Đề xuất bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp nhằm thoát nghèo bền vững ở các xã đặc biệt khó khăn trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết các bài học kinh nghiệm thoát nghèo ở một số xã đặc biệt khó khăn.

- Nguyễn Đức Nhật (2015): “*Nghiên cứu các mô hình giảm nghèo của các đối tác quốc tế ở Việt Nam*” [30]. Các tác giả đã lựa chọn 3 dự án để nghiên cứu sâu gồm dự án “Mô hình sinh kế dựa vào chuỗi giá trị” của tổ chức Oxfam, mô hình tiết kiệm tín dụng của tổ chức Cứu trợ trẻ em Nhật Bản (SCJ) và mô hình giảm nghèo dựa vào phát triển kinh doanh nhóm du lịch cộng đồng của tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Tập trung làm rõ phương pháp tiếp cận, quy trình triển khai và kết quả tác động của từng dự án của các đối tác quốc tế tài trợ trong những bối cảnh khác nhau. Đặc biệt đã chú trọng

vào đặc điểm tình trạng đói nghèo ở mỗi vùng miền có đặc tính và các phương pháp tiếp cận khác nhau. Phân tích việc thực thi các dự án chú ý tính tự chủ của địa phương, sự tham gia của người dân và lựa chọn đối tác triển khai phù hợp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, mô hình của các tổ chức quốc tế thành công hơn bởi họ tuân thủ các nguyên tắc của lý thuyết kinh tế, xây dựng động lực tham gia của các bên và trao quyền tự quyết cho người dân. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm thành công của các chương trình giảm nghèo của các tổ chức quốc tế nhằm gợi ý việc cân nhắc lựa chọn các mô hình có quy mô tương đương của chương trình giảm nghèo quốc gia thời gian tới.

- Nguyễn Quốc Dũng, Võ Thị Kim Thu (2016): “*Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững*” [13], trong cuốn sách các tác giả đã dựa trên cơ sở tiếp cận không chỉ qua các chính sách hỗ trợ về kinh tế, mà còn đi sâu nghiên cứu về đời sống tinh thần, phong tục, tập quán, nét văn hóa truyền thống, tín ngưỡng đặc thù của dân tộc Khmer tác giả phân tích và đánh giá tổng thể thực trạng về đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào Khmer, chỉ rõ nguyên nhân nghèo đói của họ và đề ra phương hướng, giải pháp cơ bản góp phần giảm nghèo cho đồng bào Khmer trên quan điểm thiết thực.

- Võ Thị Thu Nguyệt (2010): “*Xóa đói giảm nghèo ở Malaixia và Thái Lan bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” [29], tác giả cho rằng, cùng với quá trình phát triển kinh tế, nhiều quốc gia Đông Nam Á giải quyết rất tốt vấn đề xóa đói giảm nghèo và thu được nhiều thành tựu khả quan; trong đó, có Liên bang Malaixia và Vương quốc Thái Lan. Những quốc gia này đã được Ngân hàng thế giới xếp trong danh sách các nước Đông Nam Á thực hiện xóa đói giảm nghèo thành công nhất. Chiến lược xóa đói giảm nghèo của Malaixia và Thái Lan là bài học quý đối với những quốc gia đang hướng tới mục tiêu kinh tế tăng trưởng cao đi đôi với công bằng xã hội, đặc biệt là những nước có điều kiện về vị trí địa lý cũng như dân tộc tương đối gần gũi như Việt Nam. Vì thế, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo của những quốc gia này.

- Bùi Thị Hoàn (2013): *“Phân hóa giàu - nghèo ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* [19], tác giả đã trình bày về khái niệm phân hóa giàu - nghèo, những vấn đề liên quan và tác động của nó đối với sự phát triển xã hội (chương I). Ngoài ra, tác giả tập trung phân tích thực trạng, nguyên nhân, xu hướng vận động và những vấn đề đặt ra đối với sự phân hóa giàu - nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam (chương II). Hơn nữa, tác giả đề ra một số giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế sự phân hóa giàu - nghèo; trong đó, tập trung vào hai nhóm giải pháp chính: một là, nhóm giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo và hai là, nhóm giải pháp hạn chế sự làm giàu không chính đáng (chương III). Tóm lại, quyển sách đã làm sáng tỏ một số vấn đề về thực trạng, nguyên nhân, xu hướng vận động của sự phân hóa giàu - nghèo và những giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Diệp Văn Sơn (2007): *“Chỉ có tăng trưởng kinh tế mới giúp dân thoát nghèo bền vững”* [36], tác giả đã phân tích các thành tựu về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam làm cho công cuộc xoá đói, giảm nghèo đạt được kết quả cao; đồng thời chỉ ra những bất cập và hạn chế trong công tác xoá đói, giảm nghèo. Trên cơ sở những kinh nghiệm của nền kinh tế thế giới và Việt Nam về công tác xoá đói, giảm nghèo, tác giả còn khẳng định sự tăng trưởng kinh tế là cách thức giảm nghèo bền vững và hiệu quả nhất.

- Bùi Minh Đạo (2005): *“Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên”* [15]. Sau khi tác giả đã khái quát các điều kiện về môi trường cư trú, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên, tác giả làm rõ các chính sách và kết quả thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo. Từ đó, tác giả cũng đưa ra một số giải pháp xoá đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên. Theo tác giả, thực hiện xoá đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên cần quán triệt các quan điểm: Xóa đói giảm nghèo là một cuộc cách mạng toàn diện; xoá đói giảm nghèo gắn với thực hiện chính sách dân tộc, bảo vệ an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái;

xóa đói giảm nghèo trên cơ sở xem xét thiết chế xã hội truyền thống và phù hợp với đặc điểm, bảo tồn đa dạng văn hóa tộc người; kế thừa tri thức bản địa của người dân về cách quản lý nguồn tài nguyên. Ngoài ra, tác giả cũng đề ra một số nhóm giải pháp như nâng cao năng lực, phát triển sản xuất, xã hội. Cuối cùng tác giả nhấn mạnh, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên. Đây cũng là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp cho nghiên cứu sinh có cái nhìn về xóa đói giảm nghèo bao quát hơn ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

1.2.1. Công trình khoa học của Lào

- Sôm sa vát LEENG SA VẮT: “Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII và lần thứ IX của Đảng NDCM Lào” [107]. Chính phủ Lào đã xây dựng một số chương trình hành động của những năm đầu thế kỷ 21, trong đó thanh toán đói nghèo được xác định là một trong những chương trình trọng điểm với mục tiêu cả nước hoàn thành xóa đói giảm nghèo vào năm 2020. Đây cũng là chương trình mang ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc và được gắn với cuộc vận động xây dựng gia đình văn hoá, bản văn hoá mà tiêu chuẩn hàng đầu là mọi thành viên trong cộng đồng đều có nghề nghiệp ổn định, có cuộc sống đủ ăn và đủ mặc. Căn cứ vào thực tế về số hộ đói nghèo, tiềm năng đất đai, tập quán sản xuất, nguồn vốn hiện có... tư từng địa phương đã xây dựng chương trình hành động với những bước đi và các mục tiêu phù hợp nhằm bảo đảm đạt hiệu quả cao, trước hết ở các vùng trọng điểm. Cuộc chiến thanh toán đói nghèo ở Lào đã và đã có tác dụng rõ rệt đến với các hộ nghèo. Mỗi nơi một cách làm, nhưng đều có chung mục tiêu giúp các hộ gia đình khó khăn vượt qua đói nghèo, vươn lên làm giàu. Cùng với đó, Tổng Thư ký LHQ Ban Ki Mun cũng đã đánh giá cao những tiến bộ của Lào đã đạt được trong công cuộc xóa đói nghèo, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và tích cực hội nhập kinh tế toàn cầu.

- Bunthoong CHITMAMY (2012), luận tiến sĩ “*Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển nông thôn mới ở CHDCND Lào hiện nay*” [6], tác giả đề xuất phương hướng và những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng,

hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn mới ở nước CHDCND Lào. Tác giả làm rõ vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển giai cấp nông dân và phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; làm rõ vai trò, nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong lãnh đạo xây dựng và phát triển nông thôn mới. Trong đó, tác giả còn phân tích rõ thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển nông thôn đất nước Lào và đồng thời tác giả còn chỉ ra những vấn đề cấp thiết cần quan tâm giải quyết. Các nội dung của luận án có thể tham khảo, vận dụng, kế thừa những phương hướng; những giải pháp; thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào giai đoạn hiện nay.

- Khăm Phăn PHỒM MA THẮT (2014), bài *“Chủ tịch Cây Xỏn Phôm Vị Hạn về sự nâng cao phẩm chất của hàng ngũ cán bộ chủ chốt trong sự nghiệp đổi mới”* [88], tác giả đã chỉ rõ theo Chủ tịch Cây Xỏn Phôm Vị Hạn, phẩm chất, đạo đức của cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn đổi mới gồm có: “Lập trường vững vàng với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, biết rõ giữa Bạn và thù địch”, có trách nhiệm công vụ cao, “Hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”, và “Phải trong sạch, chăm chỉ, tiết kiệm, chân thực”, phương thức làm việc phải tiếp cận với quần chúng, nói đi đối với làm, phải dẫn đầu làm gương mẫu, trung thực, khiêm tốn, đơn giản, trong sáng. Đây là những chỉ dẫn và có giá trị để nghiên cứu sinh định hướng nghiên cứu về trách nhiệm, nhận thức, tư tưởng của các cấp ủy đảng, cán bộ đảng viên và các toàn thể nhân dân về công tác giảm nghèo nói chung, nhất là ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng.

- Phu thông Sỹ Văn Thông Khăm về bài *“Quan điểm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về công tác dân tộc ở CHDCND Lào”* [94]. Tác giả đã khái quát những quan điểm cơ bản về dân tộc của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào qua các kỳ Đại hội. Từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm tăng cường công

tác dân tộc có hiệu quả hơn trong thời gian tới như: 1). Tăng cường việc xây dựng - hoàn thiện hệ thống trị trị cơ sở vững mạnh theo hướng xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược, huyện thành đơn vị kế hoạch và bản thành đơn vị tổ chức thực hiện. 2). Đẩy mạnh sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hóa nhằm thay đổi từ sản xuất dựa vào tự nhiên sang sản xuất hàng hóa, phát huy tiềm năng của các địa phương miền núi vùng cao và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc Lào.

- Chăn Sy Phô Sy Khăm, bài "*Quan tâm xây dựng Đảng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và phong cách lãnh đạo*" [74]. Về công tác chính trị, tư tưởng, tình hình chính trị thế giới và khu vực có nhiều diễn biến mau chóng, phức tạp, khó lường; mặt trái cơ chế thị trường; sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ; toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tăng cường chống phá, Đảng và Nhà nước Lào. Cán bộ đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, yên tâm công tác lao động, sản xuất, đời sống của nhân dân tương đối ổn định. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố; vai trò và hiệu lực lãnh đạo, quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân tiếp tục được tăng cường quyền làm chủ của nhân dân. Công tác chính trị tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các bộ tộc Lào, đã được tiến hành dưới nhiều hình thức, biện pháp đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của từng cơ quan đơn vị và cơ sở. Sự quan tâm công tác chính trị, tư tưởng của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, các cơ quan đơn vị và nhân dân đã tạo được sự diễn biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần tích cực giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng trung thành với Đảng, với tổ quốc và nhân dân, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần sẵn sàng nhận nhiệm vụ, ý thức kỷ luật. Kết quả của công tác chính trị, tư tưởng đã góp phần quan trọng trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

Đặng Kim Sơn, *“Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp - hoá hiện đại hoá”* [35], tác giả đã nói về bước vào giai đoạn đầu cải cách kinh tế, các chính sách cải cách quan trọng nhất trong nông nghiệp bắt nguồn từ những giải pháp “phá rào” của nông dân ở cơ sở. Cuối thập kỷ 1970, các tỉnh còn lạc hậu khó khăn như tỉnh An Huy, tỉnh Tứ Xuyên, tỉnh Cam Túc, tỉnh Quý Châu, tỉnh Nội Mông... đã thực hiện khoán sản phẩm tới từng đôi sản xuất hoặc định mức sản xuất, có nơi còn bí mật tiến hành khoán sản phẩm tới từng hộ gia đình. Hình thức khoán sản phẩm dần dần lan ra cả nước; tháng 9 năm 1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra văn kiện số 75 chính thức cho phép khoán hộ. Sự lựa chọn giữa quy mô sản xuất lớn hay kinh tế hộ quay trở lại điểm khởi đầu 30 năm trước, khi cải cách ruộng đất cho hộ tiểu nông.

- Phạm Tất Thắng (2011), luận án tiến sĩ *“Đánh giá cán bộ huyện diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay”* [38]. Tác giả đã khảo sát về công tác đánh giá cán bộ huyện diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý, khảo sát đội ngũ cán bộ huyện diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở các tỉnh Đồng Bằng sông Hồng; khảo sát tại 09 tỉnh/11 tỉnh thành, thành phố thuộc vùng Đồng Bằng sông Hồng (trừ thành phố Hà Nội, tỉnh Hải Dương). Luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu của các công trình khoa học tiêu biểu liên quan đến đề tài. Luận án nêu đánh giá cán bộ huyện diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng - những vấn đề lý luận và thực tiễn. Tác giả cũng đề cập đến đánh giá cán bộ diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở các tỉnh Đồng Bằng sông Hồng - thực trạng, nguyên nhân, kinh nghiệm và những vấn đề đặt ra.

- Lê Quốc Lý (chủ biên), *“Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp”* [23]. Với 9 chương, cuốn sách trình bày một cách tổng quan thực trạng đói nghèo ở Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và các chính sách của Nhà nước về xóa đói giảm nghèo; các chương trình xóa đói

giảm nghèo điển hình; việc thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo của Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2010; nêu những định hướng, mục tiêu xoá đói giảm nghèo và cơ chế, giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách xoá đói giảm nghèo. Theo tác giả, từ khi thực hiện đường lối đổi mới (1986) đến năm 2012, chính sách xoá đói giảm nghèo được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và xây dựng thành chương trình mục tiêu quốc gia. Qua đó, nhận thức về vai trò quan trọng của xoá đói giảm nghèo đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội được thay đổi căn bản ở các cấp, các ngành liên quan. Vì vậy, trong giai đoạn 2001 - 2010, công cuộc xoá đói giảm nghèo đạt được những thành tựu hết sức ấn tượng, góp phần làm tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thay đổi mức sống của người nghèo, tăng lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước... Tuy nhiên, công cuộc xoá đói giảm nghèo vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định như thành tựu chưa thật sự bền vững, chính sách chồng chéo, thiếu thống nhất và đồng bộ, chủ yếu thiên về số lượng, chưa chú trọng đến chất lượng giảm nghèo, mang tính chất ngắn hạn...

Trần Quốc Toàn (2020), *“Đảng lãnh đạo công cuộc xoá đói, giảm nghèo”* [49], bài viết đã khẳng định, xoá đói giảm nghèo là một chủ trương lớn, xuyên suốt của Đảng cộng sản Việt Nam qua nhiều nhiệm kỳ, với những nội dung và giải pháp thích hợp trong từng giai đoạn, và cho đến nay. Giải quyết vấn đề này đã được đặt lên tầm tương quan với chính sách phát triển kinh tế. Phân tích những giải pháp và kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, bất cập trong công cuộc xoá đói giảm nghèo qua 35 năm đổi mới và đề xuất định hướng công tác xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Trần Lê Thanh (2015), luận án tiến sĩ *“Đảng lãnh đạo thực hiện xoá đói, giảm nghèo ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam từ năm 1996 đến năm 2010”* [37]. Tác giả phân tích tái hiện lịch sử lãnh đạo thực hiện xoá đói, giảm nghèo của Đảng ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam nhất là vùng đặc biệt khó khăn; làm rõ chủ trương, chính sách xoá đói giảm nghèo của

Đảng; đánh giá những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và rút ra một số kinh nghiệm lãnh đạo thực hiện xóa đói giảm nghèo của Đảng (Đảng và các đảng bộ) ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

- Nguyễn Tôn Phương Du (2014), luận án tiến sĩ *“Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo xóa đói giảm nghèo từ năm 1986 đến năm 2011”* [12]. Tác giả làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào lãnh đạo xóa đói giảm nghèo từ năm 1986 đến năm 2011; trên cơ sở đó, đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho hiện tại. Trong đó tác giả trình bày một cách có hệ thống những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xóa đói giảm nghèo; làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo xóa đói giảm nghèo; đánh giá khách quan những ưu điểm, hạn chế và kinh nghiệm Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo xóa đói giảm nghèo.

- Nguyễn Thị Mai Chi (2010): *“Kết quả thực hiện chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay”* [7], tác giả đã tổng kết một số chủ trương của sự lãnh đạo của Đảng và chương trình của Chính phủ về công tác xóa đói giảm nghèo từ năm 1991 - 2008; đồng thời, đã nêu một số kết quả đạt được của chương trình để minh chứng *“Đó là những cố gắng vượt bậc của Đảng, Nhà nước và của cả cộng đồng trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển bền vững”*.

Phạm Đức Kiên (2011): *“Tăng trưởng kinh tế gắn với xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam (1991 - 2010)”* [22] tác giả cho rằng, thực tiễn gần 25 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là từ khi thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) đã và đang minh chứng tăng trưởng kinh tế gắn với xóa đói, giảm nghèo là bảo đảm cho tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đồng thời cải thiện vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân. Sau đó, làm rõ nhận định trên và dẫn chứng những chủ trương của Đảng, chương trình của Chính phủ về công tác xóa đói, giảm nghèo và các kết quả của nó từ giai đoạn năm 1991 - 2010.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU LÀM RÕ

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến đề tài

**** Các công trình nghiên cứu về giảm nghèo***

Nhìn chung, có khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã làm rõ các khái niệm cơ bản như: khái niệm đói nghèo, chính sách xóa đói, giảm nghèo ở miền núi và khái niệm vùng cao dân tộc... Hầu hết các công trình nghiên cứu ở Việt Nam và ở CHDCND Lào đều luận giải khung lý thuyết về đánh giá chính sách xóa đói, giảm nghèo, nội dung thực hiện, kết quả tác động mang lại, những khó khăn vướng mắc và những vấn đề còn bỏ ngỏ trong quá trình thực hiện chính sách. Việc đề xuất các phương hướng và giải pháp hoàn thiện, một mặt dựa trên phân tích các hạn chế, khuyết điểm và yêu cầu thực tế.

Với việc khảo sát khá công phu, nghiêm túc, toàn diện với những số liệu phong phú, cập nhật, tin cậy và làm cơ sở để đánh giá đúng trong thực trạng đói nghèo trên phạm vi cả nước nói chung và ở các tỉnh miền Bắc nói riêng, phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đói nghèo; thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo; phân tích nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm và đề xuất giải pháp đối với thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo là nguồn tư liệu quý để nghiên cứu sinh tham khảo và kế thừa có chọn lọc trong công trình nghiên cứu của mình.

**** Các công trình nghiên cứu về Đảng lãnh đạo công tác giảm nghèo***

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam và ở CHDCND Lào đã luận giải khá rõ những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Cay Sôn Phôm Vi Hân, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào về công tác giảm nghèo để xây dựng đất nước. Nhiều công trình đã thể hiện các khía cạnh nghiên cứu liên quan và trực tiếp về Đảng lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo ở một số vùng và một số tỉnh miền Bắc Việt Nam và miền Bắc Lào. Những công trình nghiên cứu liên quan và trực tiếp về

giảm nghèo đã đánh giá thực trạng đói nghèo trên phạm vi cả nước và phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đói nghèo; đánh giá chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, công tác tổ chức thực hiện ở Trung ương và địa phương, kết quả thực hiện, phân tích nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm và đề xuất giải pháp đối với thực hiện giảm nghèo.

Qua các công trình nghiên cứu trên đây cho thấy còn những nội dung mà nghiên cứu sinh thấy cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ như:

Việc hệ thống hóa chủ trương, chính sách giảm nghèo và chỉ đạo thực hiện của Đảng NDCM Lào chưa được tập trung nghiên cứu làm rõ.

Việc hệ thống hóa nội dung chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và chỉ đạo thực hiện của các đảng bộ theo phạm vi vùng, trong đó có miền Bắc Lào chưa được tập trung làm rõ.

Việc đánh giá vai trò sự lãnh đạo của hệ thống tổ chức Đảng (bao gồm Đảng và các đảng bộ địa phương) đối với thực hiện công tác giảm nghèo ở các địa phương theo phạm vi vùng, trong đó có miền Bắc của Lào còn ít được quan tâm nghiên cứu.

Từ những nội dung trên đây đặt ra cho nghiên cứu sinh những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu:

Đánh giá về vai trò lãnh đạo của Đảng (bao gồm Đảng và các đảng bộ địa phương) đối với thực hiện công tác giảm nghèo ở các địa phương theo phạm vi vùng miền Bắc Lào bao gồm:

Vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua việc đề ra chủ trương, chính sách giảm nghèo và chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các đảng bộ địa phương triển khai thực hiện ở các tỉnh nhất là các tỉnh miền Bắc.

Vai trò lãnh đạo của các đảng bộ đối với thực hiện công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc thông qua việc vận dụng chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và chỉ đạo chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội... thực hiện.

Đánh giá ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm và rút ra kinh nghiệm lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo ở các tỉnh ủy miền Bắc của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (Đảng và các đảng bộ địa phương).

1.3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ

Kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước đã nêu ở trên, luận án sẽ tiếp tục tập trung khảo sát, nghiên cứu làm rõ những vấn đề mà các tác giả chưa đề cập đến và cần tiếp tục nghiên cứu, cụ thể là:

Một là, luận án tiếp tục trình bày một cách có hệ thống cơ sở lý luận về công tác giảm nghèo và thực hiện giảm nghèo, trên cơ sở làm rõ các phạm trù, khái niệm liên quan đến tình ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo. Hệ thống quan điểm của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về vấn đề giảm nghèo; chỉ rõ những yếu tố tác động đến việc tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo của Đảng và Nhà nước ở các tỉnh miền Bắc Lào giai đoạn hiện nay.

Hai là, nghiên cứu, phân tích thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân về các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo.

Ba là, đề xuất những phương hướng và những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đối với công tác giảm nghèo trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Trong chương này tác giả tập trung tổng hợp những công trình có liên quan đến đề tài luận án dưới nhiều khía cạnh và góc độ khác nhau về giảm nghèo và thực hiện công tác giảm nghèo, những nguyên tắc, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo và lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo ở Việt Nam và Lào.

Các công trình nghiên cứu trên là tài liệu quý báu cho tác giả tham khảo, tham chiếu nhằm thực hiện hoàn thành những vấn đề cần được tiếp tục đi sâu nghiên cứu với phạm vi nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh ở miền Bắc Lào. Như vậy, tác giả chọn đề tài ***“Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay”*** là có tính cấp thiết; phù hợp với yêu cầu thực tiễn của cách mạng hiện nay cũng như yêu cầu trong việc thực hiện công tác giảm nghèo ở CHDCND Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng.

Chương 2

CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. KHÁI QUÁT CÁC TỈNH, ĐẢNG BỘ TỈNH VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

2.1.1. Các tỉnh ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

2.1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Các tỉnh ở miền Bắc Lào có vị trí chiến lược quan trọng cả chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh - quốc phòng bao gồm 8 tỉnh: Hua Phăn, Phong Sa Ly, Luông Năm Tha, U Đôm Xay, Bo Keo, Luông Pha Bang, Xay Nha Bu Ly, Xiêng Khoang; có 64 huyện; có dân số 2.352.527 người chiếm 32,53% dân số cả nước; có tỷ lệ người nghèo cao chiếm 11,84% so với cả nước 18,3%; có 34/49 dân tộc sinh sống (Xem phụ lục 2); có diện tích 112.126 km² [102]; có biên giới giáp với 4 nước láng giềng: Việt Nam, Thái Lan, Myanmar và Trung Quốc. Là một miền núi cao, hơn 80% diện tích là đồi và núi cao. Khoảng 20% diện tích là đồng bằng bên sông Mê Kông và một số con sông nhỏ khác; đa số chảy từ hướng đông sang phía tây đổ vào sông Mê Kông, chỉ có một số con sông ở tỉnh Hua Phăn chạy từ phía Tây sang phía Đông. Miền Bắc có khí hậu gió lạnh; nhiệt độ trung bình 20⁰C (phụ lục 1). Một năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; lượng mưa bình quân khoảng 1.330 mm³/năm. Tuy là một miền trung du miền núi và núi cao, nhưng là một miền có nhiều tiềm năng, thế mạnh, giàu có về tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản: than, antimoan, muối, đồng, vàng, sắt, rừng tự nhiên, sông suối...

Các tỉnh ở miền Bắc Lào có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hơn miền Trung và miền Nam Lào do tiếp giáp với 4 nước láng giềng có đường biên giới đi lại thuận lợi cho giao lưu, trao đổi mua bán với các nước xung quanh. Các con sông là một điều kiện thuận lợi phục vụ cho việc sản xuất và

sinh hoạt của nhân dân các dân tộc và xây dựng công nghiệp thủy điện; đất đai ở các tỉnh miền Bắc phù hợp với chăn nuôi, trồng trọt để phát triển nông nghiệp và phát triển du lịch...

Các tỉnh ở miền Bắc Lào có địa hình rất phức tạp, được phân thành các vùng như vùng núi và vùng trung du của tỉnh U Đôm Xay, vùng cao núi đá, vùng cao núi đất và vùng thấp của tỉnh Luông Pha Bang, vùng cao và vùng trung du của tỉnh Bo Keo, vùng núi cao và vùng có các bãi bằng nhỏ của tỉnh Xay Nha Bu Ly. Với địa hình phức tạp, trong đó có các dãy núi cao tạo ra bề mặt dốc, bị chia cắt sâu và mạnh đặc biệt là Xay Nha Bu Ly.

Cùng với thuận lợi đó, miền Bắc còn có nhiều khó khăn so với miền Trung và miền Nam Lào. Do điều kiện tự nhiên, địa hình rất khó khăn trong việc xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, vận chuyển hàng hóa; bên cạnh đó thiên tai cũng hay xảy ra nên ảnh hưởng đến hiệu quả việc triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo.

Các tỉnh ở miền Bắc Lào có diện tích rừng tự nhiên rộng, chiếm hơn một nửa diện tích đất tự nhiên toàn vùng, với kiểu kết cấu rừng nhiều tầng, nhiều lớp, cùng với sự phong phú của nhiều loài cây, trong đó có nhiều loài cây cho gỗ quý. Tuy nhiên, do quản lý và khai thác không tốt cho nên diện tích rừng tự nhiên trong những năm gần đây, có xu hướng giảm (phụ lục 2).

Theo khảo sát những năm gần đây cho thấy, các tỉnh ở miền Bắc Lào là một nơi có nhiều chủng loại khoáng sản khác nhau, trong đó có nhiều loại khoáng sản hiếm như: than đá, vàng, ngọc, đồng, chì... được phát hiện ở tỉnh Xiêng Khoảng, tỉnh U Đôm Xay, tỉnh Hua Phăn, tỉnh Luông Năm Tha, tỉnh Luông Pha Bang và tỉnh Xay Nha Bu ly... Về lâu dài, các tỉnh ở miền Bắc Lào có thể trở thành trọng điểm kinh tế công nghiệp của quốc gia, nhất là công nghiệp khai khoáng và chế biến các nguyên liệu từ khai khoáng.

Tài nguyên nước: Hệ thống sông ngòi của các tỉnh miền Bắc Lào khá phong phú với 52 lưu vực sông và suối. Tổng diện tích lưu vực 78.400km² với chiều dài sông, suối 61.910km². Một phần 2 miền Bắc Lào có sông Mê Kông là con sông lớn nhất của Lào chảy qua 4 tỉnh: tỉnh Bo Keo, tỉnh U Đôm

Xay, tỉnh Luông Pha Bang và tỉnh Xay Nha Bu Ly. Ngoài sông Me Kông có các sông nhỏ và còn nhiều hồ, suối phân bố trên khắp địa bàn các tỉnh. Hệ thống sông, suối rất là phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh có thể khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và sinh hoạt cũng như diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản.

Bên cạnh đó ở các địa bàn vùng cao núi đá của các tỉnh ở miền Bắc Lào nguồn nước rất khan hiếm, tình trạng thiếu nước sản xuất, sinh hoạt diễn ra thường xuyên và để đáp ứng được đầy đủ nhu cầu nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các địa bàn này đòi hỏi những đầu tư rất lớn về cơ sở hạ tầng [104].

2.1.1.2. Về kinh tế, văn hoá, xã hội

Nhờ ưu thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, nền kinh tế ở các tỉnh miền Bắc Lào có điều kiện phát triển thuận lợi cả về nông, công, thương nghiệp, du lịch và dịch vụ.

Trên lĩnh vực kinh tế, các tỉnh ở miền Bắc Lào có tất cả các ngành nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ và du lịch. Năm 2016 - 2020, tuy bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và dịch COVID-19 nhưng GDP của các tỉnh ở miền Bắc bình quân đạt 7,21% năm, tăng 0,81% so với giai đoạn 2011 - 2015, riêng năm 2018 đạt 7,53%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao là một trong những nguyên nhân chính tác động đến việc giảm nhanh tỷ lệ nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào. Hơn nữa, cơ cấu kinh tế của các tỉnh tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Song, tốc độ chuyển đổi còn chậm, sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo. Đây là một thách thức lớn khi đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế nói chung và giảm nghèo nói riêng.

Về nông - lâm nghiệp của các tỉnh ở miền Bắc Lào trưởng nhanh và khá toàn diện, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng khá cao, bình quân đạt 5,86%/năm. Hai thế

mạnh của ngành là nuôi, trồng và kinh tế vườn có nhiều bước phát triển. Năm 2020, có tổng diện tích nuôi thủy sản khoảng 86.244 hecta, đạt 101% so với kế hoạch, tăng 0,9% so với năm 2015; sản lượng khoảng 486.024 tấn, đạt 117,03% so với kế hoạch, tăng 8,39% so với năm 2015 [112]. Tuy nhiên, do môi trường không ổn định, một số hộ nuôi chưa tuân thủ lịch thời vụ... nên dịch bệnh xuất hiện nhiều, gây thiệt hại khoảng 20,4% diện tích thả nuôi. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật theo hướng Laogag và Globalap, chuyên canh, thâm canh, lai tạo giống mới, kết hợp trồng xen đã làm cho các vườn cây ăn trái đạt năng suất cao. Ngoài ra, các ngành chức năng cũng có nhiều cố gắng hướng dẫn nông dân giới thiệu thương hiệu trái cây ở các tỉnh miền Bắc Lào trên thị trường trong nước và ngoài nước. Tuy nhiên, nông sản của các tỉnh ở miền Bắc Lào cũng nằm trong quy luật chung “được mua mất giá”. Điều này tác động không nhỏ đến tình trạng đói nghèo và công tác giảm nghèo.

Về công nghiệp, ở các tỉnh miền Bắc Lào, tiểu thủ công nghiệp phát triển khá, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Năm 2016 - 2020 ngành công nghiệp giá trị sản xuất tăng bình quân 31%, chủ yếu chế biến cao su, ngô, sắn, hạt y dĩ và chè, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: bột ngô, bột sắn...

Về thương mại và dịch vụ, các tỉnh miền Bắc Lào cũng tiếp tục phát triển cả về qui mô lẫn chất lượng. Thị trường nội địa ổn định và phát triển theo hướng tự do hoá thương mại, đáp ứng nhu cầu sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Kinh tế đối ngoại được quan tâm thúc đẩy, các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và ngoài nước được tính vận dụng phù hợp, thông thoáng, thu hút được nhiều nhà đầu tư. Các doanh nghiệp tích cực tiếp thị quảng bá thương hiệu, giữ vững thị trường cũ, mở rộng thị trường mới tại nhiều nước. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của các tỉnh (cao su, bột ngô, bột sắn, hạt y dĩ và chè...) tương đối ổn định. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp ở các tỉnh miền Bắc Lào chủ yếu sản xuất hàng gia công hoặc xuất ngô, sắn, chuối, dứa chưa được chế biến sang các nước xung quanh nhất là

Trung Quốc và Thái Lan. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu nền kinh tế tăng khá nhanh 14,05% (2020), góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập.

Về du lịch, năm 2016 - 2020 các tỉnh ở miền Bắc Lào tăng trưởng khá, doanh thu tăng bình quân 27,12% nhất là tỉnh Luông Pha Bang và tỉnh U Đôm Xay, đã góp phần không nhỏ trong việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, Công tác quảng bá được chú trọng, cơ sở vật chất từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu của du khách, nhất là các điểm du lịch sinh thái miệt vườn kết hợp với tham quan sông nước, thác nước và di sản văn hoá... Tuy nhiên, nhìn chung, kết cấu hạ tầng du lịch một số nơi của một số tỉnh còn hạn chế, các điểm du lịch quy mô nhỏ lẻ, rời rạc, chưa có sự liên kết, sản phẩm đơn điệu, trùng lặp, chưa tạo được dấu ấn riêng...

Điều kiện văn hóa - xã hội

Qua các thời kỳ, đặc biệt là những năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân các dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng và phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, văn hóa cho đồng bào các dân tộc. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhiều chương trình, dự án, chính sách được ban hành nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào các bộ tộc Lào ở đây.

Ở địa bàn cư trú của nhiều DTTS có thể khai thác được đức tính cần cù, chịu khó, ý thức cộng đồng cao và sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Bên cạnh đó, trong cộng đồng các DTTS, ý thức cạnh tranh thường không cao, có tâm lý bình quân, bằng lòng với mức sống hiện tại, có một bộ phận người dân thì trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà Nước và cộng đồng, thiếu động lực vươn lên. Hạn chế trên của người dân được các cán bộ cơ sở các địa phương xác nhận. Cán bộ công chức chính trị - xã hội huyện Xay Sạ Than, tỉnh Xay Nha Bu Ly: Một số người dân chỉ mong được sự hỗ trợ để tiêu dùng mà không quan tâm đến làm thế nào để phát triển sản xuất (điều tra của tác giả, 2020). Cán bộ đảng ủy huyện Xay Sạ Than, tỉnh Xay Nha Bu Ly: Có một số người dân không muốn phấn đấu vươn lên, chỉ cần đủ ăn, có tích trữ được một ít gạo, muối, dầu ở trong nhà...(điều tra của tác giả, 2020).

Mỗi dân tộc có bản sắc riêng, một thiết chế xã hội cộng đồng được hình thành và tồn tại thông qua tập quán, tín ngưỡng, tập tục... và đó cũng là biểu hiện văn hóa của các vùng dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Tuy nhiên cấu trúc xã hội truyền thống cũng tạo ra những rào cản cho việc chuyển tải những kiến thức và kinh nghiệm mới, mà thực chất là những giá trị của nền văn hóa quốc gia vào các vùng dân tộc các tỉnh ở miền Bắc Lào và tất nhiên nó cũng ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhất định. Ở các tỉnh miền Bắc Lào có quá trình phát triển hòa hợp, tính cộng đồng thể hiện rất rõ trong bản thân đời sống của mỗi nhóm dân tộc cũng như các cộng đồng cư dân cùng sinh sống trên một địa bàn. Xen cư là hình thái phổ biến thường thấy ở vùng cao, trừ những vùng sâu, vùng xa có các nhóm rất ít người cư trú ở tỉnh Xay Nha By Ly có hai nhóm như: Nhóm người Pray (ở huyện Xay Xa Than) và nhóm người rừng (ở huyện Pieng). Có lẽ cũng bởi quá trình di cư trước đây không có một nhóm dân tộc lớn nào chiếm đa số mạnh và sự gắn kết đường như phương thức hữu hiệu được các dân tộc lựa chọn để chống lại thế lực đối nghịch con người và tự nhiên.

Do sự phát triển kinh tế hiện nay, nhiều nhóm vùng dân tộc các tỉnh ở miền Bắc Lào hòa nhập được vào sự phát triển chung của dân tộc đa số, điển hình là dân tộc Tày, Nùng, Phu thay, là những nhóm cư trú ở vùng thấp hơn, gần với cộng đồng Lào hoặc quá trình di cư của người Lào lên vùng núi sinh sống. Thường thì họ sinh sống ở thị trấn, thị tứ hay ven đường giao thông, các nông lâm trường, nơi có điều kiện giao lưu và cung cấp dịch vụ tốt hơn.

Về giáo dục, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được chuẩn hóa. Chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn tiếp tục duy trì và phát triển, khoảng cách về giáo dục giữa thành thị và nông thôn được thu hẹp, tỷ lệ phổ cập giáo dục đã tăng từ 58,94% năm 2010, lên đến 62,63% năm 2015 và 72,12% năm 2020. Trong tổng số 366 cán bộ sơ cấp, 9.700 cán bộ trung cấp và trên 15.720 cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng được đào tạo trong thời gian gần đây, thì gần 1/3 trong số đó đang công tác ở nông thôn các tỉnh ở miền Bắc Lào [99]. Trong những năm vừa qua, sự

nghiệp giáo dục ở các tỉnh ở miền Bắc Lào đã đạt được những thành tích đáng kể với sự nỗ lực và cố gắng của các cấp ủy Đảng, ngành thông qua nhiều chương trình quốc gia lớn như: Chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, trung học phổ thông, trường dân tộc nội trú. Nhưng thực tế cho thấy là mặt bằng học vấn của người dân quá thấp, tỷ lệ mù chữ ở nhiều nhóm người vùng DTTS miền Bắc Lào còn cao.

Về y tế, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ở các tỉnh miền Bắc Lào hiện nay cũng có nhiều tiến bộ đáng kể. Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh đã được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Nhờ đó tỷ lệ chết của bà mẹ và trẻ em ở các tỉnh miền Bắc Lào đã giảm xuống rõ rệt, tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 năm 43/1000 người (năm 2015), 31/1000 người (năm 2020) còn sống. Các bản (làng), có nước sạch dùng: 3.208 bản, bằng 75%; số hộ gia đình ở các tỉnh miền Bắc Lào có nhà vệ sinh chiếm 66,5% năm 2015 tăng lên 81,2% năm 2020 [102].

Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước Lào cũng tích cực chăm lo cải thiện đời sống văn hóa cho nhân dân các tỉnh miền Bắc Lào nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng DTTS và đã đặt ra chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong những năm sắp tới như: đẩy mạnh công tác phổ cập giáo dục cấp tiểu học, chống nguy cơ tái phát nạn mù chữ, nhất là vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa. Phát triển toàn diện nguồn nhân lực trên cả ba phương diện: trí dục, thể dục và đức dục. Đẩy mạnh công tác phát triển y tế, đặc biệt là y tế các huyện trong các tỉnh miền Bắc Lào cần sự chăm sóc y tế mà Nhà nước chưa kịp đáp ứng thì khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế tư nhân theo quy định của Nhà nước. Phấn đấu đến năm 2025 đưa các tỉnh miền Bắc Lào phát triển về kinh tế - xã hội đạt tới bình quân 2.664 USD/1 người, đồng thời phát huy các thế mạnh về kinh tế - xã hội để hỗ trợ và hòa chung vào sự phát triển quốc gia [79, tr.36].

Các tỉnh miền Bắc Lào là một địa bàn, một không gian tự nhiên xã hội mà ở đó người nông dân các bộ tộc Lào sinh sống, hoạt động, sản xuất nông nghiệp là chính. Ở đó một cộng đồng xã hội đặc thù tiến hành hoạt động tải

sản xuất đời sống của mình gắn chặt với tự nhiên, môi trường sinh thái. Các tỉnh miền Bắc Lào gắn liền với nông nghiệp, có vai trò, nhiệm vụ bảo đảm lương thực, thực phẩm cho cả nước; cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu; xây dựng cơ sở vật chất, tạo thêm việc làm; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, mở rộng thị trường, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, tạo ra cơ sở vững chắc và có lợi nhất để thực hiện CNH, HĐH đất nước.

Yêu cầu đặt ra: ở các tỉnh miền Bắc Lào phải trở thành một không gian xã hội mang tính dân chủ, nhân văn, giàu bản sắc văn hóa - nguồn lực vô tận cho sự phát triển, thân thiện với môi trường, cái nôi để giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Điều kiện quốc phòng - an ninh.

Các tỉnh ở miền Bắc Lào là vùng đặc biệt, có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng (đây là các vùng rừng - núi, có biên giới giáp với nhiều nước, có nhiều cửa khẩu quốc tế và nhiều cửa khẩu thông thương). 8 tỉnh miền Bắc Lào đều có biên giới giáp với 4 nước như: Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc và Việt Nam, trong đó tỉnh Xay Nha Bu Ly là một tỉnh có đặc điểm khác biệt, sông Mê Kông là đường ranh giới nối liền với các tỉnh lân cận của Lào và giáp 6 tỉnh của Thái Lan, có chiều dài 674 km², trong đó có 510 km² là đất liền. Vì vậy, quốc phòng - an ninh được tăng cường và đầu tư hợp lý nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh. Thực hiện tốt thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thực hiện có hiệu quả phương án bảo vệ an ninh biên giới, phòng chống xâm nhập và kế hoạch phòng thủ trên địa bàn. Chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự xã hội khu vực biên giới được giữ vững, mối quan hệ hữu nghị với các tỉnh (Thái Lan, Myanmar, Trung Quốc và Việt Nam) có biên giới giáp các tỉnh ở miền Bắc Lào được củng cố.

Tuy nhiên, tình hình cũng còn khá phức tạp do hoạt động phá hoại của bọn phản động trong địa bàn các tỉnh, bọn phản động quốc tế cấu kết với bọn phản

động Lào lưu vong ở ngoài nước chống phá cách mạng gây ra nhiều yếu tố tiềm ẩn có thể gây mất ổn định về chính trị.

Hiện nay, các tỉnh ở miền Bắc Lào đang có những khó khăn, thách thức lớn, đó là: kinh tế chậm phát triển, khoảng cách chênh lệch lớn giữa các vùng, các dân tộc, sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng; các thế lực thù địch tìm mọi cách lợi dụng khó khăn về đời sống, tín ngưỡng của đồng bào để phục vụ cho âm mưu tuyên truyền, kích động nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, làm mất ổn định trong vùng đồng bào dân tộc.

Như vậy, có thể nói, các tỉnh ở miền Bắc Lào là một vùng hội tụ nhiều lợi thế về kinh tế - xã hội, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức quyết liệt cần phải được giải quyết đối với công tác giảm nghèo để đưa các tỉnh ở miền Bắc Lào thoát khỏi tình trạng vùng nghèo. Vì thế cần có sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự ưu tiên đầu tư đồng bộ của Đảng và Nhà nước.

2.1.1.3. Đặc điểm dân cư

Về dân số, các tỉnh miền Bắc Lào có 8 tỉnh: 2.352.527 người, chiếm 32,53% dân số cả nước, với 34/49 dân tộc của Lào (phụ lục 3) được chia thành 4 nhóm tiếng nói như: nhóm tiếng Lào-Tày, nhóm tiếng Mon-Khơ me, nhóm tiếng Mông-iu Miên và nhóm tiếng Trung Quốc-Ti Bết [96].

Về trình độ học vấn của nhân dân các dân tộc ở miền Bắc Lào thường ít người được học hành nhất là ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nhiều người hầu như không biết chữ ngay cả tiếng Lào cũng không biết vì điều kiện khó khăn về học phí, tiền xe và chi phí ăn ở nhất là lớp trẻ, một số con em người nghèo học ở các trường huyện và tỉnh thường cũng hay bỏ học vì khó khăn về tiền nông và thiếu thốn nhiều thứ trong cuộc sống, phần lớn trở về quê sản xuất nông nghiệp, con gái thì lấy chồng sớm. Có nhiều bản (làng) không có trường học phổ thông cấp I và cấp II, vì bản ở xa, không có đường sá, không đầy đủ sách vở cho học sinh và các điều kiện thuận lợi khác. Cho nên nhân dân ở miền núi học vấn thấp, không tiếp cận được đường lối chính sách của Đảng, cuộc sống khó khăn nghèo nàn, thiếu văn minh, từ đó dẫn đến các

hậu quả tiêu cực khác như: thiếu công bằng xã hội, thiếu bình đẳng nam nữ, phân biệt và coi thường nữ giới, coi phụ nữ là giới yếu ớt, là vợ, là người hầu hạ, chỉ để trông nom gia đình, sinh con đẻ cái, nuôi con và hầu chồng, không có quyền hành trong xã hội. Trình độ học vấn của nhân dân các DTTS tuy có những cố gắng, tiến bộ song vẫn còn ở mức thấp. Các dân tộc nhất là DTTS, nhìn chung tỷ lệ mù chữ khá cao và số người có trình độ học vấn cao lại rất ít. Đặc biệt, hiện nay một số dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao, số các cháu bỏ học rất nhiều; các cháu đến độ tuổi đi học không đến trường cũng còn khá phổ biến [114, tr.6]. Cho nên trình độ là tầm quan trọng quyết định mọi sự khởi đầu của cuộc sống con người, là nhân tố quan trọng nhất trong giảm nghèo. Qua thực tế thấy rằng người nào có học thức mặc dù thấp hoặc chỉ là cao đẳng cũng đều có việc làm, có thu nhập và thoát nghèo. Ngược lại những người không có học vấn nhất là ở miền vẫn thuộc nhóm người nghèo. Cho nên việc thiếu giáo dục và đào tạo là một trong những nguyên nhân của sự nghèo đói.

Về văn hóa, các tỉnh ở miền Bắc Lào có nhiều dân tộc và có nhiều phong tục tập quán văn hóa xã hội khác nhau. Được thể hiện rất rõ về phương pháp làm ăn, có những dân tộc thích trồng lúa nếp ăn xôi, mỗi dân tộc đều có ngày hội ngày lễ khác nhau, cách ăn mặc và có đồ trang sức khác nhau. Về tâm linh ở mỗi dân tộc đều có một kiểu cách khác nhau, có một số dân tộc thì tin và cúng ma tổ tiên, có bộ tộc thì cúng ma đất, ma trời, ma rừng... Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ và đặc điểm văn hóa riêng, nhưng tổng hòa đã tạo nên một nền văn hóa dân tộc Lào thống nhất, phong phú, đa dạng. Các dân tộc gia nhập cộng đồng vẫn bảo tồn và lưu giữ cho riêng mình một bản sắc văn hóa, một tính cách dân tộc, nhưng đều đóng góp vào kho tàng văn hóa dân tộc Lào. Nền văn hóa riêng của các dân tộc thể hiện ở cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Sự khác biệt giữa các nền văn hóa phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử của mỗi dân tộc, cũng vì vậy, tính cách của các dân tộc vẫn chứa đựng những điểm khác nhau [114, tr.6].

Về phong tục tập quán: phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng cũng có những thay đổi theo đà phát triển của sản xuất và xã hội. Ngoài ra, phải kể đến sự giao lưu với các quốc gia lân cận có nhiều nét tương đồng về văn hoá, đặc biệt ảnh hưởng sâu sắc văn hoá Phật giáo Ấn Độ. Cùng với sự giao lưu, tiếp thu có chọn lọc, nhân dân các dân tộc Lào thông qua cộng đồng bản luôn bền bỉ đấu tranh bảo vệ vùng miền, bảo vệ truyền thống, chống lại âm mưu đồng hoá thâm độc của kẻ thù. Suốt một thời gian dài đất nước Lào là xã hội phong kiến, sau này cấu kết với thực dân Pháp rồi chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ nhưng truyền thống dân tộc tỏ ra có sức sống mãnh liệt. Bản sắc dân tộc không bị pha trộn, lại càng ngày càng phát triển phong phú được thể hiện một cách sinh động trong cuộc sống, lao động sản xuất của cộng đồng từ cách ứng xử, trang phục, ca nhạc, lễ hội đến lòng yêu thiên nhiên đất nước, sùng kính thần, Phật. Pháo đài kiên cố trong cuộc đấu tranh bảo vệ tập quán tín ngưỡng cổ truyền của nhân dân các dân tộc Lào là cộng đồng các bản. Sức mạnh của cộng đồng là sự gắn kết của thành viên bằng sợi dây nhân ái, bao dung vô hình nhưng đầy hiệu quả. Có thể nói, tập quán tín ngưỡng cổ truyền của nhân dân các dân tộc Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng được hình thành và tồn tại trên cơ sở nền văn minh nông nghiệp và cộng đồng bản. Ngoài yếu tố dân tộc là cốt lõi còn có bóng dáng của văn hoá Phật giáo được dân tộc hoá.

Bên cạnh truyền thống tốt đẹp, trong tập quán tín ngưỡng cổ truyền của nhân dân Lào cũng còn mang một số yếu tố mê tín dị đoan, những hủ tục rườm rà tốn kém tiền của, công sức: Đây là vấn đề được Đảng và Nhà nước Lào quan tâm ngay từ khi đất nước được độc lập thống nhất. Nhiều chính sách về văn hoá, giáo dục, y tế được ban hành, trong đó việc nâng cao mặt bằng dân trí, chăm lo phúc lợi xã hội được Đảng và Nhà nước Lào coi trọng, đặc biệt là vùng rừng núi xa xôi hẻo lánh.

Về lao động việc làm, Đảng và Nhà nước Lào đã chú trọng giải quyết việc làm cho người lao động trong nước và nước ngoài. Trong 5 năm (2016-

2020), cả nước có 559.553 người đạt 78% của kế hoạch (Nghị quyết Quốc hội là 716.193 người), trong đó lao động ngành nông - lâm nghiệp 103.958 người, lao động ngành công nghiệp 173.370 người và lao động ngành dịch vụ 282.225 người [87, tr.51].

Đối với người nông dân nói chung, người lao động ở các tỉnh miền Bắc nói riêng, phần lớn đều có trình độ học vấn thấp, lao động nông nghiệp hầu như chưa qua đào tạo về chuyên môn nhất là ở nông thôn, vùng sâu vùng xa. Do vậy, lao động bằng các phương pháp thủ công vẫn là chủ yếu, đó là phương pháp canh tác vào kinh nghiệm, thói quen, chưa biết khai thác và vận dụng khoa học vào sản xuất. Số hộ được coi là gia đình mẫu mực về thâm canh còn chưa phổ biến.

Về trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong các tỉnh ở miền Bắc còn thấp, phân công lao động xã hội chưa phát triển, công cụ lao động còn rất thô sơ, trình độ khoa học kỹ thuật và chuyên môn của người lao động nói chung là thấp, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề quá ít. Do đó năng suất lao động xã hội rất thấp, số lượng nhà máy công nghiệp còn ít, quy mô nhỏ, kỹ thuật vẫn còn lạc hậu [87, tr.102]. Nông dân chiếm hơn 85% dân số và sản phẩm nông nghiệp chiếm 29% (2020), sức lao động chưa được khai thác và sử dụng một cách thích đáng vào sản xuất. Trong những năm gần đây, số người lao động trong ngành công nghiệp và thương mại đã bắt đầu có sự thay đổi; nhưng chất lượng, trình độ kỹ thuật, tay nghề còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm. Công tác đào tạo và giáo dục nghề được Đảng và Nhà nước quan tâm nhưng chưa thật sự được nhu cầu trong tình hình hiện nay. Nông dân chiếm đa số dân cư và làm việc ở nông thôn là đối tượng đang biến đổi nhanh, nhân dân các tỉnh ở miền Bắc Lào phần lớn là những nông dân thuần nông. Trong quá trình công nghiệp hoá nhưng nông dân này sẽ chuyển sang sản xuất nông nghiệp kết hợp với phi nông nghiệp. Phần sinh kế của họ sẽ do hoạt động phi nông nghiệp cung cấp đủ vẫn sống ở nông thôn. Một bộ phận nhân dân sẽ không làm nông nghiệp nhưng gắn mật thiết với môi trường và hoạt động nông nghiệp. Trong tình hình hiện nay hầu hết các hộ nông dân làm nông

nghiệp, sau đó một phần làm thêm lấy tiền công. Các hoạt động tạo thu nhập là: Sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản...); làm thuê lấy tiền công, gồm các hoạt động lao động được trả công; sản xuất phi nông nghiệp và không có tiền công (buôn bán, dịch vụ, vận chuyển...) và khai thác tài nguyên chung (săn bắt, đánh cá, hái hoa trái,...).

Nhóm hộ giàu và khá ít tham gia hoạt động nông nghiệp và khai thác tài nguyên, mà chủ yếu tham gia hoạt động phi nông nghiệp vì hoạt động phi nông nghiệp tạo nhiều thu nhập hơn. Các tỉnh ở miền Bắc Lào có số người đi làm thuê nhiều nhất và tỷ lệ người tham gia các hoạt động khai thác tài nguyên cũng cao, một phần đi làm thêm lấy lương, số này tỷ lệ làm nông nghiệp rất thấp, một số có điều kiện việc làm chính thức khá dồi dào nên cũng có kết cấu lao động làm thuê và phi nông nghiệp cao. Nhóm hộ giàu giành nhiều thời gian đi làm có lương.

Sự chênh lệch thu nhập và điều kiện sống giữa vùng sau, vùng xa với thành thị đang thúc đẩy các luồng di cư lao động từ vùng sau, vùng xa. Đối tượng di cư chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở, hoặc trung học phổ thông vì thế thường chỉ nhận được những công việc giản đơn với mức lương thấp. Đặc biệt vấn đề di cư ở Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng, có nơi chuyển hết cả làng để đi tìm nơi làm ăn sinh sống, đây là một số bộ tộc ở miền núi xa xôi, nơi khó khăn không có ruộng đất, bộ phận này chủ yếu là phá rừng làm nương rẫy, khi rừng bị đốt phá làm nương rẫy bị hết thì phải đi tìm nơi khác, ở huyện khác, thậm chí ở tỉnh khác để làm ăn sinh sống.

2.1.1.4. Đặc điểm của các tỉnh miền Bắc Lào

Thứ nhất, nhân dân ở các tỉnh miền Bắc Lào sống rải rác, chủ yếu ở vùng núi và núi cao, địa hình của các tỉnh ở miền Bắc Lào đại bộ phận là miền núi và vùng cao, nhân dân các dân tộc sống tập trung chủ yếu ở địa bàn vùng núi và núi cao, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt, khó kiểm soát, khó quản lý. Hiện nay còn nhiều bản chỉ có hơn 20 hộ gia đình, khoảng cách giữa bản đến bản thường là xa và giao thông liên bản ở vùng sâu, vùng xa chưa phát triển.

Thứ hai, xuất phát điểm KT-XH thấp, nói chung điểm xuất phát KT-XH của nhân dân các dân tộc Lào đều thấp, nhưng tình hình KT-XH ở các tỉnh miền Bắc Lào thì càng khó khăn hơn nếu so với tình hình KT-XH của miền Trung và miền Nam Lào. Từ điểm xuất phát KT-XH thấp đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của người dân ở các tỉnh miền Bắc Lào, thấy rõ về tình trạng hộ gia đình nghèo cao hơn, thu nhập bình quân thấp hơn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng cơ sở còn yếu kém hơn. Trong 8 tỉnh của miền Bắc Lào thì tỉnh Phong Sa Ly có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là 28,08%, tỷ lệ người nghèo chiếm 37,0% dân số toàn tỉnh; tương tự, tỉnh thấp nhất là tỉnh Xay Nha Bu Ly 2,26%, tỷ lệ người nghèo chiếm 12,2%. Đường ô tô có thể giao thông đi lại 2 mùa chỉ mới có 79,56%, tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh ở nông thôn chỉ đạt 82%. Còn khoảng hơn 8% trẻ em độ tuổi đi học tiểu học không có điều kiện đi học, phải bỏ học khi ở lớp 1 hay lớp 2. Tỷ lệ người mù chữ ở miền Bắc Lào chiếm 2,07% trong tổng số người có độ tuổi từ 15 - 40. Mức độ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế ở vùng sâu, vùng xa nhìn chung còn thấp so với mức bình quân của các tỉnh và so với cả nước [102].

Thứ ba, trình độ văn hóa, văn hóa truyền thống khác nhau, miền Bắc Lào là nơi tập hợp nhân dân các dân tộc gồm có 34/49 dân tộc của Lào cùng sinh sống, xen kẽ với nhau, mỗi một dân tộc đều có một văn hóa truyền thống riêng biệt của mình, đó đã trở thành đặc trưng nổi bật của các dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào. Từ văn hóa truyền thống cộng với điểm xuất phát kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng không nhỏ đến trình độ văn hóa dân trí; trình độ dân trí của các dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào cũng có sự khác biệt nhau.

Thứ tư, tình trạng du canh, du cư, di cư tự do xảy ra phổ biến, tuy miền Bắc Lào còn có nhiều khó khăn, điều kiện tự nhiên thiên nhiên có nhiều tác động tiêu cực đến cuộc sống và quá trình phát triển KT-XH của người dân. Hiện nay, tình hình di cư tự do của người dân các dân tộc vẫn xảy ra phổ biến; tình hình di dân tự do đó một phần do điều kiện KT-XH và sự cố gắng tìm kiếm nơi canh tác mới nhằm ổn định cuộc sống...Hầu hết các hộ dân di cư tự do đều là những hộ có điều kiện kinh tế khó khăn. Có hộ bị các phần tử

xấu đội lốt tôn giáo lợi dụng để kích động dẫn đến phát sinh ảo tưởng về cuộc sống đầy đủ, ảm no ở nơi đến, từ đó rời bỏ nơi đang sinh sống, điều đó gây ra sự xáo trộn trong cộng đồng, khó khăn cho việc quản lý dân cư, đặc biệt là việc quản lý đường biên, mốc giới.

Từ những đặc điểm nêu trên, vấn đề nhân dân luôn luôn là vấn đề rộng lớn, phức tạp và lâu dài. Vì vậy, cần xem xét vấn đề nhân dân như là vấn đề xã hội - chính trị toàn diện gắn liền với mục tiêu: "Dân giàu hạnh phúc, nước phồn vinh hùng mạnh, xã hội đoàn kết hài hòa, công bằng, dân chủ, văn minh" [84, tr.15]; tiến tới xây dựng đất nước theo mục tiêu cuối cùng là đưa đất nước Lào tiến lên chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Những điều kiện trên cho thấy các tỉnh ở miền Bắc Lào có nhiều tiềm năng về con người và tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân, đẩy nhanh quá trình giảm nghèo. Tuy nhiên, để giảm nghèo hướng tới bền vững, đảng bộ và nhân dân phải khắc phục nhiều khó khăn, phấn đấu rất lớn.

2.1.2. Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của các tỉnh ủy ở các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào có 08 đảng bộ trực thuộc Trung ương với 64 đảng bộ cấp huyện và tương đương 852 tổ chức cơ sở đảng và 4.379 chi bộ buôn, làng; có 137.025 đảng viên sinh hoạt tại các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên nữ 47,373 đảng viên (chiếm 34,57%), khu dân cư (chiếm 26,04%); người DTTS (15,72%) (phụ lục 4 - 5).

Nhìn chung, Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào xác định đúng nhiệm vụ thường xuyên tập trung chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, đảng viên với phương châm. Trong địa bàn nào có dân thì ở đó phải có đảng viên và tổ chức đảng để lãnh đạo. Công tác phát triển Đảng hiện nay ở Lào nói chung và ở các tỉnh miền Bắc Lào nói riêng tuy gặp một số khó khăn trong buôn, làng vùng đồng bào DTTS, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa nên thời gian đến các cấp ủy đảng sẽ tiếp tục chỉ đạo để thực hiện tốt hơn.

2.1.2.2. Vị trí, vai trò của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào (Tỉnh ủy) là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tỉnh ủy có vị trí, vai trò rất quan trọng thể hiện ở những điểm chủ yếu như sau:

Thứ nhất, các tỉnh ủy có vai trò bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở từng tỉnh, sự phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy có vai trò đặc biệt quan trọng và quyết định của tỉnh ủy đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trên địa bàn tỉnh đã được thực tiễn kiểm nghiệm và chứng minh trong các thời kỳ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, vai trò đó ngày càng trở nên quan trọng hơn. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới có đến được với nhân dân, đã được thực hiện và thành hiện thực ở tỉnh hay không, được quyết định chủ yếu bởi sự lãnh đạo của tỉnh ủy. Trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH hội nhập sâu rộng hợp tác quốc tế, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) hay không, được quyết định chủ yếu bởi sự lãnh đạo đúng đắn của tỉnh ủy. Phải đảm bảo những hoạt động đó đi đúng hướng.

Thứ hai, Tỉnh ủy là cầu nối giữa Trung ương với cấp ủy cấp huyện, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Xuất phát từ vị trí, vai trò của cấp tỉnh, tỉnh ủy có vai trò là cầu nối giữa Trung ương với cấp ủy huyện, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở. Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào là cấp thứ hai trong hệ thống hành chính ba cấp của Nhà nước Lào sau Trung ương; quản lý một khu vực lãnh thổ rộng, dân cư mỗi tỉnh tương đối đông so với các tỉnh khác; có vai trò rất quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh đối với đất nước. Các tỉnh ủy tiếp nhận từ Trung ương những chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước để tổ chức thực hiện ở mỗi tỉnh. Thông qua chính quyền tỉnh và các tổ chức trong hệ thống chính trị, tỉnh ủy có thể huy động số lượng lớn sức người, để tiến hành một nhiệm vụ trọng tâm hoặc một dự án phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh quan trọng cần có chiến lược giành thắng lợi.

Tỉnh ủy quan hệ, liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành ủy, các cơ quan Trung ương, cả nước và một số tỉnh kết nghĩa các nước láng giềng; chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp tỉnh - dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy - có đủ tư cách pháp nhân để quan hệ, liên kết, hợp tác với các tổ chức nước ngoài theo đường lối đối ngoại của Đảng và pháp luật của Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ KT-XH của tỉnh.

Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo, cấp trên trực tiếp của các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, đề ra các chủ trương, giải pháp về công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh và trực tiếp chỉ đạo thực hiện, nhằm xây dựng đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ; kiểm tra các hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy trực thuộc đối với tổ chức trong hệ thống chính trị, các lĩnh vực đời sống xã hội và hoạt động của những cán bộ thuộc diện Ban thường vụ tỉnh ủy quản lý, trực tiếp uốn nắn những lệnh lạc trong hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng và những cán bộ do Ban thường vụ tỉnh ủy quản lý.

Thứ ba, tỉnh ủy lãnh đạo, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh, là người chịu trách nhiệm cao nhất về đời sống của nhân dân và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy hoạt động đúng đắn, có hiệu quả của tỉnh ủy bảo đảm cho nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, các nghị quyết của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy được thực hiện thắng lợi, nhằm bảo đảm sự phát triển KT-XH trong tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân và đóng vào ngân sách Nhà nước.

Thứ tư, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào góp phần quan trọng vào việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn các tỉnh.

Các tỉnh ủy miền Bắc Lào tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo

đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp cho Đảng những kinh nghiệm hay, cách làm phù hợp từng địa phương, có hiệu quả về phát triển KT-XH, công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể. Qua đó, Đảng và Nhà nước nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chủ trương, chính sách và xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách mới đúng đắn, phù hợp hơn và đem lại hiệu quả cao hơn.

2.1.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Về chức năng, căn cứ Điều lệ Đảng nhân dân cách mạng Lào lần XI, Điều 28, mục IV quy định: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc là đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành (BCH) Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy)" [82, tr.31]. Mỗi tỉnh ủy có các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm: văn phòng, ban tổ chức, ban kiểm tra, ban tuyên huấn và trường chính trị tỉnh. Trên cơ sở các văn bản quy định của Đảng, tỉnh ủy còn các chức năng như sau:

Một là, trách nhiệm trực tiếp trước cấp ủy cấp trên về những kết quả và những tồn tại trong việc thực hiện nghị quyết, mệnh lệnh, chủ trương, đường lối, chỉ thị, kế hoạch, điều lệ của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước;

Hai là, Lãnh đạo hoạt động của các cấp ủy giữa hai kỳ đại hội trong việc thực hiện nghị quyết của đại hội; tăng cường sự đoàn kết thống nhất và làm việc có kế hoạch của Đảng bộ;

Ba là, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng và lãnh đạo các đoàn thể ở địa phương hoàn thành nhiệm vụ chính trị;

Bốn là, chú trọng công tác xây dựng đảng, công tác quản lý đảng - bảo vệ đảng và tổ chức đảng ở cấp mình trong sạch, mạnh mẽ và vững chắc, góp phần sáng tạo và biến đường lối, chủ trương của đảng đi vào chi tiết;

Năm là, tôn trọng và làm chủ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công công việc để cá nhân phụ trách chặt chẽ, thực hiện thường xuyên chế độ phối hợp giữa cấp ủy đảng, cơ quan quản lý nhà nước và các đoàn thể;

Sáu là, xem xét thống nhất, thông qua phương án chủ trương, chức năng chủ yếu của đảng bộ. Đào tạo, quản lý cán bộ, đảng viên và quản lý tài chính đảng trực thuộc đảng bộ của mình;

Bảy là, lãnh đạo các cơ quan chính quyền, Mặt trận xây dựng đất nước, các đoàn thể và các tổ chức xã hội hoạt động đúng vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mỗi tổ chức;

Tám là, giám sát, kiểm tra các cơ quan chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch phát triển KT - XH, công tác bảo vệ an ninh - quốc phòng;

Chín là, nâng cao mức sống của nhân dân, động viên quần chúng đóng góp xây dựng tổ chức chính quyền địa phương, bảo đảm quyền lợi của nhân dân.

Mười là, thực hiện chế độ phối hợp với cấp ủy đảng bộ, các tổ chức liên quan về bổ nhiệm, di chuyển và thực hiện kỷ luật đối với cán bộ theo quyền hạn của ngành trực tiếp.

Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, cứ 3 tháng, Ban chấp hành họp toàn thể 1 lần do Ban thường vụ triệu tập.

Về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, tỉnh ủy, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào có những nhiệm vụ sâu:

Một là, Ban thường vụ tỉnh ủy là cơ quan thường trực và đại diện cho cấp ủy đảng tổ chức, thực hiện, giám sát, kiểm tra, theo dõi việc thực thi nghị quyết Đại hội đảng bộ, việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chủ trương, chính sách của cấp ủy cấp trên.

Hai là, xem xét thống nhất và chỉ đạo triển khai nội dung nghị quyết Đại hội cấp mình; xem xét thống nhất và chỉ đạo triển khai nghị quyết, chủ trương, chính sách của cấp trên trong toàn đảng bộ các cấp mình phụ trách;

Ba là, thống nhất phương hướng, chương trình hành động của cấp ủy đảng mình phụ trách;

Bốn là, thống nhất về công tác tổ chức, xây dựng đảng-cán bộ trong khuôn khổ mình phụ trách;

Năm là, chuẩn bị và chiều tập hợp ban chấp hành đảng bộ thường kỳ hoặc họp thường kỳ;

Sáu là, xem xét thông qua nghị quyết Đại hội đảng và kết quả bầu cử ban chấp hành đảng bộ cấp dưới, xem xét chuẩn y quần chúng tiên tiến vào đảng;

Bảy là, xem xét, thống nhất xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm theo phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình;

Tám là, lãnh đạo, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, bố trí, sắp xếp, tổ chức cán bộ, đảng viên cho đúng, phù hợp với nhiệm vụ chính trị; giám sát, kiểm tra, động viên thường xuyên hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới; thống nhất về công tác cán bộ như: quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, đánh giá, bố trí, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, đảng viên thuộc trách nhiệm của mình.

Ban thường vụ tỉnh ủy mỗi tháng họp một lần, nếu cần cũng có thể họp riêng.

2.1.2.4. Đặc điểm của cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Một là, các tỉnh ủy viên là người đại diện cho Nhân dân thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, giải quyết các công việc của Nhà nước. Do đó xét ở khía cạnh nào đó các tỉnh ủy viên bị chi phối, ảnh hưởng rất nhiều bởi những phong tục tập quán bản (làng), những nét văn hoá bản sắc riêng đặc thù của địa phương, của dòng họ.

Cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản ở miền Bắc Lào hoạt động trên địa bàn lãnh thổ có không gian rộng lớn, khó khăn hơn về các mặt KT-XH, cùng

với nó là những yếu tố tâm lý - xã hội ảnh hưởng và ghi dấu ấn rất nặng nề trong đời sống của các dân tộc Lào. Các dân tộc khác nhau cùng sinh sống, lao động, suy nghĩ và quan hệ với nhau theo những sở thích khác nhau, những nhu cầu khác nhau và mang trên mình những nét tính cách tâm lý rất khác nhau. Những điều đó đã ảnh hưởng, chi phối, tác động trực tiếp đến suy nghĩ, hành động và phong cách làm việc của người công chức cấp tỉnh ở miền Bắc Lào. Đứng trước những phong tục, tập quán của nhân dân (cả những phong tục tập quán lạc hậu) đòi hỏi người công chức cấp tỉnh ở miền Bắc Lào phải cân nhắc, đôi khi để giải quyết được những công việc lớn họ phải chấp nhận cả những luật tục của bản (làng).

Hai là, cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản là người đại diện cho quần chúng nhân dân lao động ở cơ sở. Đối tượng hạt động, giao tiếp của cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản ở miền Bắc Lào cũng rất đa dạng, bởi vì những cộng đồng người ở đây rất khác nhau về hoàn cảnh kinh tế, về địa vị xã hội, về các mối quan hệ dòng họ, gia đình, về định hướng giá trị, đạo đức, thói quen. Người đảng viên không chỉ giải quyết công việc bằng lí trí, pháp luật mà còn bằng tình cảm bản (làng), dòng họ, cộng đồng. Vì thế, cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản không những chỉ cần sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm mà phải có lòng kiên trì, chịu đựng, phải biết ứng xử theo những đặc trưng tâm lý dân tộc, phải biết động viên bà con người dân tộc, tổ chức họ lại và dẫn dắt họ đi đến ấm no hạnh phúc.

Ba là, cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản có tính chuyên môn hoá thấp, kiêm nhiệm nhiều, còn khá nhiều người làm việc không đúng với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo. Trình độ dân trí ở một số huyện của các tỉnh ở miền Bắc Lào còn thấp, do đó nếu chỉ bằng lời nói, bằng lý luận để giáo dục người dân thì chưa đủ. Người đảng viên còn phải trực tiếp tham gia, miệng nói tay làm, lăn vào công việc như những người hướng dẫn viên, dẫn dắt đồng bào đi theo Đảng và theo con đường mà Đảng Nhân dân cách mạng Lào và chủ tịch Cay Sôn Phôm Vĩ Han đã chọn.

Bốn là, cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản các tỉnh ở miền Bắc Lào (nhất là cán bộ ở cơ sở) thường ít có điều kiện được thường xuyên học tập nâng cao trình độ mọi mặt. Do đó, gặp không ít khó khăn trong công tác cũng như trong cuộc sống đời thường. Hiện nay chính sách đãi ngộ của Đảng và Nhà nước chưa bù đắp được những yêu cầu phong phú đa dạng trong cuộc sống đời thường của họ và gia đình họ, nhưng nhìn chung họ luôn xác định được vị trí làm việc của mình chủ yếu với động cơ vì quê hương bản (làng) mình.

Trên địa bàn các tỉnh rộng lớn, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai lũ lụt. Đồng bào dân tộc ở những vùng sâu, vùng xa sống phân tán, đi lại khó khăn ít có cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ, phúc lợi xã hội và nền kinh tế thị trường và đây cũng là khó khăn chung đối với đội ngũ cán bộ trong cuộc sống cũng như trong công tác và học tập nâng cao trình độ.

Năm là, Cấp ủy viên các cấp từ tỉnh đến bản các tỉnh ở miền Bắc Lào có tính ổn định thấp so với, công chức Nhà nước cấp trên, số lượng hay bị biến động vào cuối nhiệm kỳ do điều chuyển sang vị trí công tác mới. Công chức cấp tỉnh cả nước hiện nay rất đông. Tuy nhiên về chất lượng không đồng đều và một bộ phận làm việc không đúng với chuyên ngành được đào tạo, độ tuổi tương đối già, còn một bộ phận chưa qua đào tạo, làm việc theo kinh nghiệm lâu năm, chính vì vậy nó là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả giải quyết một số công việc không cao.

2.2. CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC

2.2.1. Khái niệm

2.2.1.1. Khái niệm lãnh đạo và công tác lãnh đạo

Theo Đại từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý, xuất bản 1998, “lãnh đạo” có hai nghĩa chính: với tư cách là động từ, “lãnh đạo” nghĩa là dẫn dắt, tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể, ví dụ: lãnh đạo cuộc đấu tranh; với tư cách là danh từ, “lãnh đạo” chỉ các cơ quan lãnh đạo, bao gồm những

người có khả năng tổ chức, dẫn dắt phong trào, ví dụ: chờ lãnh đạo cho ý kiến... [53, tr.997].

Theo định nghĩa của Từ điển thì khái niệm “lãnh đạo” mới chủ yếu đề cập đến việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chưa đề cập đến việc đề ra đường lối, chủ trương, chưa đề cập đến các khâu như: kiểm tra, sơ kết việc thực hiện đường lối, chủ trương đó.

Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra khái niệm “lãnh đạo”: “lãnh đạo đúng nghĩa là: phải quyết định mọi vấn đề một cách đúng đắn; phải tổ chức sự thi hành cho đúng; phải tổ chức sự kiểm soát” [24, tr.285].

Như vậy, có thể hiểu về lãnh đạo như sau:

Một là, lãnh đạo trước hết là đề ra đường lối để dẫn dắt hoạt động, là xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cần phải làm; là định ra quan điểm, nguyên tắc và các phương sách hành động để đạt mục tiêu. Như vậy đặc trưng, bản chất, sứ mệnh của hoạt động lãnh đạo là vạch đường, chỉ lối, dẫn dắt, qua đó mà điều khiển, chi phối con người, tổ chức theo mục tiêu xác định. Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết “Cách mệnh trước hết phải có cái gì ? Trước hết phải có đảng cách mạng... Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như cầm lái có vững thuyền mới chạy” [24, tr.267-268]. Bản chất, vai trò của lãnh đạo đã được Hồ Chí Minh so sánh rất dễ hiểu với vai trò của người cầm lái giữ đúng hướng đi của con thuyền đến đích đã định sẵn.

Với đặc trưng này, đòi hỏi người lãnh đạo phải nhạy cảm nắm bắt tình hình, xu hướng của cuộc sống. Có thể nói công việc là quan trọng nhất của nhà lãnh đạo xã hội là phát hiện xã hội đang nghĩ gì, đang muốn gì, đang cần gì, tức là phải hiểu cuộc sống. Đồng thời người lãnh đạo phải đặc biệt quan tâm tìm kiếm, xây dựng được công cụ lý luận khoa học và ứng dụng lý luận khoa học đó để tìm ra giải pháp cho những vấn đề của xã hội. Không đáp ứng được những yêu cầu đó, nhà lãnh đạo sẽ không thực hiện được vai trò của mình và cũng đồng nghĩa với người này không còn xứng đáng là người lãnh đạo.

Hai là, lãnh đạo còn là quá trình tổ chức thực hiện đường lối đã xác định. Đó là quá trình tổ chức, dẫn dắt, động viên, hướng mọi nỗ lực của đối tượng lãnh đạo vào việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định. Thực tế cho thấy, lãnh đạo không chỉ là vạch đường, chỉ lối mà còn phải tổ chức thực hiện các định hướng đó với rất nhiều biện pháp, nhiều quá trình.

Ba là, lãnh đạo còn là kiểm tra, không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Trong cấu trúc của hoạt động lãnh đạo không thể thiếu kiểm tra. Yếu tố này bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo thực hiện đúng vai trò, chức năng định hướng chỉ đường, kịp thời phát hiện những sai lệch để điều chỉnh hệ thống lãnh đạo và có được mối liên hệ ngược để bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương lãnh đạo. Tuy nhiên, để vai trò này phát huy được tác dụng phải có cơ chế tổ chức và hoạt động kiểm tra đúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lãnh đạo đúng nghĩa là... phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được” [26, tr.285-286].

Bốn là, lãnh đạo bao giờ cũng bao hàm mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo và đối tượng lãnh đạo. Chủ thể lãnh đạo có thể là một người, một tập thể hay một tổ chức rộng lớn. Còn đối tượng lãnh đạo cũng có thể là một người, một tập thể, một tổ chức hoặc có thể là một giai cấp, một dân tộc. Tổ chức và con người, có thể là chủ thể lãnh đạo trong mối quan hệ này, nhưng lại là đối tượng lãnh đạo trong mối quan hệ khác.

Từ những cơ sở lý luận trên có thể thấy, lãnh đạo là quá trình của chủ thể lãnh đạo định ra đường lối và tổ chức, hướng dẫn, động viên, huy động mọi nỗ lực, tiềm năng sáng tạo của đối tượng lãnh đạo, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu chung đã xác định. Trong lịch sử dân tộc Lào cho thấy, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là quá trình xây dựng và không ngừng bổ sung, hoàn thiện Cương lĩnh, đường lối và các chủ trương, chính sách, định hướng chính trị cho mọi hành động của các tổ chức và các tầng lớp nhân dân. Đó cũng là quá trình Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tuyên truyền giáo dục, thuyết phục nâng cao trình độ giác ngộ cho quần chúng nhân dân; tổ chức, dẫn dắt, cổ vũ, động viên toàn dân hăng hái tham gia đấu tranh cách

mạng, biến Cương lĩnh, đường lối của Đảng thành hiện thực.

Ở mỗi góc độ khác nhau thì quan niệm về “Lãnh đạo” cũng khác nhau. Ở đây chúng ta có thể đưa ra các khái niệm về Đảng lãnh đạo từng lĩnh vực của đời sống xã hội, cũng như khái niệm về các cấp ủy địa phương lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội trong địa phương đó. Ví dụ: Đảng lãnh đạo kinh tế, Đảng lãnh đạo quốc phòng - an ninh, hoặc là các tỉnh ủy miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo...

Khái niệm tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo

Từ khái niệm lãnh đạo, có thể đưa ra khái niệm: *tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo là tổng thể các hoạt động của tỉnh ủy về cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Trung ương, xây dựng, ban hành các nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo, tổ chức thực hiện, tiến hành kiểm tra để các nghị quyết được thực hiện thắng lợi, làm cho công tác giảm nghèo của tỉnh biến đổi ngày càng phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, có hiệu quả và bền vững.*

Nội hàm khái niệm nêu trên có mấy nội dung sau:

Thứ nhất, về chủ thể. Chủ thể lãnh đạo công tác giảm nghèo ở các địa phương là các tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy.

Chủ thể tham gia quá trình tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo là các tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức trong hệ HTCT ở địa phương, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân các địa phương, nhất là các tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp và giai cấp nông dân.

Thứ hai, đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy là công tác giảm nghèo cho nhân dân các dân tộc Lào, trước hết là các hoạt động nhằm làm biến đổi thay đổi về tỷ trọng giữa các ngành kinh tế; về sản xuất, kinh doanh làm thay đổi về số lượng, loại hình, quy mô các chủ thể tham gia vào công tác giảm nghèo ở các địa bàn; thay đổi về mối quan hệ giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ cung ứng đầu vào để giảm nghèo cho nhân dân các dân tộc Lào.

Thứ ba, mục tiêu lãnh đạo của các tỉnh ủy là bảo đảm cho đường lối chủ trương của Đảng và của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo được thực hiện thắng lợi ở địa phương.

Thứ tư, nhiệm vụ của tỉnh ủy trong lãnh đạo công tác giảm nghèo là ban hành chủ trương, nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chiến lược, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy; kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nghị quyết, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực hiện, lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể nhân dân, các lực lượng xã hội tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy bằng các phương thức thích hợp.

Thứ năm, quy trình lãnh đạo của các tỉnh ủy về công tác giảm nghèo: ra chủ trương, nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung giảm nghèo ở địa phương theo chủ trương chung của Đảng; tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các đối tượng lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết đó.

2.2.1.2. Khái niệm giảm nghèo, công tác giảm nghèo

Khái niệm giảm nghèo

Giảm nghèo là một chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước Lào, là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ do Đảng lãnh đạo ngay từ khi cách mạng thành công, giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân lao động. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, những thành tựu phát triển KT-XH đã tạo điều kiện để thực hiện ngày càng hiệu quả chính sách giảm nghèo trên phạm vi cả nước Lào. Vì vậy, giảm nghèo không phải là nhiệm vụ có tính địa phương, mà giảm nghèo ở mỗi địa phương có tác động đến giảm nghèo trên phạm vi cả nước Lào, mang tính toàn quốc. Từ đó, có thể quan niệm về giảm nghèo ở Lào như sau: *giảm nghèo là một chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước Lào, được cụ thể hoá và vận dụng sáng tạo cho phù hợp với điều kiện ở mỗi địa phương, về việc tạo ra các cơ hội, điều kiện, việc làm, phúc lợi xã hội cho mỗi gia đình, người dân ở mức sống nghèo (theo tiêu chuẩn của Chính phủ Lào đề ra trong từng thời điểm) có mức thu nhập vượt qua chuẩn nghèo một cách bền vững. Có thể hiệu giảm nghèo như vậy*

mới thấy hết nội dung, ý nghĩa của chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Lào về vấn đề này.

Trong giai đoạn 2011 - 2020, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về giảm nghèo, như: Nghị định số 34/NĐ-CP, ngày 23/8/2016 và Nghị quyết số 25/BCHTW, ngày 22/12/2014 “về phương hướng, mục tiêu, biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện là đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển”; Nghị quyết số 08-NQ/TW của BCH Trung ương khoá IX (2011) “về chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020” đã đề ra nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, trong đó chú trọng đến các vấn đề như: bảo hiểm xã hội, lao động việc làm, mức tối thiểu về thu nhập và một số dịch vụ xã hội như: y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP “Về phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016 - 2020; phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân là một trọng tâm của Chiến lược phát triển KT-XH năm 2011 - 2020 nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của nhân dân nhất là người nghèo, trước hết là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo có hiệu quả hơn, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 17/QH 2016 “về việc thực hiện mục tiêu phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016 - 2020” trong đó nêu rõ “xây dựng chuẩn nghèo mới theo chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản”; theo đó, Thủ tướng Chính phủ cũng xác định nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng và phê duyệt “Đề án phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển và Đề án tổng thể chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều

áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020” (Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 23/08/2016) và ban hành Quyết định số 348/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017” về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020”, trong đó tiêu chuẩn nghèo được xây dựng theo hướng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu thu hút tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Tiêu chí đo lường nghèo được xây dựng dựa trên cơ sở: *một là*, các tiêu chí về thu nhập (gồm: chuẩn mực sống tối thiểu về thu nhập, chuẩn nghèo về thu nhập, chuẩn mực sống trung bình về thu nhập); *hai là*, mức độ thiếu hút tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (bao gồm: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch sinh hoạt, vệ sinh và tiếp cận thông tin) (Phụ lục 6).

Khái niệm công tác giảm nghèo

Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội và toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, gồm toàn bộ các hoạt động từ lãnh đạo, quản lý đến tuyên truyền, giáo dục, vận động, tổ chức, chính sách... để giúp người nghèo phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, thoát khỏi đói nghèo.

Từ Đại hội lần thứ VI (1996) đến Đại hội lần thứ XI (2021), Đảng NDCM Lào đã đề ra chủ trương giải quyết giảm nghèo cho nhân dân trong 5 năm tới, phát triển nông thôn phải kết hợp đồng bộ và có trọng điểm. Việc phát triển nông thôn gắn liền với việc giải quyết giảm nghèo cho nhân dân, chấm dứt việc phát rẫy, làm nương và chấm dứt việc trồng cây thuốc phiện. Do vậy, từng địa phương phải tiếp tục vận động xây dựng cơ sở toàn diện, thực hiện chỉ tiêu, xây dựng huyện thành đơn vị cơ sở. Tổ chức thực hiện một cách đồng bộ và quy hoạch khu vực trọng điểm phát triển rõ ràng, dựa trên tiềm năng thế mạnh của từng khu vực.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng NDCM Lào tiếp tục quan tâm nhiều hơn nữa tới vấn đề giải quyết giảm nghèo cho nhân dân đã xác định: tiếp tục giải quyết giảm nghèo trong 75 huyện nghèo, là trọng điểm theo kế hoạch đề ra để phát triển và xây dựng dự án phát triển cụm bản, khắc phục và xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích dịch vụ giáo dục và y tế cho hộ

nghèo, khuyến khích vốn đầu tư cấp bản, đồng thời gắn liền với sản xuất hàng hoá truyền thống của nhân dân các dân tộc Lào trên cơ sở vốn đầu tư về kinh tế 5,8% và thực hiện chương trình giảm nghèo từ 23,2% năm 2011-2016 xuống còn 18,3% năm 2016-2020 [86, tr.103].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định 4 nội dung đột phá về sự phát triển của đất nước, trong đó có một nội dung nói về công tác giảm nghèo cho nhân dân.

Để thực hiện chính sách giảm nghèo trên phạm vi toàn quốc, cũng như ở các tỉnh miền Bắc Lào. *Công tác giảm nghèo ở Lào là tổng hợp các hoạt động của các tổ chức trong HTCT, với sự phối hợp tham gia của các lực lượng xã hội, của mỗi người dân, trong việc làm cho chính sách giảm nghèo phát huy hiệu quả trên thực tế ở mỗi tỉnh, mỗi địa phương.* Theo đó, ở các tỉnh ở miền Bắc Lào hiện nay, các tổ chức thành viên của HTCT đều phải thực hiện công tác giảm nghèo. Đảng bộ các tỉnh, mà thường xuyên và trực tiếp là Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm chính trong việc lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ HTCT và các lực lượng xã hội ở các địa phương làm công tác giảm nghèo; Chính quyền tỉnh là cơ quan quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh theo qui định của pháp luật; Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện công tác giảm nghèo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

Để thực hiện tốt nội dung quan trọng này, Đảng đã chỉ đạo và yêu cầu thực hiện tốt một số công việc sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội ở các tỉnh quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo để xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện ở địa phương.

Đối với quan điểm xác định giảm nghèo là chủ trương lớn của các tỉnh ủy, là nhiệm vụ chính trị và trọng tâm vừa có cấp bách, vừa có tính chiến lược lâu dài của HTCT và nhân dân; các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã ban hành nghị quyết để xác định nội dung công tác giảm nghèo của các cơ quan, ban, ngành,

lực lượng trong hệ thống chính trị. Các cơ quan giúp việc tỉnh ủy, các tổ chức đảng viên, cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất về tư tưởng và hành động.

Thứ hai, mỗi thành viên của hệ thống chính trị các tỉnh xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện chính sách giảm nghèo theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Lãnh đạo các sở, ngành, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đồng thời phối hợp theo dõi, quản lý, tổng hợp và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành, địa phương.

Thứ ba, tổ chức thực hiện các chương trình phát triển KT-XH thực hiện chính sách giảm nghèo.

Thực hiện Đề án giảm nghèo của tỉnh, hàng năm Sở kế hoạch và đầu tư các tỉnh chủ trì lập kế hoạch dự toán ngân sách các chương trình mục tiêu quốc gia trình UBND tỉnh xem xét, căn đối, bố trí ngân sách (từ nguồn Trung ương, địa phương) trong dự toán chi hàng năm của đơn vị; UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện và ban hành một số cơ chế, chính sách giảm nghèo của tỉnh; tổ chức kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện; đồng thời nghiêm túc thực hiện đầy đủ các cơ chế quản lý, điều hành theo quy định của chương trình mục tiêu quốc gia.

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách thuộc Đề án giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo như: hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sạch, ưu đãi tín dụng; tiếp cận y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục, thông tin... Tập trung nguồn lực cho các huyện nghèo, bản (làng) nghèo. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác giảm nghèo, thu hút và động viên sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và các tầng lớp nhân dân. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cho hộ nghèo từ chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết giảm nghèo, chương trình phát triển nông thôn và các chương trình, dự án của địa phương trên cùng một địa

bàn, cùng một đối tượng.

Thứ tư, phối hợp hoạt động của các cơ quan, đơn vị với các lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp, đơn vị kinh tế trên địa bàn thực hiện công tác giảm nghèo. Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng, sự phối hợp của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo gắn với xây dựng phát triển nông thôn.

Thứ năm, Thực hiện sơ kết, tổng kết công tác giảm nghèo.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo, chỉ đạo tất cả các thành viên của HTCT tỉnh mình tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về thực hiện công tác giảm nghèo ở địa phương. Các tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào về *phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân* trên phạm vi toàn tỉnh. UBND tỉnh, các ban, ngành, địa phương (huyện) thực hiện chế độ báo cáo đánh giá định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm gắn với tổ chức sơ kết 6 tháng, tổng kết năm thực hiện Đề án giảm nghèo và chương trình mục tiêu quốc gia theo quy chế hoạt động của BCD; tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết vào cuối nhiệm kỳ kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo của từng cấp theo quy trình.

2.2.1.3. Khái niệm các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo là *một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của các tỉnh ủy, bao gồm các hoạt động: quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, căn cứ điều kiện cụ thể của tỉnh để định ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, tổ chức đảng trực thuộc; các cấp chính quyền; Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội; các lực lượng xã hội thực hiện nội dung công tác giảm nghèo nhằm thực hiện mục tiêu giải quyết giảm nghèo cho nhân dân gắn với phát triển nông thôn ở địa phương.*

Khái niệm về tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo trên đây đề cập những nội hàm sau:

Thứ nhất, về chủ thể lãnh đạo công tác giảm nghèo ở các địa phương là các tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ tỉnh ủy. Chủ thể tham gia quá trình tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo là tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức trong HTCT ở địa phương, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế và nhân dân các dân tộc Lào.

Thứ hai, đối tượng lãnh đạo của tỉnh ủy là nội dung công tác giảm nghèo, trước hết là các hoạt động nhằm biến đổi thay đổi về tỷ lệ giữa các ngành: kinh tế, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng... ở địa phương.

Thứ ba, mục tiêu lãnh đạo của các tỉnh ủy là đảm bảo cho đường lối chủ trương của Đảng về công tác giảm nghèo được thực hiện thắng lợi ở địa phương.

Thứ tư, nhiệm vụ của tỉnh ủy trong lãnh đạo công tác giảm nghèo là ban hành những chủ trương, nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chiến lược, kế hoạch công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy; kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nghị quyết, kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể nhân dân, các lực lượng xã hội tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy bằng các phương thức thích hợp.

Thứ năm, quy trình lãnh đạo của các tỉnh ủy về công tác giảm nghèo: ra chủ trương, nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung công tác giảm nghèo ở địa phương theo chủ trương chung của Đảng; tổ chức thực hiện nghị quyết và kiểm tra các đối tượng lãnh đạo thực hiện chủ trương, nghị quyết đó.

2.2.2. Nội dung các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo

Một là, Tỉnh ủy quán triệt quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về công tác giảm nghèo; cụ thể hóa thành nghị quyết của tỉnh ủy nhằm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo đến cơ sở.

Để đẩy mạnh công tác giảm nghèo các tỉnh ở miền Bắc Lào giai đoạn

2016 - 2020, Hội nghị Ban Chấp hành đảng bộ của từng tỉnh ở miền Bắc Lào năm 2016 đã ban hành nghị quyết “về phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016 - 2020”, tỉnh ủy lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng các cấp thực hiện công tác giảm nghèo theo tinh thần nghị quyết Đại hội đảng bộ các tỉnh năm 2016; Ban Thường vụ tỉnh ủy yêu cầu các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng tỉnh, các huyện, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nội dung công tác giảm nghèo.

Hai là, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền làm công tác giảm nghèo.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền tỉnh thể chế hoá chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo thành các quyết định, chương trình, Đề án, chính sách thực hiện công tác giảm nghèo về mặt Nhà nước đề quản lý và tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh. Thông qua Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo, xây dựng và trình HĐND tỉnh thông qua “Đề án giải quyết giảm nghèo cho dân dân giai đoạn 2016 - 2020”. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án, đồng thời, trình HĐND tỉnh thông qua một số cơ chế, chính sách và phân bổ kế hoạch vốn hàng năm để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo cho nhân dân và các chính sách thuộc Đề án giảm nghèo; ban hành các văn BCD, hướng dẫn triển khai thực hiện; xác định mục tiêu, nhiệm vụ và xây dựng kế hoạch vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng vũ trang, các đơn vị kinh tế trên địa bàn tỉnh thực hiện công tác giảm nghèo.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết giảm nghèo cho nhân dân, Mặt trận Lào xây dựng đất nước ở các tỉnh miền Bắc hàng năm tích cực phát động trong hệ thống Mặt trận Lào xây dựng đất nước các cấp về thực hiện mục tiêu giảm nghèo cho nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội gắn với xây dựng phát triển nông thôn. Qua đó, cùng với các thành viên của Mặt trận Lào xây dựng đất nước vận động nguồn lực để hỗ trợ cho hộ nghèo làm nhà ở,

phát triển sản xuất và tham gia các nội dung Đề án giảm nghèo của tỉnh. Đồng thời chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên chỉ đạo các cấp hội cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, động viên, khích lệ người dân tự lực vươn lên thoát nghèo.

Bốn là, Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác giảm nghèo.

Tỉnh ủy chỉ đạo và giao Ban Thường vụ tỉnh ủy giúp tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết nghị quyết giảm nghèo của tỉnh theo quy định. Theo đó, các cấp, các ngành thường xuyên tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện, gắn với sơ kết, tổng kết, đúc kết kinh nghiệm, đề xuất giải pháp trong tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, chính sách thuộc Đề án giảm nghèo của tỉnh đạt hiệu quả; đặc biệt phải coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc kiểm tra và đánh giá.

Theo quy chế, Ban Thường vụ tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết giai đoạn 5 năm thực hiện nghị quyết công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; BCD chương trình mục tiêu giảm nghèo quốc gia các cấp xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, cả giai đoạn, theo dõi, báo cáo kết quả đánh giá định kỳ (3 tháng, 6 tháng và năm); tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết cuối kỳ chương trình mục tiêu giảm nghèo quốc gia và Đề án giảm nghèo ở các cấp.

2.2.3. Phương thức các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo

Một là, Tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo thông qua ban hành nghị quyết, chương trình hành động cho toàn đảng bộ và các tổ chức trong HTCT, các lực lượng xã hội thực hiện.

Để lãnh đạo hệ thống chính trị và các lực lượng xã hội thực hiện công tác giảm nghèo, tỉnh ủy phải ban hành nghị quyết, chỉ rõ quan điểm và xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo công tác giảm nghèo ở địa phương. Sau đó, các thành viên của HTCT, các lực lượng xã hội, đảng viên, cán bộ và nhân dân tổ chức thực hiện nghị quyết.

Hai là, các tỉnh ủy lãnh đạo thông qua chính quyền, Mặt trận Lào xây

dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội cụ thể hóa, thể chế hóa quy hoạch tổng thể KT-XH và các nghị quyết về công tác giảm nghèo. Các chính quyền tỉnh cụ thể hoá nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp, nghị quyết chuyên đề về công tác giảm nghèo. Đây là phương thức lãnh đạo quan trọng của tỉnh ủy đối với quá trình công tác giảm nghèo. Tỉnh ủy lãnh đạo HĐND tỉnh cụ thể hoá, thể chế hoá nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo thành nghị quyết, quyết định của HĐND tỉnh, Tỉnh ủy lãnh đạo UBND tỉnh chấp hành nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể hoá nghị quyết của HĐND tỉnh thành chương trình, kế hoạch, Đề án thực hiện công tác giảm nghèo. Ngoài đó, tỉnh ủy còn lãnh đạo phát huy vai trò của các tổ chức, lực lượng này còn tham gia xây dựng, kiểm tra và phản biện xã hội đối với chủ trương, biện pháp thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh ủy, chính quyền tỉnh và cán bộ, đảng viên trong thực hiện công tác giảm nghèo. Các tỉnh ủy lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động các tầng lớp nhân dân, các cá nhân, doanh nghiệp tham gia tích cực vào quá trình thực hiện công tác giảm nghèo.

Ba là, các tỉnh ủy lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức trong HTCT, các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện công tác giảm nghèo. Công tác tư tưởng thuộc về hoạt động lãnh đạo của Đảng, là một trong những nội dung quan trọng của công tác giảm nghèo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Tỉnh ủy tiến hành các mặt công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động đội ngũ cán bộ, đảng viên trong HTCT thông suốt tư tưởng và chấp hành sự lãnh đạo của tỉnh ủy. Tỉnh ủy lãnh đạo công tác tuyên truyền, thuyết phục nhân dân các dân tộc Lào hăng hái thực hiện nhiệm vụ công tác giảm nghèo.

Bốn là, các tỉnh ủy lãnh đạo thông qua tổ chức đảng các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên của các Đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Các tổ chức đảng ở huyện tiếp tục giáo dục, rèn luyện, quản lý, kiểm tra đảng viên của mình phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong triển khai thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo. Tỉnh ủy lãnh đạo

phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ trong các tổ chức, cơ quan hoạt động thực hiện công tác giảm nghèo. Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của tỉnh, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong các tổ chức, cơ quan hoạt động về giảm nghèo, lựa chọn và bố trí đúng các chức danh cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của các tổ chức, cơ quan hoạt động công tác giảm nghèo, quản lý chặt chẽ toàn diện, kiểm tra những cán bộ đó trong thực thi công vụ và trong các quan hệ xã hội.

Năm là, các tỉnh ủy lãnh đạo bằng công tác kiểm tra của các tỉnh ủy, tiến hành tổng kết thực tiễn, nhân rộng điển hình tiên tiến về thực hiện công tác giảm nghèo: Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo bằng công tác kiểm tra các hoạt động của các tổ chức đảng viên và đảng viên. Tỉnh ủy thông qua công tác kiểm tra để phát hiện những nhân tố mới, tạo điều kiện cho nó phát triển, đồng thời uốn nắn những lệch lạc, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, bảo đảm cho chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy được thực hiện thắng lợi.

2.2.4. Vai trò của các tỉnh ủy trong lãnh đạo công tác giảm nghèo

Một là, sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào bảo đảm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới ở trong tỉnh, về sự phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Vai trò đặc biệt quan trọng và quyết định của tỉnh ủy đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng trên địa bàn tỉnh đã được thực tiễn kiểm nghiệm và chứng minh trong các thời kỳ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, vai trò đó ngày càng trở nên quan trọng hơn. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới có đến được với nhân dân, có được thực hiện và thành hiện thực ở tỉnh hay không, được quyết định chủ yếu bởi sự lãnh đạo của tỉnh ủy. Công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH hội nhập sâu rộng quốc tế, đúng định hướng XHCN hay không, được quyết định chủ yếu bởi sự lãnh đạo đúng đắn

của tỉnh ủy. Đảm bảo những hoạt động đó đi đúng hướng.

Hai là, tỉnh ủy là cầu nối giữa Trung ương với cấp ủy cấp huyện, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các vùng.

Xuất phát từ vị trí, vai trò của cấp tỉnh, tỉnh ủy có vai trò là cầu nối giữa Trung ương với cấp ủy cấp huyện, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở. Các tỉnh ở miền Bắc Lào là cấp dưới sau Trung ương trong hệ thống hành chính ba cấp của Nhà nước Lào sau Trung ương; quản lý một khu vực lãnh thổ rộng, nhân dân tương đối đông so với miền Trung và miền Nam Lào; có vai trò rất quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh đối với đất nước Lào. Tỉnh ủy tiếp nhận từ Trung ương những chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào và tổ chức thực hiện trong tỉnh. Thông qua chính quyền tỉnh và các tổ chức trong HTCT, tỉnh ủy có thể hoạt động số lượng lớn sức người, sức của để tiến hành một nhiệm vụ trọng tâm hoặc một dự án phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh quan trọng cần có chiến lược giành thắng lợi cho mọi sự việc đã đề ra.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào có đủ tư cách để quan hệ, liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành ủy, các cơ quan Trung ương và các tỉnh trong nước; chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, có đủ tư cách pháp nhân để quan hệ, liên kết, hợp tác với nước ngoài (các nước láng giềng) theo đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Lào để thực hiện các nhiệm vụ KT-XH của tỉnh.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào là cơ quan lãnh đạo, cấp trên trực tiếp của các huyện ủy trực thuộc, đề ra các chủ trương, giải pháp về công tác xây dựng đảng của Đảng bộ tỉnh và trực tiếp chỉ đạo thực hiện, nhằm xây dựng đảng bộ tỉnh trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ; kiểm tra các hoạt động lãnh đạo của các cấp huyện ủy trực thuộc đối với tổ chức trong HTCT, các lĩnh vực đời sống xã hội

và hoạt động của những cán bộ thuộc diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý; trực tiếp uốn nắn những lệch lạc trong hoạt động của cấp ủy, các tổ chức đảng và những cán bộ do ban thường vụ tỉnh ủy quản lý.

Ba là, tỉnh ủy là người lãnh đạo, là người chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc Lào nhất là nhân dân vùng khó khăn ở các tỉnh miền Bắc Lào, chịu trách nhiệm cao nhất về đời sống của nhân dân các dân tộc Lào và an ninh trật tự an toàn trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, phải bảo đảm cho nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, các nghị quyết của tỉnh ủy được thực hiện thắng lợi, bảo đảm sự phát triển KT-XH của tỉnh, nâng cao đời sống cho nhân dân các dân tộc Lào và đóng vào ngân sách Nhà nước.

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo góp phần quan trọng vào việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Lào, phát triển bền vững xã hội, ổn định tình hình chính trị - xã hội.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp cho Đảng những kinh nghiệm, cách làm phù hợp; có hiệu quả về phát triển KT-XH, công tác xây dựng đảng, chính quyền và các đoàn thể.

2.2.5. Kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế và một số quốc gia về giảm nghèo

Kinh nghiệm của tổ chức quốc tế

Một là, trong từng quốc gia tình trạng nghèo đói đang hàng ngày hàng giờ đe dọa đến sự ổn định và an toàn xã hội. Muốn tránh được các cuộc xung đột xã hội có thể xảy ra, các quốc gia phải quan tâm đến việc điều hoà lợi ích giữa các nhóm dân cư, không để xảy ra hố ngăn cách giàu nghèo quá lớn, quá sức chịu đựng của xã hội.

Hai là, xu thế toàn cầu hoá đang thúc ép các quốc gia phải mở rộng dân chủ. Khẩu hiệu về một xã hội công bằng, một trật tự kinh tế và phân phối tiến bộ đang làm cho các quốc gia phải có quyết sách và hành động thực hiện hiệu

qua để hội nhập với xu thế quốc tế.

Vậy, giảm nghèo trước tiên là thuộc về trách nhiệm của Chính phủ các nước, bên cạnh đó các tổ chức quốc tế như ngân hàng thế giới (WB). Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA), chương trình phát triển của Liên Hợp quốc (UNDP), giữ vai trò hỗ trợ quan trọng giúp các quốc gia giảm bớt gánh nặng nghèo đói.

Biện pháp đầu tiên thường được các tổ chức quốc tế áp dụng đó là cung cấp các khoản vay, có gắn với các điều kiện giải ngân theo các chương trình giảm nghèo. Đây là một biện pháp trực tiếp và có nhiều yếu tố tích cực nhằm hạn chế được lãng phí và tham nhũng của các quan chức trung gian trong quá trình tổ chức các thực hiện các dự án.

Biện pháp tiếp theo là gián tiếp thường tập trung vào các giải pháp giãn nợ, giảm nợ, đối với những quốc gia rơi vào cảnh nghèo đói đến nỗi mất khả năng trả nợ. Trong số các sự kiện liên quan đến sự việc này, trước hết phải kể đến các hội nghị thường niên của WB và IMF về xử lý nợ cho các nước nghèo, các câu lạc bộ, như câu lạc bộ Pari, Câu lạc bộ Lôn-Đôn. Chấn hạ tại hội Nghị Oa-sinh-ton (tháng 10/1996) đã quyết định giảm ít nhất 5,6 tỷ USD nợ cho khoảng 20 nước nghèo nhất thế giới và đến những năm gần đây con số giảm nợ đã đến hàng chục tỷ USD.

Kinh nghiệm một số quốc gia

Giảm nghèo là vấn đề quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH để nâng cao mức sống con người. Nhiều nước trên thế giới, kể cả nước phát triển, đang phát triển và kém phát triển đều rất quan tâm tới chính sách nhằm thực hiện tốt vấn đề giảm nghèo. Theo Ngân hàng Thế giới, hiện có khoảng 1,2 triệu người nghèo, trong đó, CHDCND Lào là nước có tỷ lệ người nghèo khá cao. Dù Đảng và Nhà nước Lào đã cố gắng đưa ra nhiều chính sách để giảm tỷ lệ nghèo, tuy nhiên, tỷ lệ giảm chưa xứng với tiềm năng phát triển KT-XH. Vậy, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia là cần thiết, nhằm rút ra những kinh nghiệm hữu ích giúp CHDCND Lào đạt được kết quả tốt hơn

trong hoạt động công tác giảm nghèo.

Kinh nghiệm hoạt động giảm nghèo ở Trung Quốc

Trung Quốc đã xây dựng mô hình năng suất sản xuất nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người nghèo với một số biện pháp, như: chung tay xây dựng giữa Nhà nước và người dân; Nhà nước cung cấp vật liệu sản xuất và vốn để đầu tư, người dân đóng góp bằng sức lao động. Một số giải pháp mà Trung Quốc đã áp dụng, như:

Thứ nhất, hoạt động xóa đói giảm nghèo từ nông thôn tập trung 10-20 ngàn thôn/năm; cải thiện cơ sở hạ tầng (đường sá, điện, nước sinh hoạt); cải thiện năng suất sản xuất để đạt hiệu quả cao hơn và đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu.

Thứ hai, nâng cao công nghệ các ngành nghề đặc trưng mỗi địa phương, hỗ trợ sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông thôn. Các doanh nghiệp được tham gia trong chương trình giảm nghèo và sử dụng nguồn tài nguyên phù hợp. Nhà nước đảm bảo giá hàng hóa cho sản phẩm ở nông thôn.

Thứ ba, nâng cao năng suất lao động nhằm nâng cao kỹ năng của người dân, cung cấp các thông tin giúp người dân có cơ hội tìm việc làm ở thành thị.

Thứ tư, Trung Quốc đã áp dụng giúp đỡ, hỗ trợ, cung cấp các cơ sở vật chất cơ bản cho các xã vùng xa - vùng sâu sang khu vực có thuận lợi hơn.

Kinh nghiệm giảm nghèo ở Thái Lan

Là một nước nằm trong khu vực Đông Nam Á, Thái Lan tập trung sự phát triển kinh tế đối với tam nông.

Thứ nhất, Chính phủ đã tập trung tăng cường việc làm cho người dân, tăng xuất khẩu, cải thiện tình trạng cân bằng ngoại thương với nước ngoài.

Thứ hai, Chính phủ khuyến khích người dân tham gia phát triển nông nghiệp, tập trung nghiên cứu các cây lương thực quan trọng, như: lúa, ngô, sắn. Thái Lan đã đạt được nhiều thành tựu do thực hiện chính sách phát triển nhiều giống lúa thơm chất lượng, giá xuất khẩu cao gấp 2 lần giống lúa thường; năng suất ngô bình quân đạt 3,5 tấn/ha; sắn 1,5 tấn/ha.

Thứ ba, Chính phủ có chính sách khuyến khích sản xuất hàng hóa với

nhiều chương trình thiết thực như: mỗi bản một sản phẩm (OTOP), quỹ phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo, dự án xanh, giáo dục phổ cập phổ thông, trợ cấp học bổng hoặc cho vay đối với con em người nghèo ở nông thôn, miền núi vào đại học.

Thứ tư, Chính phủ đã tập trung vào việc cơ cấu lại ngành nghề phục vụ cho phát triển công nghiệp nông thôn, đồng thời xem xét về các nguồn tài nguyên, những kỹ năng truyền thống, tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất và so sánh việc cân đối nhu cầu tiêu dùng trong nước với nhập khẩu.

Kinh nghiệm giảm nghèo ở Malaysia

Trước đây, Malaysia mới chỉ tập trung phát triển khu vực thành thị, chưa quan tâm nhiều tới người nghèo ở nông thôn; người nghèo sống ở nông thôn chiếm 40% dân số. Chính sách này có một số hạn chế về phân phối thu nhập từng người của Malaysia. Thời gian gần đây, Malaysia đã có những chuyển biến tích cực, lực lượng lao động trong khu công nghiệp tăng lên nhanh chóng và tương ứng với việc giảm tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp. Trong quá trình kinh tế chuyển đổi nhanh từ công nghiệp hóa, đô thị hóa dẫn đến tốc độ biến đổi cơ cấu xã hội, do vậy, người có mức sống trung lưu tăng lên nhanh chóng, nhất là trong cộng đồng người Melayu. Hơn nữa, sau 20 năm phát triển kinh tế, Malaysia đã đạt được kết quả đáng kể như: giảm được tỷ lệ nghèo còn 9,6% năm 1996 (năm 1970 tỷ lệ người nghèo là 49,3%). Chính phủ đã được cải thiện sự phân phối thu nhập với việc thu nhỏ khoảng cách về thu nhập và việc làm giữa 3 cộng đồng người gốc Melayu, gốc Hoa và gốc Ấn.

Ngoài ra, Chính phủ còn có các tổ chức phúc lợi để quan tâm và hỗ trợ người nghèo, như: PERKIM, Hiệp hội Phúc lợi HOPE toàn thể Malaysia và Hiệp hội Lưu động Malaysia và Kuala Lumpur. Các chương trình hỗ trợ thường tập trung vào chăm sóc, hỗ trợ trẻ em, người già cô đơn, người khuyết tật, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn,...

Theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 5 năm lần 9 (9MP) (2006 - 2010), Thủ tướng Malaysia Abdullah Badawi đã công bố

nguồn vốn để phát triển kinh tế gắn với việc xóa đói giảm nghèo trị giá 200 tỷ Ringgit (khoảng 54 tỷ USD). Kế hoạch phát triển kinh tế lần này đặt trọng tâm về phát triển khu nông thôn và giảm nghèo, cân bằng xã hội cùng với xóa bỏ tình trạng người dân sống dưới mức chuẩn nghèo. Chính phủ đã hỗ trợ cho khoảng 300.000 người (chiếm 1,2% của dân số) đang sống với thu nhập dưới mức chuẩn nghèo 400 Ringgit (100USD) mỗi tháng. Đến năm 2010, Malaysia xác định tỷ lệ giảm nghèo xuống còn 2,8% và giảm dần khoảng cách thu nhập ngày càng tăng, đặc biệt là khu vực nông thôn và thành thị.

Kinh nghiệm giảm nghèo của tỉnh Yên Bái (Việt Nam)

Với sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, sau 5 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Yên Bái đã kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh xuống còn 7,04% (đứng thứ 12 toàn quốc, cải thiện 6 bậc so với đầu nhiệm kỳ). Bình quân giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ giảm hộ nghèo toàn tỉnh đạt 5,03%/năm (bằng 125% kế hoạch đề ra đầu nhiệm kỳ), riêng tại 2 huyện 30a giảm bình quân 8,32%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân 7,66%/năm, cao hơn nhiều so với bình quân chung toàn tỉnh và của cả nước. Số xã đặc biệt khó khăn giảm 26,3%, còn 59 xã; số thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm 16,9% còn 383 thôn, bản.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Yên Bái đúc rút được một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo, xác định giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; gắn việc hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo với trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

Thứ hai, phải đặt người nghèo, hộ nghèo vào vị trí chủ thể, trung tâm

của hoạt động giảm nghèo; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để thay đổi căn bản tư duy, nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội, đặc biệt là giải phóng tư tưởng để người dân phát huy tinh thần tự lực, tự trọng, có khát vọng và chủ động nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo

Thứ ba, phải xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của tình trạng đói nghèo, thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích hiện trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo của toàn tỉnh, từng huyện, từng xã; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch giảm nghèo bảo đảm cụ thể, sát thực với các giải pháp căn cơ, bài bản, đồng bộ, thống nhất và cách làm sáng tạo, linh hoạt, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những điểm nghẽn, nút thắt, hỗ trợ người dân vươn lên thoát nghèo.

Thứ tư, chương trình giảm nghèo phải được thực hiện đồng bộ với chương trình xây dựng nông thôn mới và các chương trình hỗ trợ có mục tiêu khác; tập trung hỗ trợ mở rộng sinh kế, phát triển sản xuất, tăng thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu cho người nghèo. Các chính sách hỗ trợ phải thiết kế khoa học, hợp lý để hộ nghèo, hộ cận nghèo dễ dàng tiếp cận, triển khai; chú trọng nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, bền vững.

Thứ năm, đồng thời với các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người nghèo, cần quan tâm ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chăm lo phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn tại các huyện nghèo, địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ sáu, trong điều kiện một tỉnh miền núi, tỷ lệ hộ nghèo cao, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, cần huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho mục tiêu giảm nghèo; trong đó cùng với nguồn lực nhà nước cần tranh thủ vận động đa dạng các nguồn lực ngoài nhà nước.

Để xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”.

Về mục tiêu phát triển trong thời gian tới, theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2020 - 2025) xác định mục tiêu phát triển nhanh, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”, trở thành tỉnh khá của vùng Trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2025; trong đó tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân trên 4,0%/năm, riêng hai huyện 30a giảm bình quân trên 5,5%/năm; đến năm 2025 huyện Mù Cang Chải cơ bản không còn là huyện nghèo, ít nhất 40 xã đặc biệt khó khăn đạt tiêu chí nông thôn mới.

Để thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XIX, Tỉnh ủy Yên Bái kiến nghị, đề xuất một số nội dung cụ thể như sau:

Một là, trên cơ sở Nghị quyết được Đại hội thông qua, đề nghị Chính phủ sớm trình Quốc hội thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; trong đó cần thiết kế hợp lý để tránh trùng lặp về đối tượng, nội dung, phương thức hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sớm phê duyệt chương trình và hướng dẫn cụ thể để các địa phương triển khai thực hiện.

Hai là, đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm, dành nguồn lực đầu tư cho các tỉnh miền núi; trong đó, ưu tiên đầu tư cho hệ thống giao thông kết nối vùng, liên vùng và kết nối các tỉnh miền núi, các huyện nghèo trong vùng; hạ tầng lưới điện quốc gia; các công trình dự báo, cảnh báo và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; tiếp tục bố trí nguồn lực sớm hoàn thành việc sắp xếp và bố trí lại dân cư, di dân ra khỏi khu vực có nguy cơ cao bị lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của thiên tai tới đời sống và sản xuất của Nhân dân.

Ba là, khu vực miền núi phía Bắc, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số, là địa bàn có tỷ lệ che phủ rừng cao so với bình quân chung cả nước, nhưng tỷ lệ hộ nghèo cũng cao nhất cả nước; sinh kế của người dân chủ yếu gắn với kinh tế lâm nghiệp, đòi rừng. Vì vậy, để thực hiện mục tiêu vừa giảm nghèo bền vững, vừa góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, môi trường sinh thái đầu nguồn, đề nghị Trung ương nghiên cứu có chính sách đặc thù hỗ trợ các địa phương trong quản lý, phát triển, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, trên cơ sở tổng kết Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành Nghị quyết mới, thực hiện trong giai đoạn tiếp theo để các địa phương trong vùng, nhất là các tỉnh miền núi phía Bắc có cơ sở triển khai thực hiện, thu hẹp dần khoảng cách với trình độ phát triển chung của cả nước

Bài học kinh nghiệm cho công tác giảm nghèo ở nước CHDCND Lào

Từ kinh nghiệm giảm nghèo ở các nước trên, nhất là Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia và Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác giảm nghèo tại CHDCND Lào, như:

- Đảng và Nhà nước Lào cần tập trung xây dựng hệ thống về văn bản, đưa ra các chính sách cho phù hợp với những địa phương để công tác giảm nghèo đạt được hiệu quả cao.
- Thực hiện chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức cho công chức. Đây chính là đội ngũ có trách nhiệm liên kết chặt chẽ với người dân trong công tác giảm nghèo.
- Thực hiện chính sách tự do hóa kinh tế, khuyến khích đầu tư tư nhân trong nước và thực hiện tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả của nền kinh tế.
- Thực hiện cải cách cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh việc giảm nghèo theo

hình thức nâng cao phát triển nông nghiệp, xây dựng hệ thống giá nông sản, tìm kiếm các thị trường để tiêu thụ hàng nông sản cho người dân. Nâng cao năng lực chế biến sản phẩm nông nghiệp để tăng giá trị hàng hóa.

- Thực hiện chính sách phát triển cơ sở hạ tầng ở vùng nông thôn - vùng sâu - vùng xa nhằm tạo sự phát triển KT-XH, mang lại lợi ích cho người nghèo; người nghèo có thể tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

- Đảng và Nhà nước cần xác định vùng nghèo trong phạm vi quốc gia để hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo và hộ nghèo; hỗ trợ đào tạo người lao động có tay nghề, có kiến thức làm việc, có thể thay đổi việc làm từ nông thôn qua thành thị.

- Tăng cường cung cấp tín dụng để người nghèo có thể tiếp cận được, bởi đa phần người nghèo thiếu vốn đầu tư, nhất là thiếu cơ sở vật chất cơ bản. Cần tạo quỹ tín dụng để người nghèo vay có thể vay với lãi suất thấp.

- Công cuộc phát triển KT-XH phải gắn liền với việc đảm bảo an ninh xã hội và an ninh quốc phòng, thực hiện chính sách định canh định cư đối với nhân dân các DTTS, xây các thị trấn nhỏ, vùng dân cư ở vùng sâu, vùng xa, quy hoạch thành phố mới gắn liền với bảo vệ môi trường.

Tiểu kết chương 2

Công tác giảm nghèo là một công tác lớn để thực hiện chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào. Sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với công tác giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào vừa thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa bảo đảm công tác giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào được thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong thực tiễn thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào những năm gần đây, các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã nỗ lực trong lãnh đạo công tác giảm nghèo với các nội dung và phương thức lãnh đạo góp phần đáng kể trong giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện đời sống người dân, đời sống của nhân dân có nhiều khởi sắc.

Trong chương 2 của luận án tác giả đã hệ thống hoá các khái niệm cơ bản, nội dung, vai trò của công tác giảm nghèo, phân tích và làm rõ các khía cạnh tiếp cận, các cách luận giải về nội dung chính của luận án, rút ra một số kinh nghiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo của nước ngoài. Đồng thời, phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo. Từ đó, xây dựng khung lý thuyết nhằm phục vụ mục tiêu nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng các tỉnh ủy miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo hiện nay.

Chương 3

CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO VÀ CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO TỪ NĂM 2016 - 2022

3.1.1. Những ưu điểm và kết quả

Ưu điểm

Một là, tổ chức quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Lào về công tác giảm nghèo.

Các cấp, các ngành ở các tỉnh miền Bắc Lào đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng những chủ trương của Đảng. Giảm nghèo là nhiệm vụ cốt lõi trong đường lối phát triển KT - XH của Đảng và Nhà nước Lào. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: sắc lệnh hướng dẫn số 03/QĐ-TTg ngày 5/3/2012 về việc xây dựng bản thành đơn vị phát triển, xây dựng Bản lớn thành thị trấn ở nông thôn; Sắc lệnh số 201/QĐ-TTg ngày 5/5/2012 về việc giải quyết các vấn đề luân chuyển dân kiều không có tổ chức gắn tiếp với vấn đề sắp xếp nơi ở cố định và việc làm ổn định cho nhân dân các dân tộc Lào; Nghị định 309/2013/QĐ-TTg năm 2018 về chính sách hỗ trợ di dân thực hiện công tác giảm nghèo cho nhân dân các bộ tộc Lào; Nghị quyết số 25/BCHTW, ngày 22/12/2014 của Ban Chính trị Trung ương Đảng về phương hướng, mục tiêu, biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện là đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; Nghị định số 34/NĐ-CP, ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; Chỉ thị số 097/BCHTW, ngày 18/2/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; Nghị định số 348/NĐ-TTg, ngày 16/11/2017 của Thủ tướng

Chính phủ về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển và Hướng dẫn số 0830/BN-LN, ngày 6/4/2018 hướng dẫn về tổ chức thực hiện chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển; **Chỉ thị số 097/BCHTW, ngày 18/2/2020 về tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân** và các quyết định khác để thực hiện các nỗ lực giảm nghèo, đã tiến triển đáng kể trong những năm qua. Theo quyết định số 57/QĐ-CP, ngày 22/7/2016 về tiếp tục sắp xếp 6 công việc của Chính phủ, có một trong 6 công việc Chính phủ đồng ý giao công tác nghiên cứu toàn diện, theo dõi và hỗ trợ các tổ chức hành chính của chính quyền Trung ương và địa phương trong việc thực hiện chủ trương đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển cho Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm. Chính phủ đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của BCD Trung ương về giảm nghèo dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Chính phủ. Thường trực BCD Trung ương gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên thuộc các cơ quan: Chủ nhiệm Văn phòng Phủ thủ tướng, Bộ Lao động và phúc lợi xã hội, Bộ Tài chính, Nông lâm, Tài nguyên và môi trường. Lao động và phúc lợi xã hội. Văn phòng Phủ thủ tướng giúp Trưởng BCD điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện Chương trình. BCD làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, thông qua các phiên họp thường kỳ và đột xuất dưới sự chủ trì của Trưởng BCD hoặc Phó Trưởng BCD khi được ủy quyền. Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo đặt tại Bộ Lao động và phúc lợi xã hội, là đơn vị giúp việc trực tiếp cho BCD và Trưởng BCD. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh miền Bắc, đặc biệt nhấn mạnh: “Giải quyết dứt điểm không còn hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo kế hoạch của các tỉnh ủy... và các chủ trương của **BCH** Đảng bộ tỉnh các tỉnh ở miền Bắc Lào đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân trong tỉnh. Qua đó, các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ, sâu sắc về chủ trương giảm nghèo của tỉnh; tạo được sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, sự đồng thuận

trong xã hội, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của người dân tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu giảm nghèo.

Chính sách giảm nghèo là hệ thống chính sách được tích hợp trong nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật khác nhau ở Trung ương và địa phương, nhưng tập trung nhất trong Chương trình mục tiêu quốc gia đó là chương trình giảm nghèo và chương trình phát triển nông thôn. Theo chương trình này, từ năm 2016 - 2022 hộ nghèo, người nghèo ở Lào được hưởng các chính sách ưu đãi như: được xem xét (nếu có nhu cầu) cho vay vốn ưu đãi; được hướng dẫn cách làm ăn và chuyển giao kỹ thuật; lao động nghèo (nếu có nhu cầu) được xem xét hỗ trợ đào tạo nghề miễn phí để tạo việc làm; con em hộ nghèo được xét miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khi đi học; các thành viên thuộc hộ nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh khi ốm đau (trừ những người đã được cấp dưới các hình thức hỗ trợ khác); được hỗ trợ đất sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; và được tư vấn, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Hai là, kịp thời thành lập hệ thống bộ máy quản lý, điều hành các cấp và xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo.

Năm 2016, các tỉnh ở miền Bắc Lào đã sắp xếp lại các công việc quản lý, điều hành các cấp và xây dựng quy chế hoạt động (theo quyết định số 21/QĐ-CP, ngày 11/04/2016 về tiếp tục sắp xếp 6 công việc của Chính phủ và BCD các tỉnh uỷ ở miền Bắc Lào cũng đã tập trung chỉ đạo thực hiện Biên bản giao văn phòng Phát triển nông thôn và xoá đói giảm nghèo cấp tỉnh về sở nông - lâm nghiệp theo quyết định của số 21/QĐ-CP), phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chức năng quản lý Nhà nước của ngành, lĩnh vực và phân công phụ trách địa bàn huyện và là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm triển khai, lồng ghép thực hiện các chính sách giảm nghèo trên địa bàn mình phụ trách; đồng thời, hàng năm phải phối hợp kịp thời với cơ quan thường trực ban chỉ đạo tham gia kiểm tra về việc thực hiện các chương trình giảm nghèo và công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở cơ sở. Bên cạnh việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo của Trung ương,

UBND các tỉnh ở miền Bắc Lào đã ban hành một số chính sách nhằm giúp cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo cho bền vững, như: Chính sách hỗ trợ vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất; quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo; đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ học phí cho học sinh nghèo bán trú... Qua đó đã góp phần tăng thu nhập cho hộ nghèo, từng bước ổn định cuộc sống và hỗ trợ cho các em học sinh nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập của mình.

Chỉ đạo các cấp, các ngành, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện chính sách giảm nghèo hàng năm và cả giai đoạn theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp theo kế hoạch của UBND các tỉnh ở miền Bắc Lào đã đề ra.

Ba là, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển KT-XH thực hiện các mục tiêu giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Chính quyền và các tổ chức đã áp dụng nhiều chính sách và biện pháp hỗ trợ nguồn lực và hướng dẫn việc đảm bảo công tác giảm nghèo cho các hộ nghèo như: hỗ trợ đất sản xuất, tài chính, phát triển kết cấu hạ tầng và các hỗ trợ khác.

Hỗ trợ về đất sản xuất: Hoàn thiện công tác quy hoạch, rà soát và điều chỉnh phân bổ đất đai tạo điều kiện về đất ở và đất sản xuất nhất là đất nông nghiệp; tiến hành phân công lại lao động, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả.

Hỗ trợ tài chính: Trong giai đoạn 2016 - 2022, Nhà nước đã hỗ trợ vốn vay cho 281.840 lượt hộ nghèo để phát triển kinh tế tổng số tiền là 9.040,8 tỷ kip, giải quyết cho 25.136 lượt hộ vay 1.021 tỷ kip để xuất khẩu lao động. Đã giải quyết cho 31.402 lượt hộ nghèo tại vùng khó khăn vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh số tiền 4.879 tỷ kip [105]. Cùng với Nhà nước, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư ở các tỉnh miền Bắc Lào đã tăng cường phối hợp với nhiều nỗ lực, sáng tạo, thực hiện các chính sách, xây dựng các mô hình cụ thể góp phần cho công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Hỗ trợ khoa học và công nghệ: Chính quyền đã đầu tư 12.450 tỷ kíp từ ngân sách các cấp cho phát triển khoa học và công nghệ. Phần lớn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lựa chọn tập trung vào giải quyết các vấn đề do sản xuất và đời sống đặt ra với các đề tài ứng dụng, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ sản xuất nông nghiệp cho hộ nghèo thông qua các chương trình phát triển KT-XH và chương trình mục tiêu quốc gia.

Phát triển kết cấu hạ tầng: Đây là một chính sách được các cấp ủy đảng và chính quyền từ trung ương xuống rất coi trọng. Nhà nước đã dành ngân sách cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các cụm bản khó khăn, vốn lồng ghép từ các chương trình dự án, vốn huy động cộng đồng, các tỉnh, huyện. Ở các tỉnh miền Bắc Lào năm 2016-2022, đã đầu tư xây dựng 2.989 công trình hạ tầng cho 132 cụm bản với kinh phí 5.628 tỷ kíp; xây dựng, cải tạo nâng cấp 1.890 km đường giao thông nông thôn; có 94,5% đường giao thông đến bản và cụm bản, đường từ tỉnh huyện được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và 89,7% đường xóm đạt quy chuẩn xây dựng nông thôn; mạng lưới cấp nước sạch được cung cấp tới 100% các cụm bản và 90% tỷ lệ hộ dân nông thôn vùng sâu, vùng xa được sử dụng nước hợp vệ sinh [102].

Hạ tầng văn hóa - xã hội: tiếp tục được quan tâm đầu tư. Chính quyền đã hỗ trợ giáo dục, đào tạo cho các hộ nghèo, đảm bảo tất cả các cụm bản trên địa bàn các tỉnh ở miền Bắc Lào đều có trường tiểu học, trung học cơ sở và trường mẫu giáo được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, các trung tâm cụm bản có trường trung học cơ sở, đa phần huyện đều có trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm dạy nghề. Đồng thời, thực hiện Quyết định số 201/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và Nghị định 285/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh là người dân tộc thiểu số như cấp miễn phí tiền vở, sách giáo khoa. Năm 2016 - 2022, chính quyền đã hỗ trợ xây dựng và đưa vào sử dụng 813 phòng học kiên cố ở các cấp học (mầm non đạt 87,6%, tiểu học 94,6%, trung học cơ sở 94,5%, trung học phổ thông 96,8%); hỗ trợ theo năm học trên 9.630 học sinh bậc tiểu học và mầm non, tổng kinh phí 982.060 triệu kíp. Đa số huyện ở các tỉnh miền Bắc Lào nhất là huyện khó khăn là đơn vị điển hình

trong việc chăm sóc học sinh bán trú thuộc DTTS. Ngoài đó chính quyền các cấp ở các tỉnh miền Bắc Lào còn hỗ trợ tổ chức dạy nghề và truyền nghề cho 12.857 lao động nông thôn, lao động thuộc diện nghèo, số lao động qua đào tạo có việc làm tại các doanh nghiệp là 19.820 người và có 6.433 lao động đi làm việc ở nước ngoài nhất là ở Thái Lan [102]. Chính quyền các cấp đã tổ chức 338 lớp tập huấn hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông - lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho 29.500 lượt người về giống mới, quy trình kỹ thuật chăm sóc bảo vệ cây trồng vật nuôi [104]. Ngoài ra, trong năm 2016 - 2020 các tỉnh ở miền Bắc Lào còn thực hiện quy chế cử tuyển 976 học sinh là người DTTS vào học các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học để đào tạo đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cho huyện, cụm bản và tạo nhân lực để hỗ trợ các hoạt động công tác giảm nghèo [98].

Hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe: Ở các tỉnh miền Bắc Lào đã cơ bản có Bệnh viện Đa khoa, có một số tỉnh như: Luông Pha Bang và U Đôm Xay cũng có Bệnh viện Nhi; cải tạo, nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao, Bệnh viện Tâm thần... và các bệnh viện huyện. Đã có 100% trạm y tế cụm bản. Chất lượng dịch vụ y tế được nâng lên thông qua đầu tư nâng cấp các thiết bị khám, chữa bệnh và tăng cường lực lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, xã hội hóa một số hoạt động y tế; 100% phòng khám đa khoa, các cơ sở khám bệnh được cấp giấy phép hoạt động. Các chương trình y tế được kết hợp triển khai lồng ghép các hoạt động đến tận cơ sở, đã góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 12,2%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%. Công tác khám, chữa bệnh miễn phí cho gia đình chính sách, người nghèo được các cấp, các ngành quan tâm. 94% hộ nghèo, cận nghèo đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế (đảm bảo 100% đối tượng người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí) [102].

Ngoài ra, chính quyền các tỉnh còn có chính sách trợ giá, trợ cước một số mặt hàng thiết yếu cho các hộ nghèo, quy hoạch dự án để hỗ trợ và kêu gọi đầu tư vào các vùng nghèo nhất là các dự án đầu tư vào vùng đồng bào DTTS, còn

hiều khó khăn. Nhìn chung, chính quyền các cấp đã thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản.

Kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo:

Trong 5 năm thực hiện các chương trình giảm nghèo (2016 - 2022) cùng với đẩy mạnh đầu tư phát triển KT-XH, đặc biệt là phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Trong việc thực hiện công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đã đạt được một số kết quả như sau:

Dự án xây dựng bản phát triển được 1.880 bản, số hộ gia đình nghèo giảm xuống từ 67.271 hộ gia đình nghèo trong năm 2011 - 2015, xuống còn 47.493 hộ hoặc bằng 12,08% của số hộ gia đình các tỉnh miền Bắc Lào năm 2020 (theo chuẩn mới).

Dự án xây dựng kế hoạch phát triển cụm bản tất cả 48 cụm bản, có 372 dự án, với giá trị 582,194 tỷ kip; đáp ứng ngân sách 421,592 tỷ kip để xây dựng nhóm vốn phát triển cấp bản 1.315 bản và 22 huyện nghèo của các tỉnh miền Bắc. Đến nay đã xây dựng được 1.880 bản phát triển, chiếm 47,11% của số bản ở các tỉnh miền Bắc Lào; có 2.863 bản có đường giao thông đi lại thuận lợi, chiếm 71,75% số bản; có 3.426 bản được dùng điện, chiếm 85,86% tổng số bản của các tỉnh năm 2020 [102].

Dự án đầu tư và huy động toàn xã hội vào chương trình phát triển KT-XH là 57,739,95 tỷ kip, so với 5 năm trước tăng 2,4 lần. Trong đó tổng số vốn trong nước là 29,529,21 tỷ kip; vốn nước ngoài 16,160,44 tỷ kip chiếm 24,71%. Đầu tư của tư nhân trong nước và nước ngoài đạt 12,050,30 tỷ kip [102].

Dự án giúp hỗ trợ người nghèo để phát triển cơ sở hạ tầng, được tổ chức thực hiện ở 22 huyện nghèo, giá trị đầu tư 27,620.74 tỷ kip bằng 47,83%. Trong đó vốn tín dụng ngân hàng và đóng góp của nhân dân tỷ kip bằng 16,23% vốn cộng đồng đóng góp 9,372,66 tỷ kip. Xây dựng được 36 công trình thủy lợi, sửa chữa thủy lợi cũ được 2,371 công trình, 17 dự án sản xuất sợi, xây dựng được hai thị trường bán sản phẩm trồng trọt [102].

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo các sở, ban, ngành và các tổ chức khác trong tỉnh huy động vốn cả vật liệu và số tiền, trong các đợt chống lũ lụt và

sử dụng vào sự giúp đỡ nhân dân phục hồi lực lượng sản xuất bị lũ lụt, với số tiền là 29,571.62 tỷ kíp. Xây dựng 33 công trình thủy lợi (mương) đáp ứng cung cấp nước tưới được 5.334 ha ruộng. Đáp ứng vật liệu, chuyên gia chỉ đạo nhân dân xây dựng và cải tạo 75 công trình kênh mương ở vùng sau, vùng xa và bản đặc biệt khó khăn ở các tỉnh miền Bắc Lào để đáp ứng nước tưới cho 12.138 ha ruộng. Tổng diện tích ruộng được nhận nước của dự án nhỏ theo hướng chỉ đạo “Nhà nước với nhân dân cùng làm” năm 2016 - 2022 này là 1.581 [103].

Hiện nay tất cả các huyện nhất là huyện nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đã xây dựng chương trình giảm nghèo cho nhân dân, nội dung các chương trình bao gồm các phần: khảo sát thực trạng, xác định nguyên nhân, tìm ra giải pháp, lập ban chỉ đạo từ tỉnh đến huyện và cơ sở, lập quỹ giảm nghèo.

Người nghèo có niềm tin vào Đảng và chính quyền. Bản chỉ đạo giảm nghèo cũng đã có được nhiều kinh nghiệm trong việc phát huy sức mạnh cộng đồng và các nguồn lực từ bên ngoài phục vụ công tác giảm nghèo.

Sự liên kết phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đoàn thể và các tổ chức xã hội ngày càng tốt hơn, tạo nên sức mạnh cho việc công tác giảm nghèo.

Những chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo, được thực hiện và ban hành, năm 2011 - 2015 và năm 2016 - 2022 ở các tỉnh miền Bắc Lào đã dần dần giải quyết được giảm nghèo, trong đó có một số tỉnh ở miền Bắc Lào đã trở thành tỉnh tiên phong trong giảm nghèo cho nhân dân như: tỉnh Xay Nha Bu Ly, tỉnh Xiêng Khoang, Luông Pha Bang... tỷ lệ nghèo đã giảm dần, có thể tham khảo phụ lục tổng kết kết quả giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào (Phụ lục 7 - 8).

Trình độ quản lý và chỉ đạo thực hiện các hoạt động giảm nghèo ngày càng được nâng lên, nhất là trong việc tổ chức thực hiện các dự án, các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ chức vay vốn, thu nợ, dịch vụ vật tư sản xuất, hướng dẫn cách làm ăn... Ý thức trách nhiệm của cộng đồng chuyển biến rõ rệt, tư tưởng ỷ lại, mặc cảm, tự ti của người nghèo được khắc phục, từ đó có sự vươn lên để giảm nghèo cho bản thân mình [78].

Mức sống của đa số nhân dân các dân tộc Lào được nâng lên một bước,

thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Như năm 2011-2015, GDP bình quân đầu người của mỗi tỉnh mới chỉ đạt trên 800-1.262 USD, thì năm 2016 - 2020 các tỉnh miền Bắc Lào đã tăng lên trên 1.500 USD nhất là có 2 tỉnh như: tỉnh Xay Nha Bu Ly 2.413 USD và tỉnh Luông Pha Bang là 2.181 USD. Nhóm người nghèo có thu nhập thấp nhất (dưới 220.000 kíp/tháng/người) năm 2015 có 85.271 hộ nghèo, năm 2020 có 26.177 hộ đã vươn lên thoát nghèo, đến (năm 2020 các tỉnh miền Bắc Lào còn 59.094 hộ nghèo. Một bộ phận dân cư trở nên khá giả và giàu có).

Do có chính sách cho công ty tư nhân đầu tư vào nông thôn và đào tạo nghề nghiệp cho nhân dân các dân tộc Lào nhất là hệ thống dạy nghề liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn, cho nên, đã giúp được dân biết làm ăn, có công ăn việc làm và năng suất lao động được nâng cao hơn. Đi đôi với việc đào tạo nguồn nhân lực cho nghề nông, các tỉnh ở miền Bắc Lào còn phát triển các nghề phi nông nghiệp như: đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ khác làm cho chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, tạo thêm cơ hội về việc làm và tăng thu nhập. Cùng với bước phát triển này, cán bộ cụm bản và đội ngũ cán bộ huyện, tỉnh làm công tác giảm nghèo các tỉnh ở miền Bắc Lào cũng trưởng thành.

Ở cơ sở đã chấm dứt được nạn phá rừng, du canh, góp phần bảo đảm môi trường nhất là rừng, nguồn nước, khí hậu, thời tiết, nguồn lợi tự nhiên... Ngoài ra đã xoá bỏ trồng cây thuốc phiện ở miền núi, giảm bớt số đối tượng nghiện trên địa bàn và không chế không để phát sinh số mới. Hiện nay đang tích cực thực hiện đề án cai nghiện, tạo điều kiện cho họ tái hoà nhập cuộc sống cộng đồng và góp sức lao động vào giải quyết đời sống trong gia đình và xã hội. Đồng thời mở ra cơ hội cho hộ nghèo có vốn sản xuất.

Dân cư ở vùng đực biết khó khăn được sắp xếp, bố trí lại ở những nơi cần thiết nhất là nơi có điều kiện được hưởng dịch vụ cơ sở như: đường, trường, trạm y tế, nước sạch, thông tin liên lạc... Nhờ đó, đã tạo điều kiện nâng cao trình độ kiến thức, cải thiện tình trạng sức khoẻ cho người dân, làm cho người dân có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với thông tin khoa học công nghệ, giao tiếp xã hội, góp

phần giảm thiểu bất bình đẳng về mặt xã hội cho người nghèo. Người dân ở nông thôn và miền núi, nhất là ở bản và cụm bản phát triển đã dần dần làm quen với việc mua bán, trao đổi hàng hoá. Thị trường nội địa tiếp tục phát triển, mặc dù giá cả trong vài năm qua có nhiều biến động theo xu hướng tăng, nhưng sức mua trên thị trường vẫn tăng cao. Với sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp, các cấp, các ngành và nhân dân kể cả người nghèo, đặc biệt là các tổ chức quốc tế liên quan đến công tác giảm nghèo đã tạo tiền đề cho các hộ nghèo, bản nghèo vươn lên, bộ mặt các vùng đặc biệt khó khăn ở các tỉnh miền Bắc Lào đã có thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân các dân tộc Lào ở các tỉnh miền Bắc Lào đã từng bước được cải thiện, nhân dân các dân tộc Lào phấn khởi tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Lào.

Bốn là, các tổ chức của hệ thống chính trị thường xuyên phối hợp hoạt động với các đơn vị sự nghiệp, các lực lượng vũ trang, các đơn vị kinh tế trên địa bàn thực hiện công tác giảm nghèo.

Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng, sự phối hợp của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo gắn với xây dựng phát triển nông thôn, như: Quan tâm công tác đào tạo, tuyên truyền về giảm nghèo, đổi mới với nhiều phương thức mới để nâng cao công tác tuyên truyền, định hướng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo; đưa tin, phổ biến, nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến trong xây dựng phát triển nông thôn và giảm nghèo. Kết quả thực hiện xã hội hoá trong giảm nghèo. Tổng kinh phí nhân đạo, từ thiện của các tổ chức Hội và văn phòng Mặt trận Lào xây dựng đất nước các tỉnh thực hiện là 27,628 tỷ kip, hỗ trợ cho 36,861 hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn và 12.475 người khuyết tật, trẻ mồ côi, học sinh nghèo vượt khó học giỏi,... giúp cho họ giảm bớt khó khăn khuyến khích, động viên, để họ tạo niềm tin trong cuộc sống, hướng dẫn tương lai [116].

Các tỉnh ở miền Bắc Lào điều có biên giới giáp với 4 nước láng giềng (Thái Lan, Trung Quốc, Việt Nam và Myanmar) đã phát huy được vai trò của Bộ đội biên phòng phối hợp với cấp ủy, chính quyền các cấp tuyên truyền, vận động quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn biên giới gắn với phát triển

KT-XH, giúp nhân dân vươn lên thoát nghèo, xây dựng phát triển nông thôn, xây dựng chính quyền cơ sở, như: tham gia giúp dân thu sản xuất, chăm sóc, thu hoạch các loại cây trồng; vệ sinh bản (làng), nhà văn hoá; phát quang, sửa chữa đường giao thông bản, cụm bản; nạo vét kênh mương thủy lợi; khám, chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho người dân nhất là người nghèo; phối hợp vận động xây nhà tình nghĩa...

Năm là, các cấp, các ngành đã chỉ đạo và thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết công tác giảm nghèo định kỳ theo quy chế hoạt động.

Các tỉnh ở miền Bắc Lào đã thực hiện theo quy chế và kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh, công tác theo dõi, kiểm tra được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cụm bản thông qua việc chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo, xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai, đôn đốc tiến độ thực hiện, các hoạt động kiểm tra trên thực tế tại địa phương, cơ sở. Thông qua đó góp phần tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, các tổ chức thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo; kịp thời ghi nhận những điển hình tốt, hiệu quả để nhân rộng, cũng như những khó khăn, vướng mắc được hướng dẫn, tháo gỡ hoặc chấn chỉnh những cách làm sai trái, kém hiệu quả trong thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giảm nghèo.

3.1.2. Hạn chế, khuyết điểm

Một là, công tác quán triệt, tuyên truyền tư tưởng, chính sách về giảm nghèo ở một số địa phương, ban ngành, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, đoàn thể có lúc, có nơi chưa thường xuyên, sâu rộng, chậm đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền.

Việc công tác tuyên truyền, vận động chưa sâu rộng dẫn đến kết quả giảm nghèo chưa thực sự đạt được theo kế hoạch, hộ nghèo phát sinh hàng năm còn cao, còn nhiều huyện chưa đạt kế hoạch giảm nghèo hàng năm, nhiều người nghèo còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa phát huy tính chủ động để vươn lên thoát nghèo, sử dụng vốn kém hiệu quả. Vẫn còn tình

trạng hộ thoát nghèo nhưng chây ỳ không trả nợ các khoản vay và còn tình trạng một số hộ nghèo khi được đưa vào diện điều tra, rà soát đã cố tình giấu tài sản gây khó khăn khi điều tra, rà soát. Có nhiều bộ phận hộ nghèo người DTTS, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất.

Hai là, có một số địa phương, nhất là cấp huyện chưa kịp thời xây dựng được chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm và cả giai đoạn để triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo tại địa phương, phân công nhiệm vụ cho các bộ phận chưa cụ thể, rõ ràng để quản lý, theo dõi, tham mưu thực hiện các chính sách thuộc Đề án giảm nghèo; chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện hoàn thiện mục tiêu giảm nghèo theo kế hoạch của Đề án.

Ba là, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình KT-XH và thực hiện các chính sách giảm nghèo còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững và càng ngày nguy cơ tái nghèo càng cao.

Nguồn lực thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu Đề án giảm nghèo. Chính sách vay hỗ trợ chăn nuôi đạt tỷ lệ thấp do số vốn vay cho mỗi hộ dân quá ít (giai đoạn 2016-2020 mức vay 2 triệu kíp/hộ), nguồn lực hỗ trợ từ người dân, cộng đồng còn hạn chế. Việc thực hiện chính sách di dân vẫn còn khó khăn, như: việc bố trí đất ở, đất sản xuất theo qui chuẩn; nguồn vốn hỗ trợ đầu tư để ổn định cuộc sống cho các hộ dân di cư tự do còn hạn chế; việc tổ chức ổn định cuộc sống dân di cư tự do. Việc giải quyết đất sản xuất, đất ở cho hộ nghèo lại gặp nhiều khó khăn do địa phương không còn quỹ đất. Việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội còn gặp nhiều khó khăn, bất cập như: mức cho vay còn thấp, chưa đảm bảo để thực hiện mô hình phát triển sản xuất (Chương trình 76 cho vay hỗ trợ chăn nuôi, đào tạo nghề và nước sạch ở nông thôn); đối tượng có nhu cầu vay vốn đa số là đồng bào DTTS ở vùng sau, vùng xa, dân trí hạn chế; việc bố trí nguồn vốn của một số chương trình cho vay tại một số thời điểm còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của nhân dân... nên ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn và dễ bị rủi ro khi gặp các điều kiện

khách quan không thuận lợi gây ra (đau ốm, hạn hán thiên tai,...) dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn vay. Tình trạng hộ vay vốn đi khỏi địa phương dẫn đến khó thu hồi vốn (ở các tỉnh miền Bắc Lào năm 2019, còn 473 hộ đi khỏi địa phương với số tiền 863 triệu kíp).

Kết quả giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào nguy cơ tái nghèo còn cao: giai đoạn 2011 - 2015 có 5.271 hộ tái nghèo và phát sinh nghèo, 3.721 hộ tái nghèo (chiếm 70,59% so với tổng số hộ tái nghèo và phát sinh nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào và chiếm 25,5% so với hộ thoát nghèo DTTS). Giai đoạn 2016 - 2020 có 2.127 hộ nghèo phát sinh mới; còn 22/64 huyện trong 8 tỉnh chưa đạt kết quả giảm nghèo so với kế hoạch đề ra (gồm: tỉnh Luông Pha Bang 4/12 huyện, tỉnh Xay Nhạ Bu Ly 2/11 huyện, tỉnh Xiêng Khoảng 2/7 huyện, tỉnh Hủa Phăn 4/10 huyện, tỉnh Phong Sa Ly 4/7 huyện, tỉnh U Đôm Xay 2/7 huyện, tỉnh Luông Năm Tha 2/5 huyện và tỉnh Bo Kẹo 2/5 huyện); tỷ lệ hộ nghèo các chiều thiếu hụt còn cao về y tế, nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin [118].

Bốn là, các cơ quan, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở một số địa phương chưa thực hiện tốt về việc phối hợp thực hiện công tác giảm nghèo.

Có một số nơi chính quyền địa phương chưa phối hợp tốt với Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các hội, đoàn thể trong việc quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra công tác giảm nghèo, điều tra xác định hộ nghèo, đánh giá tác động của chính sách giảm nghèo. Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn mới (giai đoạn 2016-2020) theo hướng tiếp cận đa chiều có nhiều điểm mới như: dựa trên đánh giá tài sản để ước lượng thu nhập của hộ gia đình và thu thập các thông tin, thực trạng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của các hộ gia đình như: nhà ở, y tế, giáo dục, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin còn một số địa phương triển khai thực hiện còn lúng túng, sai sót.

Năm là, công tác sơ kết, tổng kết, để đánh giá rút kinh nghiệm ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương ở cơ sở còn chưa được quan tâm.

Một số cơ quan thành viên BCD ở địa phương chưa quan tâm thực hiện đầy đủ việc sơ kết, tổng kết, để báo cáo định kỳ, đột xuất các chương trình, chính

sách tham gia Đề án giảm nghèo. Qua các đợt sơ kết, tổng kết hàng năm đã chỉ ra những tồn tại, những khó khăn vướng mắc ở cơ sở nhưng chậm được khắc phục như: chậm triển khai thực hiện các nội dung của chương trình giảm nghèo hàng năm, nhất là các nội hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo, các báo cáo chậm về thời gian, thiếu thông tin, nhận xét đánh giá không sát với kết quả thực tế; chưa chủ động hoặc lúng túng trong giải quyết các vấn đề nảy sinh hoặc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở mà chủ yếu đề xuất lên cấp trên giải quyết; UBND cấp huyện ở một số nơi chưa có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, chần chừ nhằm nâng cao trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của các thành viên BCD huyện và ban giảm nghèo xã hội; có một số địa phương, một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức việc giúp đỡ để hướng dẫn các hộ nghèo sản xuất, làm kinh doanh và nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả cho nên bộ phận hộ nghèo người DTTS, nhất là tại vùng sâu, vùng xa chưa mạnh dạn vay vốn; về công tác dạy nghề cho người nghèo còn thấp, chưa đạt được chỉ tiêu đề ra, hiệu quả chưa cao, chưa đánh giá được số lượng người nghèo học nghề cũng như có việc làm sau học nghề.

Sáu là, trong thể chế hoá, cụ thể hoá của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương còn thiếu sát hợp như quy định mức hỗ trợ các huyện, bản đặc biệt khó khăn, về hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất...chưa tương xứng với nhu cầu hỗ trợ thực tế. Bên cạnh đó đề ra hỗ trợ không thống nhất giữa các trương trình, dự án cùng triển khai trên một địa bàn gây khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện hỗ trợ như học sinh con hộ nghèo thuộc huyện, bản đặc biệt khó khăn có định mức hỗ trợ tiền ăn cao hơn định mức hỗ trợ học sinh con hộ nghèo khác...

Trong xây dựng kế hoạch triển khai xuống địa phương, nhiều chương trình, nhiều dự án cùng được triển khai nhưng văn bản hướng dẫn, quy định lồng ghép chưa kịp thời từ đó gây khó khăn, lúng túng cho các địa phương trong việc triển khai, thực hiện lồng ghép. Một số chương trình, dự án đã triển khai xuống địa phương nhưng bố trí kinh phí không kịp thời [121], nhỏ giọt, kéo dài ảnh

hưởng tới tiến độ triển khai ở các địa phương. Ở tỉnh U Đôm Xay có 172 bản đặc biệt khó khăn được giao vốn chậm 2 năm so với kế hoạch, 2 huyện chưa được giao vốn [8].

Bảy là, một số tỉnh miền Bắc Lào triển khai xây dựng nghị quyết, chương trình chưa kịp thời, chất lượng không cao, thiếu sâu sát trong chỉ đạo thực hiện.

Do quá phụ thuộc vào chỉ đạo của cấp trên nên một số cấp ủy đảng triển khai xây dựng nghị quyết thường chậm so với yêu cầu, đề ra một số chủ chương, biện pháp về hỗ trợ giảm nghèo chưa sát với thực tế cũng như xác định một số chủ chương, biện pháp về công tác tổ chức thực hiện giảm nghèo còn thiếu rõ ràng, cụ thể, tính hệ thống chưa cao, còn nhắc lại nghị quyết cấp trên...

Ở một số cấp ủy đảng “*thiếu cụ thể, chưa có chiều sâu*” [111] trong chỉ đạo thực hiện các chủ trương, biện pháp về công tác tổ chức và hỗ trợ giảm nghèo đối với các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân và cộng đồng từ đó làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện như xây ra những sai phạm, tham nhũng trong quản lý và sử dụng ngân sách, còn nhiều hộ nghèo thiếu đất sản xuất, một số mô hình sản xuất kém hiệu quả, nhu cầu hỗ trợ giáo dục, y tế của người nghèo chưa được đáp ứng đầy đủ, kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, có nhiều hộ tái nghèo...

3.2. CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Những ưu điểm

3.2.1.1. Thực hiện nội dung lãnh đạo

Lãnh đạo việc quán triệt và thực hiện các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chủ trương của Đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy về công tác giảm nghèo

Công tác giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của tỉnh ủy, ngay từ đầu nhiệm kỳ các Tỉnh ủy miền Bắc Lào đã xác định quan điểm, chủ trương về giảm nghèo và ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị

quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X và XI; chương trình phát triển KT-XH ở các tỉnh miền Bắc Lào, chương trình giảm nghèo của Chính phủ; các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ và các bộ, ngành liên quan về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, giảm nghèo thời kỳ đổi mới được Đảng bộ tỉnh triển khai sáng tạo, phù hợp với điều kiện KT-XH của địa phương, đem lại những kết quả đáng trân trọng.

Ngay sau ngày tái thành lập các tỉnh miền Bắc Lào, trong điều kiện bộn bề của một tỉnh mới, đi lên từ xuất phát điểm của nền kinh tế lạc hậu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, Đảng bộ các tỉnh đã chỉ đạo xây dựng quy hoạch phát triển tổng thể KT-XH của tỉnh trong từng giai đoạn để làm cơ sở xác định nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Quy hoạch tổng thể đó được bổ sung, điều chỉnh trong giai đoạn 2010 - 2020 và những năm tiếp theo được cụ thể qua các Đại hội Đảng bộ tỉnh đã có vai trò to lớn đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh trong những năm qua.

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của các tỉnh ở miền Bắc Lào, các tỉnh ủy đã giao cho các ban xây dựng Đảng, các cấp, các ngành, nhất là Ban cán sự Đảng nghiên cứu các văn kiện, nghị quyết vận dụng đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước vào hoàn cảnh thực tế của các tỉnh ở miền Bắc Lào để xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch công tác, thực hiện các nghị quyết của Trung ương về phát triển KT-XH của tỉnh.

Từ đặc thù của các tỉnh miền Bắc Lào là đi lên từ xuất phát điểm thấp, sau ngày tái thành lập của các tỉnh tỷ lệ hộ nghèo chiếm hơn 70%, kết cấu hạ tầng KT-XH hết sức lạc hậu, hệ thống chính trị ở cơ sở bộc lộ nhiều bất cập, yếu kém. Để các tỉnh ở miền Bắc Lào đi vào thế ổn định và phát triển, các tỉnh ủy miền Bắc Lào đã đề ra một số Nghị quyết về việc xây dựng các vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng kinh tế mới khó khăn, tập trung giúp huyện, nhất là những huyện khó khăn như: đường ô tô, điện, nước sạch... Trên cơ sở chỉ thị và nghị quyết đã ban hành các tỉnh ủy miền Bắc Lào đã phân công các sở, ban, ngành, các đoàn thể phối hợp với các tỉnh kết nghĩa xây dựng, giúp đỡ các huyện khó khăn; chỉ đạo các huyện cụ thể hóa nghị quyết và phân

công cơ quan, đơn vị của huyện xây dựng cụm bản và bản khó khăn. Qua hơn nhiều năm thực hiện đã tạo bước chuyển rõ nét trên tất cả các lĩnh vực.

Cùng với việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của các tỉnh, triển khai quyết định số 201/2012/QĐ-TTg ngày 14/1/2013 về tiêu chuẩn nghèo khổ và tiêu chuẩn phát triển thành kế hoạch, các tỉnh ủy đã giao Ban cán sự Đảng thực hiện cụ thể các chỉ đạo của Chính phủ về chương trình giảm nghèo thành các chương trình giảm nghèo các giai đoạn 2011 - 2015, 2016 -2020 và theo Chiến lược giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2020, những năm tiếp theo trên địa bàn các tỉnh để tập trung thực hiện.

Các tỉnh ủy xác định phương hướng công tác giảm nghèo tập trung đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp trên cơ sở đảm bảo an ninh về lương thực, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, xây dựng cơ cấu cây trồng và vật nuôi hợp lý, đạt hiệu quả kinh tế cao; nâng cao hệ số sử dụng đất, tổ chức sản xuất 2 vụ /năm, theo hướng đẩy mạnh thâm canh tăng năng xuất; tăng cường đầu tư tín dụng, hướng dẫn giúp đỡ người nghèo cách làm ăn, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay phục vụ giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; giúp đỡ người nghèo tiếp cận với các nguồn vốn để phát triển sản xuất, cùng với các chính sách xã hội khác như chính sách với người có công với nước, thương binh, gia đình già neo đơn...

Từ 2016 đến nay, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI của Đảng, Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào xác định tư tưởng chỉ đạo: phát huy tính năng động, sáng tạo, đoàn kết thống nhất của toàn Đảng bộ; huy động mọi nguồn lực xã hội, tranh thủ thời cơ, khai thác có hiệu lực tiềm năng, lợi thế để tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế gắn với xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh và hệ thống an sinh xã hội; nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân... Theo đó, các tỉnh ủy chủ trương gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, chú trọng đầu tư phát triển mạng lưới an sinh xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động; cải thiện mức sống các tầng lớp nhân dân, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, giảm các loại tai nạn và tệ

nạn xã hội...

Theo Báo cáo Chính trị của Đại hội các tỉnh ở miền Bắc Lào năm 2020, những năm gần đây kinh tế của các tỉnh liên tục phát triển với tốc độ cao, công tác giảm nghèo được đẩy mạnh, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; an ninh chính trị ổn định; hệ thống chính trị ở cơ sở được củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng các hoạt động; kết cấu hạ tầng KT-XH được đầu tư từng bước hoàn chỉnh... tạo ra những tiền đề quan trọng để các tỉnh miền Bắc Lào ổn định phát triển và sớm thoát nghèo.

Lãnh đạo các cấp ủy huyện trực thuộc tỉnh cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giảm nghèo và thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tất cả các huyện trực thuộc tỉnh đã cụ thể hoá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã chỉ đạo các cấp ủy huyện lãnh đạo giảm nghèo cho vùng nghèo, bản nghèo và hộ nghèo, ưu tiên nguồn lực cho các bản khó khăn nhất, có tỷ lệ nghèo cao và thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu.

Các nghị quyết của tỉnh ủy về phát triển kinh tế, giảm nghèo được quán triệt sâu rộng trong các cấp ủy huyện và được tỉnh ủy chỉ đạo sát sao. Vì vậy, đã tạo được sự thống nhất triển khai từ tỉnh đến cơ sở, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh.

Một số chính sách, dự án đã được kế hoạch hóa từ cấp sở đến cấp huyện theo cơ chế linh hoạt và theo nguyên tắc Nhà nước, cộng đồng và người dân cùng tham gia thực hiện tạo nhiều mô hình mới, cách làm hay và sáng tạo. Nhiều địa phương đã bố trí thêm ngân sách địa phương, huy động nguồn lực tại chỗ, trong dân, từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm để thực hiện chương trình giảm nghèo.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy và các cấp ủy huyện, tổ chức bộ máy làm công tác giảm nghèo ở các cấp được nâng cao và kiện toàn, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, giải pháp của chương trình đã đề ra. Ban hành quy chế hoạt động sát, đúng, theo từng lĩnh vực của các ban, ngành, các cấp theo hướng cơ quan

thường trực và cơ quan chuyên ngành có “đủ thẩm quyền, đủ năng lực và điều kiện” để triển khai, thực hiện chương trình.

Những chính sách trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể các cấp trong tỉnh triển khai chương trình giảm nghèo; đồng thời tạo ra cơ hội cho người nghèo vươn lên thoát nghèo, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng, phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh trong những năm qua.

Lãnh đạo chính quyền và các sở, ban, ngành trong tỉnh thực hiện công tác giảm nghèo

Chính quyền là nơi cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo. Với sự vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh ủy, chính quyền các tỉnh ở miền Bắc Lào đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh giai đoạn 2016 đến 2020 và những năm tiếp theo. Chính quyền tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo theo các phương án hỗ trợ: y tế, giáo dục, nhà ở, cho các hộ nghèo, vay tín dụng ưu đãi, hỗ trợ sản xuất...

Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền các cấp trong tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, Chỉ thị số 097 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; Nghị định số 348 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển; các Nghị quyết Đại hội các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào (2015) và các Chỉ thị của Chủ tịch tỉnh ở miền Bắc về tăng cường lãnh đạo định canh, định cư cho nhân dân để giảm nghèo.

Cùng với việc lãnh đạo chính quyền, các tỉnh ủy còn trực tiếp lãnh đạo các sở, ban, ngành, các hội tích cực thực hiện công tác giảm nghèo.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, Sở lao động và phúc lợi xã hội các tỉnh ở miền Bắc Lào từ năm 2016 đến 2020 đã quan tâm đến đào tạo nghề nghiệp và tìm công ăn việc làm nhất là người thất nghiệp thi tốt nghiệp trường trung học đi đào tạo nghề, tìm việc làm cho người dân ở các tỉnh miền Bắc Lào và xuất khẩu 42% người lao động sang Malaixia, Thái Lan và các nước khác. Chính sách đối

với gia đình có công với cách mạng được thực hiện rộng khắp các tỉnh ở miền Bắc Lào, chính sách phối hợp vốn xây nhà cho cán bộ về hưu đạt 62,35%. Ngoài đó, còn phối hợp với xây nhà cho cán bộ bị tàn tật đạt 72,48%, thực hiện chương trình 272 và 241 của Chính phủ về đền ơn đáp nghĩa, người có công với cách mạng đạt 69%, thực hiện Quyết định 0947 của Bộ lao động và phúc lợi xã hội về cơ cấu chuẩn kỹ năng quốc gia cũng như sổ tay xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng quốc gia đào tạo tay nghề đạt 64%, thực hiện chương trình quản lý lao động Lào và lao động nước ngoài đạt 89%; Thực hiện công trình phòng chống thiên tai và hỗ trợ gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra đạt 89,12%; thực hiện chương trình xóa bỏ và hạn chế người nghiện ma túy, thuốc phiện đạt 66,77%. Các hoạt động xã hội như nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ đã được quan tâm thực hiện kịp thời. Cùng với đó Hội chữ thập đỏ các tỉnh ở miền Bắc Lào đã đóng góp cho nhân dân nghèo khổ, cô đơn, gia đình bị thiên tai trong 5 năm qua đạt 1,274 tỷ kíp, cho 16.825 hộ (736 bản), hỗ trợ cho công trình nước sạch 173 bản (14 huyện) trị giá 7.730.850 kíp [102].

Lãnh đạo Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương tích cực tham gia làm công tác giảm nghèo trên địa bàn

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào “không để người dân phải chịu đói, chịu rét”, văn phòng Mặt trận Lào xây dựng đất nước các tỉnh đã tổ chức cùng các ban, ngành, các đoàn thể vận động gây quỹ xây dựng nhà đại đoàn kết, xóa nhà tạm, dột nát trên địa bàn với nhiều hình thức phong phú. Trong giai đoạn 2016 - 2020, các tỉnh ở miền Bắc Lào đã huy động 13,97 tỷ kíp để cất mới 2.752 căn nhà đại đoàn kết. Trong đó gia đình, dòng tộc của các hộ nghèo góp vốn đối ứng 969 triệu kíp. Cách làm này tạo ra cho các hộ nghèo trong các tỉnh có tinh thần, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Nhiều mô hình hỗ trợ hiệu quả xuất hiện như: tổ sản xuất khung nhà tình thương, tổ góp vốn dựng nhà kiên cố... Với cách làm sáng tạo cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” đã đem lại hiệu quả to lớn, không chỉ giúp người nghèo an cư mà còn giúp cho họ lạc nghiệp thông qua những giải pháp thiết thực về vốn, đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Cuộc sống của nhân dân ngày càng được cải thiện

là tiền đề để Mặt trận Lào xây dựng đất nước các tỉnh ở miền Bắc Lào đẩy mạnh triển khai thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Thực hiện chủ trương, chính sách của đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào, văn phòng Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các thành viên như: Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên tham gia thực hiện có hiệu quả các chính sách, dự án thuộc chương trình được giao, tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào “Giúp người nghèo”, tập trung thực hiện tốt cuộc vận động “Giúp người nghèo”; xây dựng mạng lưới tổ “tiết kiệm - tín dụng”, “tổ tương trợ”, xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả [71].

3.2.1.2. Thực hiện phương thức lãnh đạo

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã ban hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị hành động đúng đắn về công tác giảm nghèo để toàn Đảng bộ thực hiện theo quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh

Sau nhiều năm đổi mới, KT-XH ở các tỉnh miền Bắc Lào đã đạt được những thành tựu quan trọng: giữ vững ổn định chính trị, kinh tế liên tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được tăng lên. Tuy nhiên trước bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đòi hỏi mỗi địa phương phải xác định được hướng đi riêng nhằm tạo bước đột phá trong phát triển KT-XH để vươn lên hòa nhịp cùng cả nước, khu vực và thế giới. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, tại kỳ họp thứ 8 khóa X Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào đã triển khai và thông qua có 4 nhiệm vụ trọng tâm phát triển KT-XH đến năm 2020 của các tỉnh, bao gồm: *Đột phá về tư duy, thay đổi tính lười biếng, cực đoan; đột phá về xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của công việc; đột phá về thủ tục hành chính cản trở kinh doanh và đột phá về giảm nghèo trong tỉnh.* Đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống KT-XH, 4 nhiệm vụ trọng tâm này đã tạo ra những động lực

mới cho phát triển KT-XH ở các tỉnh miền Bắc Lào trong thời kỳ mới.

Căn cứ vào đặc điểm riêng của các tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các tỉnh miền Bắc Lào (2020) đã chia tỉnh của mình theo đặc điểm, để từ đó Tỉnh ủy ra Nghị quyết về phát triển KT-XH của từng vùng. Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào về những giải pháp chủ yếu phát triển KT-XH hội theo các tỉnh đã phân chia thành vùng, miền, trong thời gian qua các tỉnh ở miền Bắc Lào đã đạt được những thành tựu đáng kể: tốc độ tăng cường bình quân đạt 7,5%/năm, tổng sản phẩm của các tỉnh năm 2020 tăng gần 2 lần so với năm 2015, sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp đạt được những kết quả bước đầu, tạo ra nhiều mô hình sản xuất hiệu quả; năng lực ngành y tế và giáo dục - đào tạo tăng nhanh, tỷ lệ hộ nghèo giảm. Qua đó cho thấy hiệu quả các nghị quyết của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã góp phần vào thành công của công tác giảm nghèo.

Các tỉnh ủy đã quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội và nhân dân hăng hái tham gia giảm nghèo:

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các lực lượng xã hội và nhân dân hăng hái tham gia hoạt động giảm nghèo theo tinh thần: “Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng NDCM Lào, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo đa chiều cho bên vững đến các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân...” [72]; các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể chính trị các cấp đã phát huy vai trò lãnh đạo, tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân như: thực hiện truyền thông về giảm nghèo bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú. Thực hiện quan điểm đó, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào coi trọng công tác tuyên truyền cổ động cho công tác giảm nghèo các cấp. Thông qua Ban Tuyên huấn (Ban tuyên giáo), tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, truyền hình...) tiến hành các hoạt động truyền thông về công tác giảm nghèo, tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của đội ngũ cán bộ, hoạt động trên các lĩnh vực trong công tác giảm nghèo. Đã phát hành

trên 32.000 tờ rơi tuyên truyền giới thiệu chương trình mục tiêu giảm nghèo; các chính sách, dự án hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, người nghèo, người thuộc diện cận nghèo; phối hợp với báo, các tạp chí và đài phát thanh truyền hình... về mô hình giảm nghèo, gương phấn đấu vươn lên của hộ nghèo, người nghèo... các kỳ báo được phát cho các lãnh đạo ngành là thành viên ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp trong tỉnh.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã lãnh đạo xây dựng BCD và đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Nhờ đó, đã thành lập hệ thống bộ máy quản lý, điều hành các cấp và xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo:

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Trung ương, đảng ủy và chính quyền các tỉnh ở miền Bắc Lào đã xây dựng chương trình cụ thể, sát thực để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo. Cụ thể là củng cố, kiện toàn BCD công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là ở cơ sở. Các tỉnh và các huyện đã thành lập tổ chuyên viên chuyên trách về công tác giảm nghèo; các cụm bản phải có cán bộ giúp việc cho BCD và cho các hộ nghèo. Quy định rõ ràng tiêu chuẩn cán bộ làm công việc đặc biệt này để có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Riêng ở những cụm bản có đông đồng bào DTTS, cán bộ phải là người dân tộc hoặc phải thông thạo tiếng dân tộc nhất là dân tộc Akha, Hơ mông, Phây...

Các nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào về phát triển kinh tế, giảm nghèo được quán triệt sâu rộng trong cấp ủy đảng và được Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy huyện, xây dựng, cụ thể hóa nghị quyết vào địa phương, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện. Các địa phương đều tiến hành xây dựng chương trình mục tiêu giảm nghèo; cấp ủy đảng và chính quyền địa phương tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn, bố trí cán bộ chuyên trách kiêm nhiệm, cấp huyện có sự phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện cụ thể, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong việc tham gia, kiểm tra thực hiện chương trình. Vì thế, đã tạo ra sự thống nhất triển khai từ tỉnh đến cơ sở, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng bộ các

tỉnh ở miền Bắc Lào.

Năng lực và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường. Hiệu quả lãnh đạo, điều hành bộ máy Đảng và Nhà nước, đoàn thể các cấp được nâng lên. Các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo đảng viên thực hiện nghiêm những điều đảng viên không được làm và giữ mối liên hệ đảng viên nơi cư trú, góp phần nâng cao trách nhiệm của cán bộ đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ của cấp ủy giao và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

Một số chính sách, dự án được kế hoạch hóa từ cấp huyện đến cơ sở theo cơ chế linh hoạt và theo nguyên tắc Nhà nước, cộng đồng và người dân cùng tham gia thực hiện tạo được nhiều mô hình mới, cách làm hay và sáng tạo. Nhiều địa phương đã bố trí thêm ngân sách địa phương, huy động nguồn lực tại chỗ, trong dân, từ các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm để thực hiện chương trình giảm nghèo.

Cùng với việc chú trọng xây dựng, nâng cao chất lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào rất quan tâm. Các tỉnh ủy đã ra các nghị quyết về phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực và chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền quan tâm xây dựng và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo như: trung tâm dạy nghề; các trường dạy nghề, các trường cao đẳng...Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, hàng năm các tỉnh ở miền Bắc Lào đã bố trí ngân sách cho cơ quan thường trực BCD chương trình phối hợp với các ngành tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về công tác giảm nghèo. Chính từ việc thực hiện hiệu quả những nghị quyết, chủ trương trên của các tỉnh ủy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ngày càng được củng cố, kiện toàn đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển trong điều kiện mới; nguồn nhân lực từng bước được cải thiện, đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo tại cơ sở không ngừng được củng cố, đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo của các tỉnh.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã lãnh đạo công tác giảm nghèo ở tỉnh

thông qua phát huy tốt vai trò của chính quyền các cấp trong quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo:

Ban chỉ đạo các trương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp đã triển khai bài bản, hoạt động có hiệu quả, kịp thời nắm bắt tình hình để chỉ đạo, đôn đốc, đề xuất các giải pháp trong quá trình thực hiện các nội dung, hoạt động của từng chương trình mục tiêu quốc gia. Đã xây dựng một số Đề án, chương trình, chính sách nhằm phát huy thế mạnh của địa phương, tạo chuyển biến trong phát triển KT-XH gắn với giảm nghèo; cân đối nguồn lực ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển các huyện nghèo, bản nghèo. Đồng thời thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, chương trình phát triển nông thôn và các chương trình, dự án giảm nghèo với phát triển KT-XH theo các tỉnh ở miền Bắc Lào trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng. Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào cũng đã tổ chức thực hiện Chỉ thị số 097/BCHTW về tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân và Nghị định số 348/NĐ-TTg về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển, theo báo cáo chính trị theo Đại hội Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào năm 2020, đánh giá: “Đời sống người có công, người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội ngày càng được cải thiện. Nhà ở, đất ở, đất sản xuất của nhân dân phần lớn được đảm bảo. Tỷ lệ hộ nghèo các tỉnh ở miền Bắc Lào giảm mạnh từ 67.271% năm 2015 xuống còn 47.493% năm 2020...” [102]. Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào cũng đã đánh giá “Các cấp, các ngành đã tổ chức quán triệt và tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra đạt được nhiều kết quả nhất định...” [72].

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào luôn chú trọng kiểm tra các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên thuộc đảng bộ trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo ở địa phương:

Trên cơ sở chương trình kiểm tra toàn khóa của Đảng bộ tỉnh, hằng năm tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, chỉ đạo cho ủy ban kiểm tra và các cấp ủy trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra. Công tác kiểm tra các nghị quyết về phát triển kinh tế, giảm nghèo đã được tỉnh ủy và các cấp ủy coi trọng,

triển khai thực hiện trong suốt quá trình lãnh đạo, đã kịp thời chấn chỉnh những bất cập, tháo gỡ những khó khăn từ cơ sở, đồng thời giải quyết kịp thời những đề xuất, kiến nghị từ cơ sở. Cùng với kiểm tra; công tác sơ kết, tổng kết rút ra những kinh nghiệm, những mô hình tốt, cách làm hay để nhân rộng trong lãnh đạo thực hiện phát triển kinh tế, giảm nghèo đã được các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào và các cấp ủy coi trọng. Trong suốt quá trình lãnh đạo, qua từng thời gian, từng giai đoạn thực hiện chương trình, các tỉnh ủy đã chỉ đạo sơ kết, tổng kết từ cơ sở đến cấp tỉnh. Điều này đã góp phần làm cho kinh nghiệm lãnh đạo về phát triển kinh tế, giảm nghèo của các cấp ủy, đội ngũ cán bộ ngày càng phong phú; nhiều mô hình tốt, cách làm hay được nhân rộng làm cho hiệu quả của chương trình được nâng lên.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, UBND các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức mỗi tỉnh hơn 100 lượt kiểm tra Đề án nâng cao chất lượng và đẩy nhanh công tác giảm nghèo ở các tỉnh đến năm 2020, đánh giá chương trình giảm nghèo tại các huyện, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn 64 huyện (8 tỉnh miền Bắc Lào) [117], UBND các huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá các bản trên địa bàn theo định kỳ hàng năm. Qua đó đã kịp thời chỉ đạo, chấn chỉnh những sai sót, khắc phục tồn tại hạn chế trong thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo ở cơ sở.

Với trách nhiệm là người lãnh đạo về công tác giảm nghèo, các tỉnh ủy miền Bắc Lào đã ban hành các chủ trương, chính sách phụ vụ cho chỉ đạo công tác giảm nghèo. Nội dung các văn bản của các tỉnh ủy đã chỉ ra ba vấn đề: Tiến hành khảo sát thực tế, đánh giá chính xác thực trạng nghèo đói của từng hộ, từng bản và nguyên nhân, chỉ đạo làm điểm theo từng vùng sinh thái để rút kinh nghiệm; từng năm, có sơ kết bổ sung, điều chỉnh chủ trương và kế hoạch thực hiện các chương trình để giảm nghèo.

3.2.2. Hạn chế, khuyết điểm

3.2.2.1. Về nội dung lãnh đạo

Một là, việc ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác giảm nghèo và

xây dựng đề án giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào có lúc, cơ sở chưa được kịp thời, đầy đủ ngay từ đầu nhiệm kỳ. Trong nhiệm kỳ 2011 - 2015, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào chưa xây dựng được nghị quyết chuyên đề về công tác giảm nghèo của tỉnh theo nhiệm kỳ vì Chính phủ chậm ban hành chủ trương về thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo Quốc gia [76] cho nên UBND tỉnh chậm xây dựng và ban hành, cụ thể: Giai đoạn 2011 - 2015, đến tháng 11/2012 các tỉnh mới phê duyệt “Đề án nâng cao chất lượng và đẩy mạnh công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đến năm 2015”; giai đoạn 2016 - 2020, đến tháng 6/2018 UBND các tỉnh ở miền Bắc Lào mới phê duyệt “Đề án phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân” [117]. Một số cơ chế, chính sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo còn vướng mắc do Trung ương chậm hướng dẫn, nguồn lực Trung ương phân bổ chậm, chưa đáp ứng nhu cầu các đề án, chính sách đã ban hành.

Hai là, một số cấp ủy, ngành ở địa phương, thành viên BCD chương trình mục tiêu quốc gia các cấp chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo; huy động nguồn lực còn hạn chế. Trong quá trình lãnh đạo các sở, ban, ngành, địa phương, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào còn bộc lộ những hạn chế nhất định, chưa lập được kế hoạch tổng thể trong việc thực hiện giảm nghèo. Tầm nhìn một số quy hoạch, Đề án còn hạn chế; quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ. Huy động vốn đầu tư xã hội còn thấp, làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh (Phụ lục 9). Trình độ cán bộ, công chức không đồng đều, nhất là ở cấp huyện, nên việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, Đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội còn hạn chế. Một số chức năng, nhiệm vụ trùng lặp, chồng chéo chưa được giải quyết triệt để; một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện hết thẩm quyền được giao, còn đùn đẩy trách nhiệm; tổ chức các BCD, hội đồng tư vấn còn nhiều bất cập đa phần ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý (Phụ lục 10). Công tác tuyên truyền giáo dục, vận động người dân chuyển biến nhận thức về phát triển kinh tế, thực hiện giảm nghèo còn hạn chế, một bộ phận hộ nghèo còn thụ động, trông chờ ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, cộng đồng, thiếu phần

đầu vươn lên thoát nghèo. Đội ngũ cán bộ chưa phát huy hết vai trò tích cực của mình trong công tác giảm nghèo, mặc dù đã có chính sách ưu đãi và có mức phụ cấp cho cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhưng vẫn không mang lại hiệu quả cao trong công tác. Điều này một phần là do đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo thiếu năng lực, thiếu nhiệt tình trong công tác. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo, các tỉnh ủy chưa quyết liệt trong việc chỉ đạo cho chính quyền đẩy mạnh tốc độ giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho các hộ nghèo. Qua đó, trong quá trình thực hiện chương trình giảm nghèo của tỉnh chưa tạo ra được sự đột phá, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa cho vay vốn tín dụng ưu đãi với hoạt động khuyến nông và các hoạt động phát triển kinh tế khác để các hộ vươn lên thoát nghèo.

Trong công tác chỉ đạo điều hành, các cấp chính quyền, chưa nhận thức đầy đủ tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của công tác giảm nghèo trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, có biểu hiện chủ quan; chưa thực sự tập trung trong chỉ đạo, thiếu đôn đốc kiểm tra; tổ chức điều hành chương trình ở cơ sở đôi lúc còn lúng túng; sự phối kết hợp của các thành viên trong BCD có lúc chưa được thường xuyên, chế độ thông tin, báo cáo còn chậm, không đầy đủ; rà soát đánh giá biến động hộ nghèo chưa phản ánh đúng thực trạng. Một số địa phương còn nặng về thành tích, xác định đối tượng hộ nghèo, hay hộ thoát nghèo thiếu chính xác, thiếu dân chủ; nhiều đối tượng thuộc diện hộ nghèo bị bỏ sót hoặc có đối tượng lẽ ra không thuộc diện nghèo nhưng lại được hưởng chính sách hỗ trợ.

Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác giảm nghèo thiếu ổn định; tổ chức điều hành chương trình ở cơ sở đôi lúc còn lung túng, chậm đổi mới; sự phối kết hợp của các thành viên trong BCD có lúc chưa được thường xuyên, chế độ thông tin, báo cáo còn chậm, không đầy đủ, thường liệt kê số liệu, chưa có sự phân tích đánh giá. Cán bộ cấp cơ sở bản, cụm bản tuy được tập huấn hướng dẫn nhưng còn nhiều hạn chế, nhất là việc nắm bắt các chủ trương, chính sách trợ giúp người nghèo; kỹ năng cơ bản trong tổ chức thực hiện tại cơ sở. Một số địa phương không nắm được quy trình rà soát hộ nghèo hàng năm,

dẫn đến việc rà soát xác định đối tượng hộ nghèo, hay thoát nghèo thiếu chính xác, thiếu dân chủ.

Trong lãnh đạo còn tình trạng buông lỏng việc kiểm tra, xác định trách nhiệm đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể. Do đó, các cấp, các ngành, các tổ chức coi đó không phải là nhiệm vụ chính của mình nên chưa phát huy được hết vai trò, chức năng của các ngành, các cấp. Hoạt động kiểm tra, đánh giá thực hiện chương trình nhiều địa phương, đơn vị còn lung túng trong việc xây dựng khung kiểm tra, đánh giá, nội dung kiểm tra, đánh giá, kinh phí kiểm tra, đánh giá. Công tác thanh tra, có lúc thiếu quan tâm xem xét vấn đề một cách toàn diện, công tác kiểm tra trong Đảng chưa thường xuyên nên chưa kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong quá trình thực hiện công tác giảm nghèo từ việc kiểm tra nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở và cụ thể hóa của chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể trong hệ thống chính trị.

Công tác nhân rộng điển hình tiên tiến trong giảm nghèo thiếu thường xuyên và ít được quan tâm. Chính vì vậy khi đưa các mô hình thí điểm có hiệu quả vào nhân rộng thì hiệu quả lại không cao. Bên cạnh đó, các chuyên mục trên Đài phát thanh - truyền hình chưa thu hút được người nghèo quan tâm, hoặc các hộ nghèo ở vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng. Những hạn chế này ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, đối với công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào trong những năm qua.

Ba là, công tác phối hợp giữa Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức đoàn thể chính trị với chính quyền ở cơ sở về thực hiện công tác giảm nghèo có lúc, có nơi chưa thực hiện tốt. Ở một số địa phương chưa quan tâm phối hợp để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, động viên, khuyến khích hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu và kém hiệu quả, áp dụng khoa học vào kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, thâm canh tăng năng suất, xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, vận động người dân tham gia học nghề... nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa

vùng đặc biệt khó khăn và vùng có nhiều DTTS, sản xuất còn lạc hậu, đời sống vẫn còn rất nhiều khó khăn, tỷ lệ nghèo cao, dễ phát sinh tái nghèo khi gặp rủi ro, thiên tai, tâm lý trông chờ ỷ lại còn nặng nề.

Bốn là, công tác sơ kết, tổng kết được quan tâm chỉ đạo nhưng có một số sở, ngành, địa phương cấp huyện, cụm bản (nhất là cụm bản) chưa được chú trọng thực hiện để kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm và xử lý những khó khăn vướng mắc ở cơ sở; việc chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo chưa được đầy đủ, chậm thời gian; chất lượng báo cáo chưa đảm bảo, thiếu thông tin, nhận xét đánh giá chưa toàn diện.

3.2.2.2. Về phương thức lãnh đạo

Một là, việc xây dựng, ban hành một số chủ trương, chính sách đặc thù để nhằm phát huy thế mạnh của địa phương thực hiện mục tiêu giảm nghèo còn chậm và có một số mặt còn hạn chế. Trong một số hệ thống các chương trình, dự án, chính sách của một số Đề án giảm nghèo chưa thực sự đồng bộ, vẫn còn chồng chéo trong xây dựng và thực hiện chính sách, nguồn lực chưa đáp ứng được nhu cầu trong thực tế ở địa phương. Trong nhiệm kỳ 2016 -2020, bên cạnh việc ban hành được nghị quyết chuyên đề về giảm nghèo; trong việc tham mưu xây dựng và ban hành các chủ trương, các Đề án, các chính sách hướng vào mục tiêu giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào chậm được đổi mới, chưa phát huy được thế mạnh sẵn có của các địa phương như: đất rừng, tài nguyên rừng, phát triển được liệu dưới tán rừng..., chưa tạo được đột phá trong công tác giảm nghèo; một số chủ trương, chính sách đặc thù của một số địa phương được ban hành vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều bất cập như: Đề án chè, mía và cao su hiện nay người dân không thể phát triển diện tích do giá thấp; chính sách cho 22 huyện nghèo các tỉnh miền Bắc Lào hiện đã kết thúc, hỗ trợ lãi suất 0,2% cho hộ nghèo vay vốn đã có một số tỉnh (Luông Pha Bang, Hua Phăn, Phong Sa Ly và Luông Năm Tha), đã kết thúc do chưa tạo được động lực cho hộ nghèo vươn lên; các chính sách đặc thù nhằm phát huy tiềm lực, thế mạnh của các địa

phương ở các tỉnh miền Bắc Lào để phát triển KT-XH gắn với mục tiêu giảm nghèo như: đầu tư, phát triển được liệu dưới tán rừng; giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ kết hợp với kinh doanh, sản xuất; đến nay mới triển khai các bước đầu như: xây dựng và ban hành chủ trương, hình thành các Đề án, phương án, bộ máy quản lý, kiểu gộp nhà đầu tư, quảng bá sản phẩm, các sản phẩm được liệu dưới tán rừng chủ yếu ở dạng thô chưa qua chế biến...vì vậy, vẫn chưa lan toả mạnh mẽ trong nhân dân.

Trong hệ thống các chương trình, dự án, chính sách của Đề án giảm nghèo chưa thật sự đồng bộ, còn chồng chéo trong xây dựng và thực hiện chính sách (với đối tượng, nội dung, địa bàn và quả lý điều phối), cơ chế chính sách còn thiếu đổi mới mang tính đột phá, chưa có sự tích hợp lồng ghép các chính sách có cùng mục tiêu dẫn đến nguồn lực phân bổ bị phân tán như: Chương trình xây dựng phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; chương trình phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; chương trình xây dựng bản thành đơn vị phát triển, xây dựng bản lớn thành thị trấn ở nông thôn, tuy nhiên mỗi chương trình giao một cơ quan khác nhau để quản lý thực hiện, có dự án giao cho cấp tỉnh, có dự án giao cho cấp huyện thực hiện nguồn lực bị phân tán, khó lồng ghép, chồng chéo chức năng nhiệm vụ, các chính sách hỗ trợ về đất sản xuất, nhà ở, đất ở, nước sạch để sinh hoạt được thực hiện theo các cơ chế khác nhau; các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động phân cấp cho nhiều ngành, phần lớn là ở cấp tỉnh thực hiện; các chính sách vay vốn định mức còn thấp (bình quân 10 triệu kíp/ hộ trong giai đoạn 5 năm); các chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế chưa đáp ứng được nhu cầu do chỉ hỗ trợ cho các đối tượng ở cụm bản, bản đặc biệt khó khăn (đồng bào DTTS ở các cụm bản, bản không thuộc diện đặc biệt khó khăn thì không thuộc về phạm vi hỗ trợ). Các nguồn lực của chương trình, chính sách thuộc Đề án giảm nghèo của các tỉnh miền Bắc Lào chưa đáp ứng, chủ yếu được thực hiện trên cơ sở chủ trương, chính sách do Chính phủ ban hành và nguồn lực bố trí từ

ngân sách Trung ương với định mức thấp, không đủ theo Đề án được duyệt, chậm được phân bổ, một số chính sách manh mún, khó lồng ghép tro nên hiệu quả không cao như: Chương trình xây dựng phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; chương trình phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; chương trình xây dựng bản thành đơn vị phát triển, xây dựng bản lớn thành thị trấn ở nông thôn và các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo như: cây con giống, đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sạch để sinh hoạt, đào tạo nghề...

Hai là, các cấp ủy, chính quyền còn một số nơi chưa quan tâm đúng mức đến công tác quán triệt, tuyên truyền về giảm nghèo, còn chậm đổi mới nội dung, phương thức nhằm nâng cao công tác tuyên truyền về các chính sách, định hướng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; về việc thông tin, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, có kinh nghiệm hay, có cách làm mới trong xây dựng phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân chưa được quan tâm thường xuyên.

Trong thực hiện quy chế phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức hội, các đoàn thể ở một số nơi chưa được tốt, nhất là trong công tác kiểm tra các chương trình, chính sách, tuyên truyền vận động, định hướng cụ thể cho người nghèo trong sản xuất, học tập mô hình sản xuất có hiệu quả, học nghề, tăng năng suất lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập, không thể trông chờ ỷ lại... Để người dân có cuộc sống ổn định, giảm nghèo có hiệu quả và bền vững.

Ba là, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền một số tỉnh và một số nơi chưa có biện pháp chỉ đạo quyết liệt về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh của mình. Các cấp ủy, các tổ chức đảng, chính quyền trong một số nơi, một số địa phương ở cơ sở chưa thực sự vào cuộc để chỉ đạo quyết liệt, lồng ghép triển khai thực hiện các chương trình, về chính sách giảm nghèo tại địa bàn quản lý. Có một số địa phương chưa đạt được mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo theo kế hoạch, lộ trình hàng năm; kết quả giảm nghèo có nhiều tỉnh chưa thực sự bền

vững và nguy cơ tái nghèo vẫn còn cao; có một số tỉnh chưa có giải pháp nhân rộng, phát huy các mô hình có hiệu quả, đề thiết thực giúp người dân thoát nghèo bền vững; bên cạnh đó sự chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các tỉnh và các vùng chậm được thu hẹp. Trong việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách an ninh xã hội và cứu trợ nhân dân còn có lúc, có nơi chưa kịp thời, còn có nhiều sai sót.

Công tác quản lý điều hành và tổ chức thực hiện các Đề án về giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào còn có những hạn chế và những khó khăn nhất định. Trong BCD các chương trình mục tiêu quốc gia các tỉnh ở miền Bắc Lào có hơn 287 thành viên của hầu hết các sở, ban ngành có liên quan của tỉnh và huyện tham gia gồm: 8 Trường ban là lãnh đạo UBND tỉnh (8 tỉnh ở miền Bắc Lào), có 215 Ủy viên trực thuộc các sở, ban, ngành; hội đoàn thể của 8 tỉnh và 64 ủy viên là chủ tịch UBND cấp huyện. (Tóm lại mỗi tỉnh có khoảng 33-35 thành viên) Vậy, rất khó khăn trong quản lý, điều hành, phân công nhiệm vụ gắn với trách nhiệm cụ thể của từng thành viên, làm tăng thời gian, chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra vì do số liệu thống kê báo cáo của thành viên không thống nhất giữa các ngành, các cấp [119]. BCD các cấp chưa đánh giá hoạt động hàng năm của từng thành viên BCD; chưa tổng hợp đầy đủ nguồn lực đầu tư tại các địa phương, trong việc công tác theo dõi xác định nguyên nhân gây nghèo của nhân dân còn chung chung, còn chưa phân loại được nhóm hộ nghèo theo từng nguyên nhân để tham mưu thực hiện giải pháp chính sách giảm nghèo cho phù hợp với từng địa phương. Theo các chương trình mục tiêu quốc gia, thì mỗi chương trình đều có các tiểu dự án thành phần như: xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, để nâng cao năng lực...; trong các chương trình, dự án đều triển khai trên các địa bàn vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi có DTTS sinh sống. Tuy nhiên, mỗi chương trình, dự án đã giao cho các cơ quan, các đơn vị khác nhau làm đầu mỗi quản lý, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện; trong việc phân cấp cho một số địa phương chưa đầy mạnh về giao cho cụm bản thực hiện, có một số dự án thì cấp tỉnh thực hiện, có dự án thì giao cho cấp huyện thực hiện...vì vậy, dẫn đến sự không

thống nhất, chông chéo về chức năng và nhiệm vụ của thành viên làm công tác giảm nghèo.

Bốn là, công tác kiểm tra về công tác giảm nghèo của một số tỉnh và một số cấp ủy, chính quyền ở cơ sở chưa được toàn diện. Vì do địa bàn rộng, các dân cư sinh sống rải rác, đường đi lại khó khăn, nên công tác kiểm tra, chưa toàn diện, chưa sâu sát hết được các địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi; công tác kiểm tra, đôn đốc và xử lý sai phạm có lúc chưa kịp thời. Có một số thành viên trong BCD chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh, cấp huyện nhất là cụm bản chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, sự phối hợp để kiểm tra (không tham gia đầy đủ các đợt kiểm tra theo quy chế). Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc kiểm tra vẫn còn chông chéo, trong một năm thì địa phương phải làm việc với nhiều đoàn, nhiều cuộc kiểm tra gây nhiều phiền phức, tốn kém nhiều thời gian, ảnh hưởng đến chuyên môn khác của địa phương.

Năm là, đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở vẫn còn có những hạn chế và bất cập. Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện và cụm bản nhất là cụm bản chưa được đào tạo bài bản, kỹ năng tuyên truyền vẫn còn hạn chế, về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm chưa đáp ứng, đặc biệt là các cụm bản vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi có DTTS còn nghèo. Về chức năng, nhiệm vụ của cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cụm bản còn chông chéo, cùng một lúc phải làm nhiều nhiệm vụ cho nên khó khăn trong quá trình hoạt động ở cơ sở; còn chế độ chính sách cho cán bộ làm công tác giảm nghèo chưa đáp ứng trong khi đó chủ yếu hoạt động tại địa bàn bản ở vùng sâu, vùng xa và vùng núi đường đi lại khó khăn.

3.2.2.3. Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo còn chưa bền vững

Một là, việc thực hiện giảm nghèo chủ yếu tập trung ở hộ gia đình.

Hướng tác động chủ yếu đến hộ có ưu điểm là nắm bắt rõ thực trạng, nguyên nhân và hướng thoát nghèo cho từng gia đình. Đồng thời nói trung, nhiều hộ thoát nghèo thì địa phương đó khá hơn lên. Nhưng trong thực tế, nhiều vấn đề rất quan trọng của công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đó là phạm vi. Ví dụ, muốn hộ mạnh dạn vay vốn thì cần mở thêm ngành nghề xây dựng kết cấu hạ tầng, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm,

chống hạn, chống lụt... Những điều kiện chung đã nêu nằm ngoài: phạm vi hộ chưa từng bước triển khai một cách đồng bộ.

Hai là, chưa lồng ghép hợp lý các chương trình dự án liên quan đến giảm nghèo trên từng địa bàn dân cư ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Việc huy động nhiều kênh, nhiều nguồn lực để giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào là cần thiết. Nhóm nguồn lực điều hành chỉ dừng lại ở phần ngân sách và một số ở ngân hàng phục vụ người nghèo. Còn lại là do cộng đồng và hỗ trợ đến từ bên ngoài. Trong nguồn lực, có những khoản đầu tư và cách làm phụ thuộc vào chủ nguồn vốn như vốn theo chương trình, dự án... Trong hoạt động của BCD chương trình, quan hệ giữa 4 nội dung: chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và lợi ích chưa thoả đáng. Lâu nay, chức năng nhiệm vụ được quy định ngày càng sáng tỏ nhưng quyền hạn, lợi ích nhất là điều kiện thực hiện chưa có cơ sở vững chắc để thực hiện. Cán bộ tham gia chưa hiểu việc, tổ chức chỉ đạo chương trình nhưng không có thực lực tài chính và lợi ích phụ thuộc “lương cơ quan” nên việc tham gia chương trình thiếu sâu sát, thường xuyên khó đánh giá chất lượng tham gia của mỗi cá nhân và tổ chức.

Ba là, nguồn lực, trước hết là vốn cho chương trình rất hạn chế

Trong 5 năm (2016 - 2020), thực chất của vốn cho chương trình là vốn tín dụng, thậm chí vốn của ngân hàng phục vụ người nghèo của tỉnh, huyện cũng chủ yếu là từ ngân hàng Trung ương. Về danh nghĩa, vốn từ ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn từ quý quốc gia giải quyết việc làm là tín dụng tài trợ nhưng do đặc điểm dân cư phân tán và nhiều lý do khác nên phí cho vay phát sinh nhiều. Do đó, hầu hết hộ vay đều chịu thêm một khoản phí, người nghèo không được vay theo đúng lãi suất tham nghĩa tài trợ của Chính phủ. Mặt khác, nhiều bản và hộ đặc biệt khó khăn nguồn vốn đầu tư tại chỗ không có. Sự hạn chế nguồn lực tại chỗ cộng với sự đầu tư thiếu tập trung của các nguồn vốn đề từ bên ngoài làm cho việc xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ các bản và các hộ đặc biệt khó khăn thiếu đồng bộ, chấp vá.

Bốn là, tính vững chắc của công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào còn thấp.

Trước hết, việc thoát nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào hiện nay được xem xét chủ yếu là thu nhập hàng năm với mức thấp. Hộ thoát nghèo chưa có vốn dự trữ và tạo lập những cơ sở kinh tế vững chắc cho thoát nghèo bền vững. Hơn nữa, huyện, bản và từng gia đình đặc biệt khó khăn về điều kiện tạo ra sự ổn định cho thu nhập của các hộ nghèo chưa làm được bao nhiêu. Việc phòng chống thiên tai, bảo vệ thực vật, thú y, bảo trợ giá... thực thi ở các tỉnh miền Bắc Lào còn nhiều bất cập. Do đó, nhiều gia đình vừa thoát ngưỡng nghèo, chỉ cần sinh thêm một đứa con, chết một con lợn nái, bị ngập lụt một áo cá, giá nông sản hạ... là có thể trở lại nghèo đói. Điều tra tại huyện Xiêng Hon tỉnh Xay Nha Bu Ly cho thấy chỉ 5 bản bị ngập lụt thì thiệt hại hơn một tỷ kip trong năm 2017, có 294 hộ không có cơm ăn, áo mặc... và trong đó có 62 hộ đã thoát nghèo đã trở lại nghèo như cũ.

Năm là, nhận thức và tổ chức bộ máy, cán bộ thực hiện chương trình giảm nghèo còn hạn chế.

Về nhận thức, có thể chia làm hai nhóm có liên quan chặt chẽ với nhau: đó là nhận thức các hộ nghèo và các cán bộ có chức năng tham gia công tác giảm nghèo. Các tỉnh ở miền Bắc Lào là nơi có truyền thống cách mạng, nhân dân cần cù, hiếu học. Nhưng trước yêu cầu mới, không ít những nếp nghĩ tạo nên tính cách không còn phù hợp: chịu khổ nhưng chưa chịu khó, chịu đựng gian khổ nhưng chưa vươn tới suy nghĩ nhiều hơn là làm thế nào để khỏi khổ, chuyển sang sản xuất hàng hoá nhưng chưa chú ý yêu cầu của thị trường như những sản phẩm nông nghiệp độc đáo của địa phương, mẫu mã, chào hàng, quảng cáo, thay đổi mẫu mã theo nhu cầu của thị trường. Đối với lớp trẻ thì mong đi xã, qua học hành để lập nghiệp còn ở lại xây dựng, làm giàu, vươn lên thoát nghèo tại quê hương thì ít nghĩ tới. Đối với cán bộ tham gia công tác giảm nghèo, tư duy mới về kinh tế và kinh doanh còn hạn chế, đa số cán bộ còn thiếu kiến thức kinh tế và lãnh đạo, quản lý, còn nặng chỉ đạo phong trào nên chưa có điều kiện thực sự tháo gỡ những khó khăn từng việc cho các hộ nghèo, bản đặc biệt khó khăn. Hơn nữa không ít cán bộ tham gia chương trình theo kiểu mặt trận, chưa thực sự đi sâu xem cơ quan mình, ngành mình phải làm gì để giúp đỡ các hộ nghèo và bản

đặc biệt khó khăn.

Ở các cấp của tỉnh, huyện BCD đã được hình thành nhưng thiếu cán bộ chuyên trách, nghiệp còn vụ yếu, các bản đặc biệt khó khăn ở các tỉnh miền Bắc Lào và phần lớn các hộ nghèo sinh sống ở nơi khó khăn phân tán trên diện rộng, cán bộ lại kiêm nhiệm nên sự chỉ đạo thiếu sâu sát thường xuyên. BCD chương trình có nhiệm vụ lớn nhưng quyền hạn và điều kiện, nhất là tài chính rất hạn hẹp nên trong công việc vẫn phải trải qua chờ đợi, xin cấp phát. Do đó, thực sự BCD công tác giảm nghèo không có thực lực vật chất để tác động đúng đối tượng, đúng việc theo yêu cầu thời gian mong muốn. Có thể khái quát những nhược điểm, mặt yếu của tổ chức bộ máy, cán bộ chỉ đạo công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào những biểu hiện sau đây:

Cơ cấu tổ chức tương đối đồng bộ, nhưng cơ chế hoạt động chưa chặt chẽ, cụ thể, nhất là tính chất liên ngành chưa thể hiện được trong cộng đồng trách nhiệm, đang có hiện tượng đùn đẩy, chờ đợi, làm chậm trễ công việc chung và chương trình giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào. Các ngành kinh tế kỹ thuật chưa thể hiện đầy đủ trên các địa bàn. Đối với chương trình giảm nghèo tập trung chỉ đạo các dự án giảm nghèo, việc lồng ghép chương trình dự án chưa được làm rõ và có kế hoạch chỉ đạo. Bộ máy còn cồng kềnh nhiều tầng nóc, chậm thấu suốt đến cơ sở và nhân dân. Đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo đồng bộ, chưa có chính sách khuyến khích thoả đáng, thiếu phương tiện vật chất, chưa sâu sát thực tế, nên các dự án KT-XH về giảm nghèo đưa ra chưa có sức thuyết phục cao và tính khả thi còn thấp. Các tổ chức thuộc ngành dọc là những khâu trọng yếu, nhưng cơ chế phối hợp chưa rõ ràng, nhiều việc do ngành dọc quyết định, chính quyền địa phương chỉ thương lượng, làm cho việc chỉ đạo của tỉnh bị động, lúng túng, có việc để lỡ thời cơ, có việc sơ hở không đáng có. Việc lập thẩm định dự án, giải ngân, quyết toán thường chậm trễ và sơ hở. Cũng có những việc chính quyền và các ngành chuyên môn thuộc tỉnh chưa sát hoặc can thiệp sâu, làm cho chất lượng tham mưu của ngành chuyên môn đạt thấp, phục vụ phát triển KT-XH và giảm nghèo chỉ gắn với cán bộ chuyên trách ở tỉnh và huyện chỉ có 2-3 người, còn ở cụm bản và bản chỉ có một số cán bộ kiêm nhiệm,

kinh phí hoạt động còn hạn hẹp. Đối với các cơ quan chuyên môn của tỉnh và huyện, nhất là các đơn vị trực thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn, phần lớn công việc ở dạng thương lượng để được giúp đỡ. Ban không có quyền và chưa có một cơ chế để hoạt động có hiệu quả.

Công tác giảm nghèo đòi hỏi trình độ ngày càng cao, nhưng năng lực các thành viên trong ban còn nhiều hạn chế, nhất là năng lực lập dự án phải thâm định chặt chẽ, lồng ghép phải có phương pháp, cách làm khoa học. Thực sự đây là yếu điểm lớn. Cán bộ BCD các cấp tuy được đào tạo nhưng chưa đồng bộ, chưa thích ứng với cơ chế mới, một số tư duy máy móc, cứng nhắc, xa dân, xa thực tế, chưa sát với vùng nghèo, người nghèo ở các vùng kinh tế sinh thái dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Lào.

3.2.3. Nguyên nhân và kinh nghiệm

3.2.3.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Nguyên nhân khách quan

Đường lối đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng, trong đó có đường lối phát triển KT-XH, chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân ngày càng được Đảng và Nhà nước Lào quan tâm và cụ thể hóa là cơ sở quan trọng để các tỉnh miền Bắc Lào đề ra Nghị quyết về phát triển KT-XH, các chỉ thị về công tác giảm nghèo, để góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trong các tỉnh.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chỉ thị, nghị quyết về giảm nghèo như: Sắc lệnh hướng dẫn số 03/SL-TTg ngày 5/3/2012 về việc xây dựng bản thành đơn vị phát triển, xây dựng bản lớn thành thị trấn ở nông thôn; Sắc lệnh số 201/SL-TTg ngày 5/5/2012 về việc giải quyết các vấn đề luân chuyển dân kiều không có tổ chức gắn tiếp với vấn đề sắp xếp nơi ở cố định và việc làm ổn định cho nhân dân các dân tộc. Nghị quyết số 25/BCHTW, ngày 22/12/2014 của Bộ Chính trị về phương hướng, mục tiêu, biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện là đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; Nghị định số 34/NĐ-CP, ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược,

xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển; Nghị định số 348/NĐ-TTg, ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển; Chỉ thị số 097/BCHTW, ngày 18/2/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; Hướng dẫn số 0830/BN-LN, ngày 6/4/2018 hướng dẫn về tổ chức thực hiện chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển. Các văn bản, chính sách này đã hỗ trợ, thúc đẩy sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đối với công tác giảm nghèo, tạo điều kiện cho các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

Một yếu tố khác cũng góp phần vào sự thành công của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo đó chính là điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý của các tỉnh. Chính điều kiện tự nhiên thuận lợi cũng góp phần không nhỏ vào thành công của giảm nghèo. Các tỉnh ở miền Bắc Lào có đủ điều kiện đất đai, khí hậu để trồng trọt, chăn nuôi... để nâng cao thu nhập cho người nghèo. Ở miền Bắc Lào còn là một trong những điểm trung chuyển hàng hóa lớn vì có đường sắt cao tốc chạy qua (thủ đô Viêng Chăn và 4 tỉnh trong đó có 3 tỉnh của miền Bắc Lào như: tỉnh Luông Pha Bang, tỉnh U Đôm Xay và tỉnh Luông Năm Tha), mỗi năm tạo ra việc làm cho người lao động, góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ nghèo vươn lên

Nguyên nhân chủ quan

Một là, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã vận dụng sáng tạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ về phát triển KT-XH, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Với một tập thể đoàn kết, năng động, Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đã nhận định rất sâu sắc tình hình, thời cơ của tỉnh, có quyết tâm chính trị cao để phát triển KT-XH, quyết “Không để người dân phải chịu đói, chịu rét”, trên cơ sở đó, Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào cũng đã đề ra các chỉ thị về giảm nghèo và những nghị quyết phát triển KT-XH gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy xác định đúng đắn những vấn đề chiến lược, vừa giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong phát triển KT-XH, đảm bảo sự phát triển toàn diện của tỉnh.

Hai là, có sự tập trung chỉ đạo, điều hành chương trình giảm nghèo của Tỉnh ủy, chính quyền tỉnh thông qua các nghị quyết, chiến lược, chương trình trong từng giai đoạn. Trong quá trình triển khai chương trình có sự phân công các cấp, các ngành kết nghĩa giúp đỡ huyện, có những cơ chế chính sách phù hợp với thực tế địa phương tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho người nghèo, hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

Ba là, các cấp ủy, các tổ chức đảng đã quan tâm, thường xuyên củng cố, kiện toàn BCD chương trình đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển KT-XH, thực hiện giảm nghèo; đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở huyện được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm đã tạo được mạng lưới từ huyện, bản và cụm bản thực hiện đảm bảo hiệu quả chương trình.

Bốn là, Tỉnh ủy đã lãnh đạo có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động người dân vươn lên thoát nghèo bằng chính nghị lực của người nghèo. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các mô hình phát triển kinh tế giúp người dân thoát nghèo đã được nhân rộng.

Năm là, sự thành công của các tỉnh ủy trong giảm nghèo phải kể đến yếu tố con người các tỉnh ở miền Bắc Lào. Từ cán bộ, đảng viên cho đến mọi tầng lớp nhân dân đều có ý chí vươn lên, cùng đồng tâm hiệp lực phấn đấu thực hiện phát triển KT-XH, đưa các tỉnh ở miền Bắc Lào từng bước vững vàng đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đa số các hộ nghèo ở các tỉnh đã có ý thức tích cực trong vươn lên thoát nghèo, không còn ỷ lại, trông chờ, “Không muốn thoát nghèo”. Chính điều này cũng góp phần quan trọng vào giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Lào.

3.2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, các tỉnh ở miền Bắc Lào luôn là tỉnh nghèo, đi lên từ xuất phát điểm thấp so với miền Trung và miền Nam Lào; kết cấu hạ tầng bậc lộ nhiều yếu kém; địa bàn một số tỉnh rộng, chia cắt và phức tạp; thời tiết khắc nghiệt; thiên tai, hạn hán, dịch bệnh thường xuyên; đời sống của nhân dân còn nhiều khó

khăn, nhất là đồng bào DTTS; giao thông còn nhiều yếu kém; nguồn lực hạn chế, nhất là nguồn vốn cho đầu tư phát triển; chất lượng nguồn vốn môi trường đầu tư không thuận lợi nên hạn chế thu hút các nguồn đầu tư trong nước và quốc tế cho sự phát triển KT-XH của các tỉnh, tỷ lệ bản nghèo, hộ nghèo còn cao nên ảnh hưởng không nhỏ đối với sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào.

Thứ hai, trình độ học vấn của đại bộ phận nhân dân nghèo và cận nghèo, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; sống an phận, mặc cảm và chịu ảnh hưởng nặng nề cách nghĩ, cách làm của người sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp. Đây là những khó khăn lớn trong thực hiện chương trình giảm nghèo của tỉnh.

Thứ ba, các tỉnh ở miền Bắc Lào là một các tỉnh thuần nông, thế nhưng trong 5 năm liên tiếp (2016 - 2020) các tỉnh ở miền Bắc Lào phải chịu lũ lụt lớn, nắng hạn kéo dài, một số dịch bệnh nguy hiểm xuất hiện đã làm cho vụ mùa ở các tỉnh nói chung và một số huyện, nhất là các huyện nghèo bị giảm năng suất đã ảnh hưởng đến công tác giảm nghèo của các tỉnh.

Thứ tư, quy mô kinh tế của các tỉnh ở miền Bắc Lào còn nhỏ bé so với miền Trung và miền Nam Lào; kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, còn phụ thuộc vào tài nguyên và nguồn vốn đầu tư bên ngoài. Trong khi đó phải thực hiện đồng thời các mục tiêu, nhất là mục tiêu tăng trưởng. Vì vậy, nguồn lực cho phát triển KT-XH nói chung và cho giảm nghèo nói riêng còn nhiều hạn chế. Trong khi đó các văn bản hướng dẫn, đôi khi lại chồng chéo, gây khó khăn cho việc tiếp thu, thấu hiểu và thực hiện chính sách giảm nghèo. Đời sống của các hộ nghèo còn chậm được cải thiện, có một số bộ phận vừa thoát khỏi nghèo nhưng chưa bền vững và có khả năng tái nghèo. Việc đánh giá, ước lượng còn chưa sát thực tế, thiếu chính xác, làm cho việc đề ra các dự án chưa sát hợp với thực tế ở địa phương.

Thứ năm, về chính sách giao đất, giao rừng cho nhân dân các dân tộc Lào quản lý mặc dù các tỉnh ở miền Bắc Lào đã tổ chức thực hiện rộng khắp địa bàn, nhưng chưa gắn với định canh, định cư và chấm dứt nạn chặt phá rừng làm nương, rẫy trồng lúa. Do vậy, tình trạng du canh và quảng canh ở một số huyện các tỉnh ở miền Bắc Lào còn khá phổ biến, dẫn đến tàn phá rừng, làm suy kiệt

đất, nguồn nước, khí hậu, thời tiết, nguồn lợi tự nhiên nên dẫn đến tình trạng lũ lụt, lũ quét, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của cải vật chất.

Thứ sáu, vấn đề an ninh trật tự ở một số tỉnh, nhất là một số huyện có biên giới giáp với các nước láng giềng còn chưa được giải quyết một cách triệt để, tệ nạn xã hội vẫn gây nhiều bức xúc; giá cả hàng hoá và dịch vụ biến động, nhất là trong thời điểm dịch bệnh COVID-19 đã gây ảnh hưởng nhất định đến đời sống của nhân dân ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Nguyên nhân chủ quan

Một là, sự chỉ đạo của Đảng đối với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trong phối hợp thể chế hoá, cụ thể hoá và xây dựng kế hoạch triển khai xuống địa phương chưa được quan tâm đầy đủ, ngân sách Trung ương hạn chế so với nhu cầu hỗ trợ của các địa phương.

Giảm nghèo được thực hiện với nhiều chương trình, nhiều dự án do nhiều bộ, ngành phụ trách với cơ chế quản lý, tài chính khác nhau do đó cần thiết sự phối hợp chặt chẽ để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong thể chế hoá, cụ thể hoá và xây dựng kế hoạch triển khai xuống địa phương. Tuy nhiên do sự chỉ đạo phối hợp chưa được quan tâm đầy đủ dẫn đến việc thể chế hoá và xây dựng kế hoạch triển khai xuống địa phương thiếu thống nhất, đồng bộ. Bên cạnh đó nguồn ngân sách Trung ương còn “quá hạn chế” [75, tr.26], sử dụng cho nhiều mục tiêu phát triển KT-XH, trong khi đó nhu cầu ngân sách cho công tác giảm nghèo quá lớn, nhất là đối với các vùng đặc biệt khó khăn như miền Bắc Lào nên khó có thể đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu giảm nghèo ở các địa phương.

Hai là, một số cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo ở các địa phương, có tư tưởng tham nhũng, tiêu cực.

Một số cán bộ, đảng viên né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, nhất là đối với thực hiện chỉ đạo trực tiếp tại cơ sở, cụm bản, bản, hộ nghèo ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Một số trường hợp cán bộ, đảng viên có tư tưởng lợi dụng kẽ hở của cơ chế, chính sách để tham nhũng, tiêu cực.

Ba là, nguồn vốn địa phương, trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ các cấp

ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, người dân còn hạn chế, tập quán sản xuất, tâm lý của người dân địa phương.

Khả năng huy động nguồn nội lực nhất là nguồn vốn của các địa phương rất khó khăn do giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, nguồn thu ngân sách không cao, các doanh nghiệp địa phương có quy mô nhỏ, doanh nghiệp thu thấp, thu nhập của đại bộ phận người dân các huyện nghèo, bản (làng) đặc biệt khó khăn rất thấp từ đó dẫn đến việc huy động nguồn vốn để thực hiện giảm nghèo của địa phương không cao mà chủ yếu là nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương (phụ lục 9).

Trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ các cấp ủy đảng, tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân hạn chế, nhất là ở cơ sở. Theo thống kê, UBND 8 tỉnh ở miền Bắc Lào có 8.203 cán bộ, trong đó trình độ học vấn cấp II là 4.597, cấp III là 1.673, trung cấp là 1.169, đại học 784; có 256 cán bộ thường trực UBND của 64 huyện, trong đó trình độ học vấn cấp III là 162, đại học và trên đại học là 94. Cán bộ lãnh đạo và quản lý các sở, ban, ngành tỉnh có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học là 78,4%; cán bộ cấp huyện, thì có trình độ trung học, đại học và trên đại học 53,6%. Các tỉnh ở miền Bắc Lào còn nhiều cán bộ chủ chốt ở cơ sở vùng sâu, vùng xa (huyện khó khăn, cụm bản) *“chưa có trình độ học vấn hết cấp II”* [118]

Sự hạn chế về trình độ học vấn làm hạn chế năng lực của đội ngũ cán bộ [80, tr.87], nhất là ở cơ sở trong việc tiếp tu và vận dụng chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, địa phương cũng như trong tổ chức thực hiện.

Trình độ học vấn của người dân còn rất hạn chế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa [120], tỷ lệ học lên cao thường là thấp và đáng chú ý là tình trạng mù chữ khá phổ biến ở người dân tộc thiểu số. Năm 2016 tỉnh U Đôm Xay 5/7 huyện cấp trung học cơ sở [97]. Với trình độ học vấn còn thấp gây ra nhiều khó khăn, trở ngại đối với việc nhận thức của người dân về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Trung ương và địa phương cũng như ảnh hưởng đến năng lực tham gia giảm nghèo như áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế...

Sự hạn chế về trình độ học vấn làm hạn chế năng lực của đội ngũ cán bộ nhất là ở cơ sở trong việc tiếp thu và vận dụng chủ chương, chính sách giảm nghèo của Đảng vào thực tiễn ở địa phương, cơ sở cũng như tổ chức người dân giảm nghèo. Trình độ học vấn của đội ngũ cán bộ phụ trách các tổ chức chính trị - xã hội còn rất hạn chế ảnh hưởng không nhỏ tới nhận thức của các tổ chức chính trị - xã hội về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng, địa phương cũng như năng lực phối hợp tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch, tập hợp, tổ chức đoàn viên, hội viên và người dân tham gia giảm nghèo.

Trình độ học vấn của người dân thấp kém không những gây khó khăn đối với việc nhận thức về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Trung ương và địa phương mà còn hạn chế năng lực tham gia các hoạt động giảm nghèo như kiểm tra các công trình cơ sở hạ tầng, áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất...

Là địa bàn cư trú của nhiều DTTS với tập quán sản xuất còn lạc hậu, phụ thuộc nặng nề vào điều kiện tự nhiên, năng suất thấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tính chất sản xuất tự cung tự cấp ảnh hưởng tới việc đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng các giống mới, quy trình sản xuất tiến bộ... của người dân.

Tâm lý bình quân, bằng lòng với mức sống hiện tại, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, lười lao động dẫn đến sự tham gia thiếu tích cực của một bộ phận người dân ở địa phương trong đó bao gồm một bộ người nghèo. Mặc dù thường xuyên nhận được sự hỗ trợ nhưng một bộ phận người nghèo thiếu tích cực tham gia các hoạt động giảm nghèo từ đó gây ra sự bất bình của những người dân khác trong cộng đồng và ảnh hưởng tới sự tham gia tích cực của người dân, hiệu quả huy động nguồn nội lực.

3.2.3.3. Những kinh nghiệm về các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo

Một là, nhất quán trong nhận thức và hành động coi công tác giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Trong thời gian thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN,

Đảng và Nhà nước Lào rất quan tâm đến công tác giảm nghèo, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lãnh đạo đất nước. Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm hạn chế tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, đặc biệt là tác động làm gia tăng khoảng cách giàu - nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Cụ thể hoá những chủ trương của Đảng, Nhà nước ban hành và triển khai đồng bộ nhiều chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo. Những trương trình, dự án này đã tạo tiền đề quan trọng để phần lớn người nghèo, hộ nghèo cải thiện cuộc sống, vươn lên thoát nghèo. Đồng thời có rất nhiều công trình kết cấu hạ tầng cũng được đầu tư xây dựng tại các huyện đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới giáp với các nước láng giềng; có nhiều căn nhà được xây dựng và bàn giao cho các hộ nghèo; có nhiều lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi và hướng dẫn phương pháp sản xuất, kinh doanh; có hàng trăm người lao động nghèo được đào tạo nghề miễn phí và tạo việc làm; hàng trăm lượt người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, làm giảm đáng kể các chi phí khám chữa bệnh... Bên cạnh việc thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo, những thời điểm HT – XH không thuận lợi như lạm phát, giá cả tăng cao hay thiên tai, bão lụt xảy ra, Nhà nước đều bảo đảm an sinh xã hội, kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ người nghèo, những người có thu nhập thấp, đồng bào vùng sâu, vùng xa... Trong điều kiện kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách giảm, có nhiều ý kiến cho rằng, những chỉ tiêu đặt ra trong các chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo khó có thể đạt được. Tuy nhiên, theo Bộ trưởng Bộ Nông - lâm nghiệp TS. Phiết Phôm PHI PHẮC, Chính phủ đã chỉ đạo, dù một số công trình trọng điểm quốc gia phải giảm đầu tư nhưng các chỉ tiêu và nguồn lực giành cho công tác giảm nghèo phải được giữ nguyên, bằng hoặc cao hơn. Đây là quyết tâm của rất lớn của Đảng và Nhà nước Lào.

Bên cạnh đó, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội đã tích cực tham gia Chương trình, đề ra nhiều sáng kiến, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cộng đồng

nghèo, góp phần giảm nghèo một cách bền vững, cơ bản và lâu dài. Các cuộc vận động vì người nghèo, xây dựng quỹ giảm nghèo, nhằm giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng thiên tai, bão, lũ... đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, thu hút được sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân trong nước và các bạn bè quốc tế. Cộc vận động này không chỉ là phương thức xã hội hoá hoạt động giảm nghèo, mà còn có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, khơi dậy và nuôi dưỡng tình cảm thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, một truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Lào.

Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào luôn nhận thức đúng và coi công tác giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết, trong các Nghị quyết các kỳ Đại hội của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào luôn đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nhằm quyết tâm kéo giảm tỷ lệ người nghèo, hộ nghèo. Đồng thời, những chủ trương giảm nghèo của Đảng bộ các tỉnh cũng được các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương quán triệt, cụ thể hoá và thực hiện nghiêm túc.

Ngoài ra, trong các quyết định kiện toàn của BCD giảm nghèo, UBND các tỉnh quy định: Trường ban phải là phó chủ tịch thường trực; phó ban thường trực phải là giám đốc Sở Nông - Lâm nghiệp; ủy viên là phó giám đốc các sở, ngành, các tổ chức, đoàn thể. Thực tế trong quá trình chỉ đạo, chưa có chương trình nào tỉnh huy động nhiều cơ quan như chương trình giảm nghèo. Hơn nữa, nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở trong quá trình triển khai các chủ trương, chính sách về giảm nghèo đã bám sát những mục tiêu và giải pháp đề ra, huy động mọi nguồn lực, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp Trung ương, cấp tỉnh, và các tổ chức, cá nhân, thực hiện nhiều chương trình trợ giúp thiết thực cho người nghèo về vốn, cây giống, con giống, xây dựng, sửa chữa nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế, học bổng cho học sinh nghèo, hỗ trợ tiền điện, hướng dẫn áp dụng khoa học - kỹ thuật, nhân rộng các mô hình giảm nghèo...

Mặt khác, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào chung tay, góp sức hướng về người nghèo bằng những việc làm thiết thực. Nhiều ngôi

nhà, phần quà... đã kịp thời giúp đỡ cho những người nghèo, hộ nghèo vượt qua cơn khốn khó. Hàng năm, tại các tỉnh ở miền Bắc Lào thực hiện cuộc vận động vì người nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội xem là công tác quan trọng. Có thể thấy việc thực hiện tốt các cuộc vận động quý vì người nghèo không chỉ góp phần tích cực giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo có điều kiện vươn lên, ổn định cuộc sống mà còn nâng cao nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lào ở các tỉnh miền Bắc.

Bên cạnh đó, sự thay đổi nhận thức, không chấp nhận thực tại, vươn lên thoát nghèo và quyết tâm làm giàu chính đáng của phần lớn người nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào đã góp phần to lớn vào sự thành công của Chương trình. Theo quy định mới về tiêu chí hộ nghèo, có thu nhập không dưới 190.000 kíp/người/tháng (đối với lao động nông thôn) là đã thoát nghèo. Nhìn từ yêu tố nỗ lực, người dân ở nông thôn có tư liệu sản xuất, nếu cách sử dụng, tận dụng hết quỹ đất sẵn có để trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm thì không phải lo thu nhập chỉ 190.000 kíp/tháng/người mà còn cao hơn nhiều, vì thế, không thể không thoát nghèo. Trao đổi về vấn đề này, một lãnh đạo UBND huyện Xiêng Hon tỉnh Xay Nha Bu Ly cho biết, muốn thoát nghèo, quan trọng nhất là phải biết khơi dậy ý thức tự vươn lên của mỗi người nghèo, hộ nghèo. Bởi vì người dân không có tinh thần quyết tâm vươn lên thoát nghèo, khao khát làm giàu thì sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài cũng khó phát huy tác dụng.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền là nhân tố quyết định sự thành công của chương trình giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào.

Thực tiễn cho thấy, nơi nào có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, sự thực hiện tích cực, sáng tạo của chính quyền thì nơi đó công tác giảm nghèo được triển khai đồng đều, có hiệu quả cao, có tính bền vững. Đồng thời cần có sự thống nhất tập trung của các cấp ủy đảng với chính quyền các cấp, ưu tiên mọi nguồn lực và áp dụng những chính sách ưu đãi cho người nghèo, vùng

nghèo. Trong quá trình thực hiện chương trình giảm nghèo, các đảng bộ cơ sở được giao nhiệm vụ theo dõi, giúp đỡ các huyện nghèo, thường xuyên tổ chức kiểm tra. Mỗi đảng viên có trách nhiệm giúp đỡ hộ nghèo, gia đình nghèo vươn lên thoát nghèo. Mặt khác cần huy động mọi nguồn lực tham gia đảm bảo các hoạt động, tín dụng hộ nghèo, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ giáo dục, học nghề, tạo việc làm tại chỗ, hướng dẫn cách làm ăn, ngân sách địa phương phải bố trí đảm bảo hàng năm cho các hoạt động của chương trình, như vậy mới tạo ra đột phá trong thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

Ba là, coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào về sự cần thiết, quan trọng của công tác giảm nghèo nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, từ đó tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động. Phát huy vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức đoàn thể nhân dân trong công tác tuyên truyền giúp đỡ nhau giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Khuyến khích, động viên các hộ nghèo tự vươn lên giảm nghèo bằng chính những nỗ lực của gia đình và sự hỗ trợ của xã hội, đồng thời tôn vinh và khen thưởng các hộ giàu tự nguyện giúp đỡ hộ nghèo. Chú trọng việc nâng cao kiến thức, kinh nghiệm làm ăn cho các hộ nghèo. Quan tâm đến công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời, chương trình khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo được tổ chức rộng rãi với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với trình độ tiếp thu của nhân dân các dân tộc Lào vùng sâu, vùng xa, vùng núi. Mặt khác, để đảm bảo chương trình giảm nghèo được bền vững, phải xây dựng, quy hoạch, sắp xếp lại sản xuất, ổn định dân cư, thực hiện tốt chiến lược phát triển KT-XH ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Bốn là, phối hợp chặt chẽ giữa quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp với các thành viên khác của hệ thống chính trị và các lực lượng xã hội trong thực hiện công tác giảm nghèo; thường xuyên tăng cường kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực tiễn nhằm rút kinh nghiệm ở các cấp, cấp các ngành trong việc tổ chức thực

hiện; kịp thời ngăn chặn các sai sót trong quá trình triển khai, nhất là việc khắc phục các yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, bảo đảm đạt và vượt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Nghị quyết các Đảng bộ ở các tỉnh đã đề ra trong giai đoạn và kế hoạch hàng năm của các tỉnh ở miền Bắc Lào, chấn chỉnh kịp thời những sai lệch trong tổ chức thực hiện, bổ sung, điều chỉnh các nội dung sát, đúng với tình hình, phù hợp với điều kiện địa phương; phát huy tác dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quyết định các mục tiêu, kế hoạch trong đánh giá, bình xét hộ nghèo nhằm tạo nên sức mạnh, hiệu quả của chương trình giảm nghèo.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, chương trình giảm nghèo đã thu được nhiều kết quả, nhân dân các địa phương miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được chăm lo, quan tâm trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào còn hạn chế về nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo; một số tỉnh ủy chưa quan tâm đúng mức đến công tác tuyên truyền về giảm nghèo; việc lãnh đạo xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở một số tỉnh miền Bắc Lào chưa tốt; một bộ phận cấp ủy, tổ chức đảng ở một số nơi chưa có biện pháp chỉ đạo quyết liệt về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh của mình; một số tỉnh ủy chưa chú ý phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nghị quyết, chủ trương của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo; công tác kiểm tra giám sát của một số tỉnh và một số cấp ủy, chính quyền ở cơ sở chưa được toàn diện...

Trên cơ sở phân tích và làm rõ nguyên nhân của ưu điểm và nguyên nhân của những hạn chế và khuyết điểm trong công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tác giả làm rõ những bài học kinh nghiệm của các tỉnh ủy miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo như: tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp với các thành viên khác của hệ thống

chính trị và các lực lượng xã hội trong thực hiện công tác giảm nghèo; tăng cường kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực tiễn nhằm rút kinh nghiệm ở các cấp, cấp các ngành trong việc tổ chức thực hiện; coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào về sự cần thiết, quan trọng của công tác giảm nghèo nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở, từ đó tạo sự thống nhất trong tư tưởng và hành động.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2030

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2030

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến công tác giảm nghèo các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến năm 2030

4.1.1.1. Thuận lợi

Một là, được sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí của Chính phủ; sự hướng dẫn của các ban, bộ ngành Trung ương và sự chỉ đạo của tỉnh ủy, HĐND và UBND các tỉnh ở miền Bắc Lào, công tác giảm nghèo của các tỉnh sẽ được triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và nhân dân các dân tộc Lào. Các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển KT-XH từng bước được bổ sung, hoàn chỉnh ngày càng đi vào cuộc sống. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XI đã chỉ rõ: “*thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách ...*

khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo cho hộ thoát nghèo bền vững; giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư” [85, tr.18].

Chính những chủ trương lớn này sẽ tạo điều kiện môi trường, động lực cho sự phát triển KT-XH trong cả nước nói chung và các tỉnh ở miền Bắc Lào nói riêng.

Trong những năm tới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể, cùng với sự nỗ lực của các tầng lớp nhân dân, trong kết quả giảm nghèo hàng năm của các tỉnh ở miền Bắc Lào sẽ có những chuyển biến tích cực như: tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua các giai đoạn, về thu nhập của các hộ nghèo được tăng lên, đời sống của các hộ nghèo sẽ được chuyển biến rõ nét theo hướng tích cực, từng bước tiếp cận đầy đủ hơn các dịch vụ xã hội được cơ bản và có xu hướng nâng lên; các công trình hạ tầng phục vụ cho sản xuất, đời sống được đầu tư đồng bộ góp phần thay đổi bộ mặt nhiều nông thôn miền núi và an ninh chính trị cũng được củng cố.

Hai là, nông nghiệp, nông thôn sẽ tạo được bước phát triển mới trên cơ sở tác động từ chính sách phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân của Trung ương, tạo nền tảng ổn định cơ bản cho công nghiệp, dịch vụ phát triển ngày càng tăng cao, thúc đẩy phát triển KT-XH theo mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Những kinh nghiệm và năng lực có được từ kết quả thực hiện chương trình kích cầu của Chính phủ sẽ phát huy tác dụng hiệu quả, tạo ra cho kinh tế địa phương vượt qua giai đoạn sụt giảm, tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững.

Ba là, nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể các cấp và nhân dân về chương trình giảm nghèo từng bước được nâng lên, do đó, việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của các tỉnh ủy về giảm nghèo sẽ được triển khai ngày càng đồng bộ, trở thành phong trào sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Những kinh nghiệm điều hành và thành tựu mà các tỉnh ở miền Bắc Lào

đã đạt được trong nhiều năm qua trên các lĩnh vực KT-XH, cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được tăng cường đầu tư, thủ tục hành chính ngày càng minh bạch, nhân dân đồng tình tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các chính sách xã hội đã đến với hộ nghèo, người nghèo tạo động lực thúc đẩy xã hội tích cực lao động sản xuất, phấn đấu vượt qua đói nghèo, cải thiện cuộc sống của từng gia đình sẽ là cơ hội tốt để thúc đẩy nền kinh tế các tỉnh ở miền Bắc Lào được tiếp tục phát triển tích cực trong thời gian tới.

4.1.1.2. Khó khăn

Một là, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về giảm nghèo và có hiệu quả tương đối tốt trong thực thi, nhưng các chủ trương, chính sách đó vẫn còn một số điểm chưa phù hợp với nhu cầu đặt ra như sau:

Về thời gian ban hành chính sách, nhiều chính sách đã ban hành trong nhiều năm mà không điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới như: Sắc lệnh hướng dẫn số 03/SL-TTg ngày 5/3/2012 về việc xây dựng bản thành đơn vị phát triển, xây dựng Bản lớn thành thị trấn ở nông thôn; Sắc lệnh số 201/SL-TTg ngày 5/5/2012 về việc giải quyết các vấn đề luân chuyển dân kiều không có tổ chức gắn tiếp với vấn đề sắp xếp nơi ở cố định và việc làm ổn định cho nhân dân các dân tộc... Mãi đến những năm gần đây mới chỉnh sửa, bổ sung và ban hành thêm một số chính sách mới như: Nghị định số 348/NĐ-TTg, ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển; số 0830/BN-LN, ngày 6/4/2018 hướng dẫn về tổ chức thực hiện chuẩn mực thoát nghèo và chuẩn mực phát triển (dùng cho giai đoạn 2016 - 2020)... cho nên có nhiều chính sách không phù hợp, lỗi thời, một số chính sách mới thì ban hành muộn không kịp thời và còn thiếu nhiều chính sách giảm nghèo cần thiết khác.

Về hình thức chủ trương, chính sách: nhiều chủ trương, chính sách giảm nghèo không được ban hành riêng biệt hoặc tách riêng mà ban hành lồng ghép với chính sách khác, do đó làm mất tính trọng yếu của giảm nghèo, dẫn đến việc thực thi chủ trương, chính sách không đúng mục đích và mục

tiêu của chủ trương, chính sách giảm nghèo, việc huy động vốn và nhân lực sai hoặc không phù hợp với việc giảm nghèo, kết quả là không giải quyết được giảm nghèo theo kế hoạch đặt ra.

Về nội dung, chưa bao hàm nhiều mặt, nội dung nhiều chủ trương, chính sách còn chung chung. Vì nhiều chủ trương, chính sách giảm nghèo ban hành lồng ghép với chủ trương, chính sách khác cho nên nội dung về công tác giảm nghèo thể hiện rất ít hoặc không thể hiện rõ, kết quả giảm nghèo đạt được chỉ thể hiện thông qua các kết quả khác. Nhiều chủ trương, chính sách chỉ nêu lên nhu cầu và các chỉ tiêu nhưng không nêu rõ nguồn ngân sách và nguồn nhân lực để hỗ trợ chủ trương, chính sách. Nhiều chủ trương, chính sách chưa hướng vào mục tiêu nâng cao năng lực thị trường cho người nghèo và hỗ trợ cho họ có khả năng tiếp cận thị trường, còn mang nặng tính bao cấp cho nên phát sinh tư tưởng ỷ lại, trông chờ, nhiều hộ nghèo không muốn thoát nghèo để được hưởng chế độ hỗ trợ người nghèo.

Về tính pháp lệnh, tính pháp lệnh các chủ trương, chính sách giảm nghèo chưa cao, một số chủ trương, chính sách không có tác động mạnh đến giảm nghèo dẫn đến hiệu quả thấp.

Các chủ trương, chính sách còn thiếu tính liên kết và sự hỗ trợ lẫn nhau, chưa đa dạng hoá sinh kế giúp người dân giảm nghèo bền vững.

Hai là, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào sẽ phải đối mặt với những vấn đề xã hội phát sinh như: phân hóa giàu nghèo, tệ nạn xã hội

Hàng loạt vấn đề nan giải nảy sinh từ trong công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào như: các tại nạn xã hội, đa số nông dân thiếu đất sản xuất, nhất là người nghèo; thanh niên thiếu việc làm, phải rời quê hương đi làm ăn xa trong nước và nước ngoài, nhất là đi làm việc ở Thái Lan, đa số bản (làng) bên giới chỉ còn người già trông con cháu ở nhà, ruộng đồng bị bỏ hoang ở nhiều địa phương nhất là tỉnh Xay Nha Bu Ly và tỉnh Bo kẹo; phân hóa giàu nghèo; tranh chấp; khiếu kiện kéo dài...

Sự phân hoá giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn đang ngày càng trở nên sâu sắc. Hiện tượng nhân dân còn thiếu đất

sản xuất đang có chiều hướng gia tăng. Bên cạnh đó, có biểu hiện một bộ phận nông dân không còn tha thiết gắn bó với ruộng đồng và các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác, rời bỏ nông thôn ra thành thị trong nước và đi làm ăn ở nước ngoài, để mưu sinh với nhiều nghề nghiệp khác nhau, trong đó, không ít công việc rất bấp bênh, khó quản lý và giúp đỡ nếu có chuyện xảy ra vì phần lớn lao động đi làm ở nước ngoài là trái pháp luật. Các cấp ủy chưa thực sự tạo nhiều điều kiện để người lao động có thể tìm việc làm trong nước và nước ngoài, giảm thu nhập làm nảy sinh những vấn đề xã hội phức tạp.

Những vấn đề phức tạp, nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, trật tự, an toàn xã hội, tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định. Do đó, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào cần nhận diện rõ và tiếp tục tháo gỡ những rào cản trong quá trình tăng cường sự lãnh đạo đối với chính quyền tỉnh.

Ba là, suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, tham ô, tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các tỉnh miền Bắc Lào tuy được các tỉnh ủy tích cực chỉ đạo kiểm điểm nhưng chưa được giải quyết triệt để sẽ gây ảnh hưởng lớn đến thực hiện công tác giảm nghèo. Vẫn còn một số cán bộ nói không đi đôi với làm, hạn chế, yếu kém trong quản lý KT-XH, chính quyền ở một số địa phương nhất là cơ sở các tỉnh ở miền Bắc Lào đã ảnh hưởng đến niềm tin, đời sống, tình cảm của nhân dân đối với cấp ủy đảng, chính quyền.

Bốn là, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội còn nhiều yếu kém. Nhu cầu vốn đầu tư lớn, nhưng khả năng đầu tư rất hạn chế. Quy mô kinh tế ở các tỉnh còn nhỏ, công nghệ sản xuất lạc hậu, năng lực cạnh tranh còn thấp. Nguồn lực địa phương chưa đủ sức cân đối theo yêu cầu phát triển ngày càng cao, khả năng thu hút nguồn lực bên ngoài còn hạn chế; sự hỗ trợ, đầu tư của Trung ương trên địa bàn các tỉnh chưa mang tính trọng tâm, trọng điểm với những công trình, dự án có quy mô lớn. Dân số ít và sống phân tán; trình độ dân trí không đồng đều; chất lượng nguồn nhân lực thấp; lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao; vị trí địa lý tạo đặc thù tạo ra thuận lợi, song cũng đặt ra những khó

khăn giữa phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp, các ngành còn mặt hạn chế; chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở một số nơi còn chưa đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ được giao. Tình hình biên giới có lúc phức tạp; các thế lực thù địch, phản động tiếp tục các hoạt động kích động, muốn chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, có lúc lôi kéo vượt biên trái phép sẽ có tác động tiêu cực đến các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo.

Năm là, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo có thể gia tăng khi có biến cố xảy ra như: thiên tai, dịch bệnh ... mặt khác nhiều hộ nghèo không có tư liệu sản xuất, không có tay nghề, chủ yếu là lao động phổ thông, làm thuê, một số ít được dạy nghề tiểu thủ công nghiệp, nhưng sản phẩm làm ra thiếu thị trường tiêu thụ, thu nhập không ổn định. Còn một bộ phận hộ nghèo có tư tưởng trông chờ ỷ lại sự hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng nên bản thân không tự vươn lên thoát nghèo. Các chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo còn có bất cập; đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành về giảm nghèo của các cấp, các ngành vẫn còn bất cập. Năng lực, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo có mặt chưa áp dụng. Trình độ cán bộ cơ sở, nhất là các huyện đặc biệt khó khăn, còn nhiều yếu kém trong tổ chức triển khai, thực hiện, quản lý, kiểm tra chương trình giảm nghèo sẽ có tác động tiêu cực đến lãnh đạo giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Sáu là, các tỉnh miền Bắc là có nhiều vùng DTTS sinh sống, kinh tế kém phát triển, trình độ học vấn, chuyên môn chậm được nâng cao, tâm lý trông chờ, ỷ lại còn nặng nề. Tình trạng khó khăn của các hộ nghèo chậm được khắc phục, cải thiện và ở mức cao trong nhiều thập kỷ qua là do những yếu tố khách quan như: một số nơi điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, khi hậu một số nơi khắc nghiệt; nguy cơ dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thiên tai tác động không nhỏ đến

sản xuất của người dân; KT-XH chậm phát triển so với miền Trung và miền Nam; hậu quả chiến tranh để lại còn nặng nề nhất là ở tỉnh Hua Phăn và tỉnh Xiêng Khoảng; thiếu nguồn nhân lực, vật lực để giải quyết vấn đề giảm nghèo và an sinh xã hội một cách triệt để; nguy cơ tái nghèo cao. đường biên giới tiếp giáp với 4 nước, nên nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng trở thành nhiệm vụ trọng yếu, bên cạnh việc thường xuyên tăng cường công tác tuần tra chống vượt biên, xâm canh, xâm cư trái phép tuyến biên giới; các tỉnh còn tập trung nguồn lực đầu tư lớn bảo đảm an ninh, quốc phòng biên giới, trong điều kiện nguồn lực đầu tư có hạn, nên việc đầu tư cho phát triển KT-XH, giảm nghèo sẽ gặp nhiều khó khăn.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030

4.1.2.1. Phương hướng chung

Tiếp tục thực hiện cụ thể hoá Chỉ thị số 097/BCHTW, ngày 18/2/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “ tăng cường lãnh đạo công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân” đến tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, đơn vị đóng trên địa bàn. Đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo cụ thể hoá và tăng cường sự lãnh đạo của các Tỉnh ủy ở miền Bắc Lào đối với công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2021 - 2025 theo tinh thần Nghị quyết của BCH Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào [70]; trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, phát huy vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các tổ chức đoàn thể các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tranh thủ các nguồn lực, gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, tạo bước đột phá trong lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao; chú trọng phát triển thương mại - dịch vụ và y tế; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, phát triển bền vững.

4.1.2.2. Phương hướng cụ thể

Một là, các tỉnh ủy tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng các cấp về công tác giảm nghèo; phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với công tác giảm nghèo.

Hai là, các tỉnh ủy phải đổi mới về việc ban hành các cơ chế, chính sách hướng vào mục tiêu giảm nghèo, trong đó phải chú trọng các nội dung nghị quyết Đảng bộ các tỉnh (giai đoạn 2021 - 2025) đã xác định: “Đẩy mạnh công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. thực hiện đồng bộ, hiệu quả hơn các chương trình, dự án phục vụ trực tiếp cho công tác giảm nghèo, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2021-2025. Chú trọng nhân rộng các mô hình giảm nghèo, tạo điều kiện và khuyến khích các hộ đã thoát nghèo vươn lên làm giàu, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước..., tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo, các DTTS ở vùng sau, vùng xa, vùng núi” [70].

Ba là, Thực hiện tốt nghị quyết của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào (giai đoạn 2021-2025), phấn đấu thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định: “Thực hiện phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân, góp phần tăng cường kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao khả năng tiếp cận của các hộ nghèo đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc Lào”, giảm tỷ lệ hộ nghèo các tỉnh ở miền Bắc Lào bình quân 2-3%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020.

Bốn là, các chương trình, dự án giảm nghèo. Huy động các nguồn lực hỗ trợ về vốn sản xuất, tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo và bền vững. Phấn đấu hoàn thành chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo. Cân đối nguồn lực tài chính, đất đai, kêu gọi đầu tư từng bước xây

dựng quỹ nhà ở cho người có thu nhập thấp, trước mắt là cho 22 huyện nghèo các tỉnh ở miền Bắc Lào. Tiếp tục xây dựng các mô hình giảm nghèo để bền vững phù hợp với điều kiện từng tiểu vùng sinh thái, với trình độ KT-XH và phong tục tập quán canh tác của người dân theo hướng tập trung phát triển sản xuất hàng hóa, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với từng bước hình thành các vùng chuyên canh. Kịp thời tổng kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình tiên tiến, hiệu quả trong lao động, sản xuất; tích cực hỗ trợ để hình thành các cơ sở sản xuất kinh doanh, khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, tiểu chủ công nghiệp ở các bản, cụm bản để giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động và tạo thêm việc làm trong những lúc nông nhàn.

Năm là, nâng cao hiệu quả đầu tư, sử dụng các công trình hạ tầng, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập, y tế và các phúc lợi xã hội khác cho người nghèo. Đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng các huyện đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng núi. Phát huy vai trò của các cơ quan kết nghĩa và tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên của cơ sở trên tinh thần kiên trì, đảm bảo ngày càng có nhiều bản, huyện và nhiều tỉnh vững mạnh toàn diện.

4.2. NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở MIỀN BẮC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO ĐỐI VỚI CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO ĐẾN NĂM 2030

4.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức, tư tưởng

Một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của công tác giảm nghèo đó là một bộ phận cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và một bộ phận nhân dân chưa hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giảm nghèo và chưa nhận thức hết vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và trách nhiệm tham gia của người dân. Do đó để phát huy vai trò lãnh đạo của các tỉnh ở miền Bắc Lào đối với công tác giảm nghèo trong thời gian tới đòi hỏi phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận

động để làm chuyển biến thực sự về nhận thức, tư tưởng của tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và trong toàn thể nhân dân, cần tập trung một số giải pháp chủ yếu sau:

4.2.1.1. Quán triệt sâu sắc nghị quyết, chủ trương giảm nghèo của Đảng, Nhà nước

Các tỉnh ủy từ cấp tỉnh đến cơ sở cần phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm chắc, hiểu rõ chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo.

Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Công tác giảm nghèo là yếu tố quan trọng bảo đảm sự ổn định, phát triển KT-XH theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề của toàn xã hội. Công tác giảm nghèo đòi hỏi phải có sự kết hợp, thống nhất giữa các biện pháp về kinh tế, với chính sách xã hội và giữ vững ổn định chính trị.

Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ rất khó khăn và không thể thực hiện được trong vài tuần, vài tháng, nó đòi hỏi các nguồn lực vật chất và tinh thần to lớn. Chỉ có huy động mọi lực lượng xã hội bằng cả biện pháp kinh tế và xã hội mà tiêu biểu là xã hội hóa phong trào giảm nghèo để cùng với Đảng và Nhà nước tập trung hết sức lực giải quyết giảm nghèo.

4.2.1.2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, cán bộ đảng viên và toàn thể nhân dân về công tác giảm nghèo

Để thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo trong giai đoạn tới, một trong những giải pháp quan trọng của các cấp ủy đảng là phải tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

Công tác tuyên truyền, giáo dục trước hết phải tạo ra sự thống nhất cao trong các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và toàn thể xã hội về các quan điểm, mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ chương trình giảm nghèo. Từ sự thống nhất đó mà

xác định, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện những kế hoạch phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương.

Công tác tuyên truyền, giáo dục phải làm cho bản thân người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo nhận thức và hiểu rõ được nguyên nhân gây nghèo, xuất phát từ các điều kiện KT-XH chứ không phải do số phận. Từ nhận thức đúng sẽ giúp cho người nghèo có niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai, có ý chí, nghị lực vươn lên chiến thắng nghèo. Đây là điều có ý nghĩa quan trọng, vì nó chính là tiền đề và cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực của bản thân người nghèo trong phát triển sản xuất, kinh doanh để vượt qua nghèo.

Thông qua tuyên truyền, giáo dục nhằm làm cho cộng đồng xã hội thấy rõ mục đích, ý nghĩa thiết thực của việc giảm nghèo. Đó không chỉ đơn thuần là công tác xã hội, từ thiện mà là góp phần thúc đẩy kinh tế, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; như câu của Việt Nam hay dùng truyền thống đoàn kết, nhân ái, thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách... Bên cạnh đó cũng nhằm phát huy tính tự giác và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, và toàn cộng đồng xã hội, làm cho phong trào giảm nghèo đạt hiệu quả ngày càng cao và bền vững.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chỉ đạt hiệu quả cao khi thực hiện phải đa dạng về hình thức, bên cạnh đó phải chú trọng về nội dung, trong đó phải tập trung vào việc giới thiệu, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo; phải tăng cường giới thiệu những mô hình tốt, những điển hình hay, những điểm sáng; tổ chức tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm trong công tác giảm nghèo trong và ngoài tỉnh.

4.2.1.3. Tăng cường tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo cho người dân các tỉnh ở miền Bắc Lào

Mục tiêu giảm nghèo là nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, nhưng để vượt qua nghèo thì phải bằng chính sự tự vươn lên của người nghèo, hộ nghèo. Nhà nước, cộng đồng xã hội chỉ có thể tạo điều kiện hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi để người nghèo tiếp cận được với nguồn lực phát triển và có tận dụng được những nguồn lực đó hay không thì còn phụ

thuộc vào chính họ. Vì thế cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức tự lực vươn lên thoát nghèo cho nhân dân ở các tỉnh miền Bắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay.

Thay đổi nhận thức, hành động để người nghèo chủ động vươn lên thoát nghèo là điều được mong đợi nhất trong công cuộc giảm nghèo; là thành quả của quá trình kiên trì tuyên truyền, vận động, thuyết phục giải phóng tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong tư duy của người nghèo, kết hợp cùng những chính sách hỗ trợ giảm nghèo mở ra cánh cửa thoát nghèo. Nâng cao nhận thức cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo hiểu được trách nhiệm của mình, gia đình mình, khơi dậy ý chí tự lực vượt khó, vươn lên thoát nghèo; kịp thời nêu gương, động viên và khen thưởng những hộ thoát nghèo bền vững điển hình, những cá nhân, tập thể, doanh nghiệp có đóng góp cho công tác giảm nghèo trên địa bàn các huyện. Đồng thời phê phán trường hợp lợi dụng chính sách, không có quyết tâm vươn lên trong cuộc sống; xây dựng phong trào đăng ký thoát nghèo trong hộ nghèo...

Để có thể thay đổi được nhận thức trong nhân dân về công tác giảm nghèo, cũng như khơi dậy, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết trong nhân dân thực hiện các mục tiêu giảm nghèo các tỉnh ủy ở miền Bắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động trong nhân dân thực hiện nhất quán các chủ trương, chính sách về giảm nghèo và mục tiêu giảm nghèo. Thông qua hoạt động tuyên truyền, tập huấn về nội dung chương trình giảm nghèo nhân dân được tuyên truyền, phổ biến về các chính sách giảm nghèo, dần dần thay đổi cách nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng; người dân ngày càng chủ động, tích cực tham gia các chương trình giảm nghèo, tiếp thu các kiến thức khoa học - kỹ thuật, chuyển đổi nhiều phương thức sản xuất, mô hình kinh tế có hiệu quả, nắm bắt nhiều thông tin về thị trường để có định hướng đúng trong phát triển sản xuất.

Cụ thể là:

Một là, đa dạng hóa hoạt động truyền thông để giúp người nghèo, đặc

biệt là đồng bào DTTS dễ tiếp cận chính sách giảm nghèo; phổ biến mô hình giảm nghèo có hiệu quả; không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào DTTS phù hợp với bản sắc, văn hóa truyền thống và giá trị văn hóa tiêu biểu của đồng bào DTTS; xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo học nghề, vay vốn giải quyết việc làm tại chỗ để giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo.

Hai là, công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách về giảm nghèo và mục tiêu giảm nghèo cần được các tỉnh ủy ở miền Bắc chỉ đạo sát sao các sở, ngành, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể, chính quyền từ huyện đến cụm bản, bản triển khai thực hiện với nhiều hình thức như tổ chức các hội nghị quán triệt, triển khai các lớp tập huấn, tuyên truyền bằng các phương tiện thông tin đại chúng,... Các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đã đăng tải tin, bài, ảnh thường kỳ về các chủ trương, chính sách về giảm nghèo nhanh và phải bền vững, các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, các tấm gương điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo, công tác giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa; việc thực hiện chế độ chính sách; phản ánh tâm tư, nguyện vọng của người dân, mong muốn được hỗ trợ phương tiện sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất; những khó khăn, vướng mắc trong công cuộc giảm nghèo của các tỉnh...

Mặt khác, các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào cần lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương khuyến khích, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động đối với thanh niên, con em hộ nghèo, cận nghèo; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội, của cán bộ, công chức xã và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm, tham gia xuất khẩu lao động tăng thu nhập; tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu (giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, nước sạch...) tại các khu dân cư, đặc biệt tại vùng nghèo, huyện nghèo nhằm tạo điều kiện cho phát triển KT-XH của cộng đồng dân cư và hộ nghèo thuận lợi, dễ dàng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản để vươn lên thoát nghèo.

Ba là, trong thời gian tới, các tỉnh ủy ở miền Bắc cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về quan điểm, chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, qua đó thay đổi nhận thức, cách nghĩ, cách làm trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa, nội dung, mục tiêu giảm nghèo trong từng giai đoạn. Đẩy mạnh đối thoại giảm nghèo tại cơ sở, tuyên truyền về các tấm gương, điển hình tiên tiến trong thực hiện giảm nghèo, những mô hình giảm nghèo hiệu quả từ đó nâng cao ý thức tự giác thoát nghèo của người nghèo, cận nghèo.

Bốn là, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền làm cho nhân dân nắm được sau khi thoát nghèo thì mình được những cái gì, trước hết đó là các chính sách đầu tư hỗ trợ từ Nhà nước, biết cách sản xuất ra của cải, chi tiêu trong gia đình, có đời sống ấm no, con cái học hành đến nơi đến chốn, để họ thay đổi nhận thức về công tác giảm nghèo là của chính nhân dân, để họ tự giác vươn lên thoát nghèo.

4.2.2. Nhóm giải pháp về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào

4.2.2.1. Đổi mới nội dung

Tỉnh ủy xác định đúng trọng tâm, trọng điểm đề ra nghị quyết, chủ trương đúng đắn về công tác giảm nghèo.

Mục tiêu cơ bản của công tác giảm nghèo giai đoạn 2020 - 2030 là bảo vệ thành quả giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; tạo cơ hội để người nghèo, hộ nghèo ổn định và đa dạng hóa kinh tế, tăng thu nhập, thoát nghèo, vươn lên khá giả, giàu có; tăng cường và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển KT-XH, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân ở các huyện khó khăn; giảm thiểu tình trạng gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị; bảo vệ trẻ em và phụ nữ nghèo, Vì vậy, trọng tâm của công tác giảm nghèo đến 2030 là phải tập trung, tạo điều kiện cho đối tượng nghèo, hộ nghèo vượt lên thoát nghèo. Để đạt mục tiêu đó, các tỉnh ủy phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, những lĩnh vực trọng điểm, đột phá đề ra các nghị quyết, quyết định đúng đắn và kiên quyết lãnh đạo, chỉ

đạo các cấp, các ngành tập trung các nguồn lực đầu tư trọng điểm, đồng bộ nhằm đem lại hiệu quả cao. Trong giai đoạn 2020 - 2030, bên cạnh việc lãnh đạo phát triển toàn diện KT-XH và giảm nghèo, cần ưu tiên tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau:

Một là, lãnh đạo việc rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển KT-XH đến năm 2025 hướng tới năm 2030 để trình Chính phủ phê duyệt. Trong quy hoạch, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, bước đi của các ngành, lĩnh vực trọng yếu. Trên cơ sở quy hoạch được Chính phủ phê duyệt, Tỉnh ủy lãnh đạo Ban cán sự Đảng xây dựng quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực chủ yếu đến năm 2025 hướng tới 2030 như: quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện; quy hoạch phát triển thương mại... trên cơ sở quy hoạch, xúc tiến việc xây dựng các Đề án, cơ chế, quy định để triển khai thực hiện cho từng thời kỳ.

Hai là, lãnh đạo thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tập trung phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng thị trường khu vực vùng sâu, vùng xa, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi với từng bước hình thành các vùng chuyên canh.

Ba là, các Tỉnh ủy lãnh đạo xây dựng và phát triển các vùng kinh tế động lực của tỉnh làm khâu đột phá để khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Hình thành và phát triển hệ thống phân phối hàng hóa, chú trọng đầu tư các chợ đầu mối, chợ chuyên doanh. Quy hoạch và kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại các huyện nhất là 22 huyện nghèo của các tỉnh miền Bắc. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của kinh tế biên giới, tiếp tục đầu tư hạ cơ sở tầng khu vực cửa khẩu quốc tế các tỉnh miền Bắc; đẩy mạnh kêu gọi đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu các tỉnh. Mở rộng hợp tác giao thương với các tỉnh trong cả nước và một số tỉnh, thành thuộc Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan và Myanmar. Cùng với việc chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm về phát triển kinh tế; cần tạo điều kiện để công tác giảm nghèo được phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở những địa bàn khó khăn, huy động được toàn xã hội tham gia.

Bốn là, đối với vùng, các hộ thuộc diện “nghèo” tập trung hỗ trợ người nghèo giải quyết những vấn đề quan trọng nhất với họ như sinh kế, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nâng cao và ổn định thu nhập cải thiện chất lượng đời sống vật chất và đời sống tinh thần của các hộ “nghèo”. Tăng cường hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm bền vững, xoá nhà ở, trường học tạm, cải thiện chế độ dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và điều kiện tiếp cận dịch vụ y tế trong nhân dân. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhân rộng sáng kiến giảm nghèo và khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng thuộc vùng “nghèo”.

Triển khai các mô hình, dự án giảm nghèo vùng “nghèo” nhằm phát triển các vùng sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt; tạo sinh kế, việc làm, thu nhập cho người dân; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, kết nối với thị trường, với doanh nghiệp tiêu thụ bao tiêu sản phẩm đầu ra; ứng phó với dịch bệnh, biến đổi khí hậu.

Tập trung hỗ trợ người nghèo sinh sống trên địa bàn nghèo giảm nhà tạm, nhà dột nát; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa như hạ tầng giao thông, điện, dịch vụ viễn thông; phát triển giáo dục nghề nghiệp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Các tỉnh ủy lãnh đạo các huyện ủy cụ thể hóa nghị quyết của các tỉnh ủy về công tác giảm nghèo

Chủ trương, nghị quyết giảm nghèo của các tỉnh ủy miền Bắc chỉ được thực hiện nghiêm túc, phát huy hiệu quả, khi có sự tập trung và thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các huyện ủy, cụ thể hóa được nghị quyết. Việc chỉ đạo của các tỉnh ủy cần hướng vào việc quán triệt nghị quyết, chỉ thị sâu rộng đến các cấp ủy cơ sở, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn và toàn thể cán bộ, đảng viên để thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình; căn cứ điều kiện cụ thể của từng nơi, vận dụng triển khai cụ thể hóa giảm nghèo trên địa bàn huyện, thành ủy của mình. Các huyện ủy, Thành ủy phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc xây dựng quy hoạch phát triển KT-XH ở địa phương, rà soát, đào tạo đội ngũ cán bộ để có đủ năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm

nghèo. Quá trình triển khai phải quan tâm công tác kiểm tra của tổ chức đảng, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò kiểm tra của cộng đồng. Kiên quyết xử lý những vi phạm đối với đảng viên, cán bộ có dấu hiệu vi phạm trong thực thi nhiệm vụ. Giao chỉ tiêu giảm nghèo cụ thể cho cấp huyện, cấp huyện căn cứ chỉ tiêu xây dựng kế hoạch giảm nghèo, giải quyết việc làm hàng năm, giao nhiệm vụ chỉ tiêu, giảm nghèo, giải quyết việc làm tới từng tổ dân phố để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Cùng với lãnh đạo các huyện ủy, cụ thể hóa nghị quyết của các tỉnh ủy về phát triển KT-XH, giảm nghèo, các tỉnh ủy miền Bắc cần tiếp tục đẩy mạnh việc phân công các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tăng cường giúp các huyện khó khăn, trực tiếp giúp huyện thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh ủy.

4.2.2.2. Chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo công tác giảm nghèo

Một là, tiếp tục đổi mới việc ban hành nghị quyết, chương trình hành động cho toàn đảng bộ và các tổ chức trong hệ thống chính trị, các lực lượng xã hội thực hiện.

Các Tỉnh ủy phải chủ động, kịp thời xây dựng quan điểm, chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy về công tác giảm nghèo cho phù hợp với điều kiện cụ thể của các địa phương. Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Công tác giảm nghèo là yếu tố quan trọng bảo đảm sự ổn định, phát triển KT-XH theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề của toàn xã hội. Công tác giảm nghèo đòi hỏi phải có sự kết hợp, thống nhất giữa các biện pháp về kinh tế, với chính sách xã hội và giữ vững ổn định chính trị. Công tác giảm nghèo là nhiệm vụ rất khó khăn và không thể thực hiện được trong vài tuần, vài tháng, nó đòi hỏi các nguồn lực vật chất và tinh thần to lớn. Chỉ có huy động mọi lực lượng xã hội bằng cả biện pháp KT-XH mà tiêu biểu là xã hội hóa phong trào giảm nghèo để cùng với Đảng và Nhà nước tập trung hết sức lực giải quyết giảm nghèo. Trên cơ sở đánh giá, tổng kết công tác giảm nghèo và chủ trương, nghị quyết của BCH Đảng bộ các tỉnh đề ra. Các tỉnh ủy phải kịp thời đề ban hành

ng nghị quyết chuyên đề về công tác giảm nghèo ngay từ đầu nhiệm kỳ để xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện công tác giảm nghèo cho cả giai đoạn. Trên cơ sở đó, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp phải quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể; UBND các tỉnh phải kịp thời để xây dựng Đề án về giảm nghèo của tỉnh mình, chỉ đạo các đơn vị, địa phương để xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng chương trình, chính sách, dự án kịp thời, có hiệu quả gắn với kế hoạch phát triển của các tỉnh miền Bắc trong từng năm, từng giai đoạn.

Các tỉnh uỷ ở miền Bắc Lào cần xem xét một số chủ trương, tạo cơ chế thực hiện công tác giảm nghèo của tỉnh mình đạt được hiệu quả cao. Để tạo quý đất, giao cho các hộ nghèo, các đồng bào DTTS để sản xuất, ổn định cuộc sống, phải cần có những chủ trương để tiến hành rà soát, phải sắp xếp lại các nông - lâm trường, các công ty lâm nghiệp làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ để thu hồi diện tích đất sử dụng không có hiệu quả hoặc sử dụng không đúng mục đích, phải thu hồi giao cho địa phương quản lý, làm thủ tục giao đất cho các hộ thiếu đất để ổn định sản xuất.

Hai là, các tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa, chủ trương của các tỉnh uỷ ở miền Bắc Lào về công tác giảm nghèo.

Quá trình cụ thể hóa không nhất thiết tỉnh uỷ có nghị quyết mà tập trung vào chương trình hành động, ban hành các quyết định của chính quyền, kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể và giao nhiệm vụ rõ ràng cho các ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể ở địa phương, cơ sở. Thành lập BCD giảm nghèo, phân công các thành viên phụ trách địa bàn các huyện, khu vực. Về cơ chế chính sách, hỗ trợ, huy động thêm nguồn lực ở địa phương, lồng ghép các chương trình phát triển KT-XH trên địa bàn ngoài; phát huy vai trò của toàn xã hội, cộng đồng dân cư vào công tác giảm nghèo ở địa phương, cơ sở.

Nhiệm vụ các sở, ngành ở các tỉnh phải được phân công rõ ràng: cơ quan thường trực BCD của tỉnh uỷ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan. Chính quyền cấp huyện, xây dựng kế hoạch giảm nghèo, hướng dẫn tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết

quả. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm đề xuất cân đối các nguồn vốn, lồng ghép các chương trình phát triển KT-XH khác với kế hoạch giảm nghèo. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước. Sở Nông - Lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân gắn với việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo và giải quyết việc làm ở vùng nông thôn. Các sở, ban, ngành liên quan khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, lồng ghép các chương trình của ngành với chương trình giảm nghèo.

Ba là, đổi mới công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động các tổ chức trong hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện công tác giảm nghèo.

Không ngừng đổi mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức để các hộ nghèo hiểu rõ ý nghĩa, mục tiêu, chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các hộ nghèo, không trông chờ, ỷ lại. Thương xuyên sâu sát cơ sở, gần dân, sát dân, tăng cường đối thoại lắng nghe và kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc, những nguyện vọng chính đáng của người dân. Phải nâng cao nhận thức của hộ nghèo để hộ có trách nhiệm vươn lên thoát nghèo, phải tạo điều kiện để hộ nghèo phát huy nội lực, có ý chí vươn lên, tích cực tham gia học nghề, vay vốn sản xuất, chăm chỉ lao động... Kiên quyết không để xảy ra tình trạng tái nghèo hoặc phát sinh hộ nghèo mới. Kịp thời nêu gương, động viên, khen thưởng kịp thời những hộ nghèo điển hình trong việc tự lực vươn lên thoát nghèo, phát triển kinh tế bền vững; mở rộng sự tham gia của người vào các hoạt động hỗ trợ giảm nghèo như: điều tra khảo sát, xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra và đánh giá... Phải coi trọng, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo ở vùng có nhiều DTTS trong việc vận động nhân dân các dân tộc Lào tích cực lao động sản xuất, thanh niên tham gia các thị trường lao động trong nước và nước ngoài,

thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm trong từng gia đình và trong lễ hội, phải khuyến khích thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Bốn là, Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể trong thực hiện công tác giảm nghèo.

Phát huy vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể sẽ tạo sức mạnh tổng hợp thực hiện có hiệu quả Nghị quyết giảm nghèo. Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể nhân dân các cấp cần phối hợp với chính quyền, các sở, ban, ngành liên quan, xây dựng chương trình, kế hoạch, sáng kiến cụ thể, sát với thực tiễn để tổ chức tốt việc vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy. Đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền, vận động để vừa thực hiện các chủ trương có hiệu quả, vừa phát huy tính tự lực, tự cường, năng động vươn lên của người nghèo.

Các tỉnh ủy cần lãnh đạo Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể đẩy mạnh các phong trào, các cuộc vận động, như: “Ngày vì người nghèo”, “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”; các cuộc vận động như “Xây dựng nhà đại đoàn kết”, “Xây dựng bản văn hóa ở các huyện”, “Xây dựng bản phát triển”. Đẩy mạnh tổ chức các hình thức trợ giúp người nghèo: hỗ trợ xây dựng nhà “đại đoàn kết”. Vận động các hội viên, đoàn viên nòng cốt, có kinh nghiệm, có kiến thức, hướng dẫn, hỗ trợ vốn, kỹ thuật cho người nghèo; xây dựng tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống lúc khó khăn, hoạn nạn. Phát huy vai trò của Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Công đoàn trong việc tín chấp cho hộ nghèo vay vốn, tín dụng cho hội viên, đoàn viên giúp nhau làm kinh tế; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nghèo.

Các Tỉnh ủy ở miền Bắc Lào phải phát huy vai trò của Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các tổ chức đoàn thể kiểm tra các hoạt động chỉ đạo của tỉnh ủy, điều hành của chính quyền tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo. tỉnh ủy cần cụ thể hóa, có quy chế, quy định để Mặt trận Lào xây dựng đất nước, các đoàn thể tham gia kiểm tra có hiệu quả trong giảm nghèo.

Phát huy vai trò của Ban Tuyên huấn (Ban Tuyên giáo) tỉnh ủy hướng dẫn, tổ chức triển khai quán triệt và tuyên truyền sâu rộng trong đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo đến năm 2030, các chủ trương, chính sách có liên quan và các nội dung trên. Định hướng các cơ quan báo chí tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo.

Các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo. Đổi mới, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Toàn xã hội phải chung tay giúp đỡ người nghèo”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo, tăng cường cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hoá... Hướng dẫn các huyện, cụm bản và bản xây dựng mô hình nhóm sản xuất hàng hoá, tổ hợp tác, tổ tự quản, hộ gia đình thoát nghèo, sản xuất giỏi, làm kinh tế giỏi tiêu biểu. Khuyến khích các doanh nghiệp giúp đỡ các huyện nghèo, bản nghèo; vận động các hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo; xây dựng, nhân rộng các mô hình tốt, sáng kiến hay về giảm nghèo.

Năm là, đổi mới công tác kiểm tra việc thực hiện công tác giảm nghèo của các cấp ủy Đảng, tổ chức đảng và việc sử dụng công quỹ giảm nghèo.

Kiểm tra quá trình thực hiện giảm nghèo của các cấp ủy, tổ chức đảng là khâu quyết định thành công quá trình lãnh đạo của các tỉnh ủy. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải chủ động, thường xuyên, đa dạng và linh hoạt, gắn kiểm tra của tổ chức đảng với tự kiểm tra của quần chúng, cộng đồng. Kiểm tra thực hiện giảm nghèo của các cấp ủy cần tập trung vào nội dung trọng tâm sau:

Kiểm tra việc cụ thể hóa nghị quyết của cấp ủy đảng thông qua việc

xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, các bước đi, cách thức tiến hành, cách làm và các biện pháp triển khai của chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo nghị quyết của cấp ủy đảng.

Kiểm tra trách nhiệm của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Lào xây dựng đất nước và các đoàn thể trong việc phân công đảng viên, cán bộ, đoàn viên, hội viên theo dõi, giúp đỡ hộ đăng ký thoát nghèo.

Kiểm tra sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong vận động gia đình, lối xóm tích cực tham gia phát triển kinh tế để giảm nghèo.

Kiểm tra việc tiếp cận các chính sách, các dịch vụ xã hội trợ giúp cho người nghèo vươn lên thoát nghèo.

Kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án, công quỹ đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo và các chính sách hỗ trợ người nghèo nhằm đảm bảo việc đầu tư có hiệu quả, việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả, việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, sử dụng đúng mục đích, đạt hiệu quả cao nhất, tránh tình trạng bình quân, dàn trải, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy và tổ chức đảng là một trong những giải pháp quan trọng trong lãnh đạo thực hiện giảm nghèo của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc Lào. Trong quá trình thực hiện, công tác kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng phải đạt được hai mục tiêu: một là phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, những dấu hiệu vi phạm; hai là, phát hiện những nhân tố mới, mô hình mới để phát huy, động viên, nhân rộng.

Đẩy mạnh công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm

Đẩy mạnh sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm của các cấp ủy đảng trong công tác giảm nghèo hiện nay không chỉ là cơ sở cung cấp thực tiễn sinh động để nâng tầm lý luận, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng cường kinh tế và công bằng xã hội, mà còn là điều kiện tiên quyết cung cấp các cơ sở khoa học để các cấp ủy đảng xác định chiến lược, chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Vì vậy, trong quá trình tiến hành sơ kết, tổng kết,

các cấp ủy đảng cần quan tâm một số nội dung sau:

Một là, tập trung đánh giá những mặt làm được, chưa được, những tồn tại, hạn chế và tìm ra nguyên nhân chủ quan, khách quan trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo để rút ra những kinh nghiệm thực tiễn làm cơ sở chỉ đạo tiếp theo.

Hai là, phát hiện những bất hợp lý về cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung những chính sách thuộc cấp mình quản lý, kiến nghị, đề xuất những chính sách thuộc cấp trên ban hành.

Ba là, phát hiện những bất cập, chưa hợp lý, những vướng mắc trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện chương trình, tìm ra những giải pháp đồng bộ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy thực hiện thắng lợi các mục tiêu nghị quyết đề ra.

Bốn là, phát hiện những điển hình, nhân tố mới, những cách làm hay để phát huy nhân rộng.

Việc sơ kết, tổng kết cần được tiến hành theo định kỳ, thường xuyên, cần được tiến hành từ dưới lên, tức là từ cơ sở. Những kinh nghiệm đúc kết được cần phổ biến rộng rãi trong cấp ủy, trong tổ chức đảng. Cần tổ chức nghiên cứu trao đổi kỹ những kinh nghiệm thành công và những kinh nghiệm chưa thành công trong lãnh đạo phát triển kinh tế, giảm nghèo để từ đó rút ra, phương hướng, biện pháp phát huy những kinh nghiệm thành công và khắc phục những yếu kém trong lãnh đạo phát triển kinh tế, giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào.

4.2.3. Nhóm giải pháp về tổ chức, cán bộ

4.2.3.1. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ trực tiếp, thường xuyên thực hiện công tác giảm nghèo

Hàng năm, kiện toàn và tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ các bộ làm công tác giảm nghèo các cấp trong các tỉnh, đặc biệt quan tâm cán bộ cấp huyện, cụm bản; chương trình, nội dung phương pháp đào tạo cho cán bộ làm công tác giảm nghèo và cán bộ trợ giúp pháp lý cho người nghèo cần phù hợp

với yêu cầu đang đặt ra trong thực tiễn công tác giảm nghèo; nội dung đào tạo phải tập trung vào nâng cao nhận thức, kỹ năng tổ chức thực hiện các chính sách, dự án về giảm nghèo ở cơ sở, phương pháp huy động sự tham gia của nhân dân các dân tộc Lào; huy động nguồn lực ở cộng đồng; thu thập thông tin và xử lý thông tin; cán bộ làm công tác giảm nghèo cần được nâng cao kiến thức và kỹ năng sư phạm để tập huấn cho nhân dân, vận động cộng đồng.

Nhìn chung, các đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào hiện nay đang ở trong tình trạng vừa thiếu lại vừa yếu, nhất là ở tuyến cơ sở. Vì trình độ có hạn lại phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên họ không thể hoàn thành được tốt công việc khó khăn, vất vả này. Hướng tới các tỉnh cần phải thành lập đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo chuyên trách, bán chuyên trách từ cấp cụm bản trở lên, thường xuyên mở các lớp tập huấn về chuyên môn để hoạt động của đội ngũ này ngày một chuyên nghiệp và có hiệu quả hơn. Các tỉnh uỷ cũng cần có chính sách khuyến khích, đãi ngộ hợp lý cho những người làm công tác giảm nghèo.

4.2.3.2. Chú trọng và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Bắc

Trong chiến lược phát triển KT-XH lâu dài của các tỉnh ở miền Bắc Lào, cần xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác giảm nghèo, nhất là đối với cấp huyện, cụm bản. Bởi vì những hoạt động này rất cần có những kỹ năng và kinh nghiệm, sự am hiểu sâu về chuyên môn và các kiến thức cần luôn được bổ sung và hoàn thiện theo kịp xu thế vận động xã hội. Cấp quản lý càng cao càng đòi hỏi có những chuyên gia giỏi ở lĩnh vực này. Ở cấp cơ sở cần tổ chức các nhóm công tác hỗn hợp từ 3 đến 5 người, ít nhất có chuyên môn chuyên ngành nông - lâm - ngư - nghiệp, những cán bộ này sẽ trực tiếp chỉ đạo từ 3 - 5 cụm bản trong hạn 2 - 5 năm, tùy theo yêu cầu điều kiện thực tế của địa bàn.

Đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức cho cán bộ làm chương trình giảm nghèo. Chú trọng vấn đề phát triển nguồn nhân lực trong các chương trình, dự án đầu tư phát triển để giải quyết

giảm nghèo, nó thực sự gắn với việc nâng cao mặt bằng dân trí. Cần dành tỷ lệ ngân sách thích đáng cho các hoạt động tập huấn tham quan, thông tin quảng bá, đào tạo cán bộ địa phương. Phát triển nguồn nhân lực cấp cơ sở phải đi trước một bước các hoạt động đầu tư. Đây là sự chuẩn bị cần thiết bảo đảm điều kiện thuận lợi trong tiến trình và thành công của các chương trình dự án.

Chương trình giảm nghèo cũng đặt ra nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở cấp bản. Đây là công việc hết sức cần thiết. Cần chú trọng đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ các ngành, các cấp liên quan có đủ khả năng và kiến thức để phục vụ cho việc hoạch định, quản lý và thực thi chương trình giảm nghèo.

Các tỉnh cần xây dựng một chương trình đào tạo quy mô và đồng bộ ở tất cả các cấp từ tỉnh đến huyện, cụm bản về công tác giảm nghèo để đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới cũng như sự chuyển biến của cơ chế quản lý. Chú trọng xây dựng phong cách làm việc cho cán bộ gắn với quá trình mở rộng dân chủ trong đời sống KT-XH. Khắc phục dần tư tưởng xa dân, quan liêu và cục bộ, mầm mống của sự vô trách nhiệm và tham nhũng đã, đang nảy sinh hiện nay.

4.2.3.3. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích người có đức, có tài tham gia vào các tổ chức, cơ quan thực hiện công tác giảm nghèo

Để đảm đương được công việc, các BCD giảm nghèo cần bố trí đủ những cán bộ có trình độ năng lực, có kinh nghiệm và lòng nhiệt tình. Thực tiễn cho thấy đội ngũ các bộ thực hành là hết sức quan trọng, là nhân tố quyết định sự thành công của chương trình. Chỉ có cán bộ có trình độ năng lực, có kinh nghiệm và có tâm huyết mới chủ động đề xuất, tổ chức triển khai theo chương trình kế hoạch đúng mục tiêu và đảm bảo tiến độ thời gian.

Để khuyến khích những cán bộ thực sự có đức, có tài, các tỉnh ủy cần có chế độ, chính sách thu hút người tài về công tác tại tỉnh. Đây chính là điều kiện quan trọng để nâng cao nguồn nhân lực của tỉnh. Cùng với đó phải tạo ra môi trường làm việc để đội ngũ này thật sự sáng tạo, chủ động trong việc đề xuất, tham mưu và thực hiện các chính sách, chiến lược giảm nghèo của tỉnh. Kịp thời biểu dương, khích lệ những cá nhân có nhiều đóng góp thiết thực,

hiệu quả cho chương trình giảm nghèo. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả thực hiện công tác giảm nghèo, cần có các giải pháp đối với cán bộ làm công tác giảm nghèo như sau:

Một là, quan tâm chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là người DTTS để nâng cao trình độ một cách toàn diện về chính trị, học vấn, chuyên môn, năng lực lãnh đạo phục vụ cho việc thực hiện chính sách giảm nghèo.

Hai là, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo các cấp cho phù hợp với năng lực, trình độ, nhất là ở cơ sở, đảm bảo đủ trình độ, năng lực để lãnh đạo. Xây dựng đội ngũ điều tra viên có chuyên môn thực hiện tốt công tác điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo chính xác, xác định rõ nguyên nhân nghèo để có giải pháp phù hợp.

Ba là, tăng cường nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp huyện, đặc biệt là huyện nghèo có tỷ lệ hộ nghèo DTTS cao; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo cấp huyện, quy định rõ trách nhiệm, không chồng chéo và trùng lặp.

Bốn là, bổ sung ngân sách doanh cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực giảm nghèo. Để nâng cao nguồn lực và có hiệu quả cho công tác đào tạo thì cần phối hợp, lồng ghép với nhiều chương trình, dự án đào tạo như: dự án nâng cao năng lực giảm nghèo, đề án đào tạo nghề theo quyết định số 186/TTg, tập huấn Chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân... Theo cách này không chỉ giúp cải thiện các nguồn lực cho nâng cao năng lực mà còn đa dạng hoá các hình thức, nội dung đào tạo, tập huấn. Bên cạnh đó, để thúc đẩy vai trò và sự tham gia của người dân, cần gắn với việc ban hành các hướng dẫn, các tổ chức thực hiện và các hoạt động đào tạo, tập huấn cho cộng đồng tại các bản (làng).

Năm là, nâng cao năng lực và phát huy vai trò, vị trí của cán bộ làm công tác giảm nghèo, cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Trước hết cần nâng cao năng lực và tăng cường vai trò của ban chỉ đạo các cấp trong việc kiểm tra thực hiện các chương trình giảm nghèo tại cơ sở, Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo phải trở thành trung tâm

thông tin về giảm nghèo gắn với vai trò là cơ quan tham mưu cho UBND cùng cấp về công tác giảm nghèo. Cán bộ cấp huyện phải am hiểu về đặc điểm văn hoá, lối sống, phong tục, tập quán sản xuất, điều kiện tự nhiên của từng vùng, từng dân tộc... để làm tốt việc tuyên truyền, vận động, nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Ngoài ra, để nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ làm công tác giảm nghèo, ngoài các quy định của Trung ương thì địa phương cần phải có chính sách đặc thù như: luân chuyển đối với cán bộ công chức, thu hút trí thức trẻ, cán bộ kỹ thuật về công tác ở cấp huyện vùng DTTS, miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, để giúp cơ sở thực hiện tốt hơn nhiệm vụ phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở địa phương, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho công chức ở huyện nói chung và cán bộ làm công tác giảm nghèo về quản lý Nhà nước nói riêng, phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất nông - lâm nghiệp, khuyến nông khuyến lâm, các kỹ năng cho cán bộ trẻ (tuyên truyền, vận động, tổ chức nhóm).

4.2.4. Nhóm giải pháp về xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ

4.2.4.1. Lãnh đạo phát triển đường giao thông

Các tỉnh miền Bắc muốn rút ngắn được khoảng cách giữa các vùng, miền để phục vụ cho công tác giảm nghèo thì phải phát triển mạng lưới giao thông. Đối với các vùng sâu, vùng xã, vùng biên giới các tỉnh cần có chính sách đặc biệt để xây dựng tuyến đường nối với trục giao thông chính, nâng cấp các tuyến đường đã xuống cấp. Cần cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường nội huyện, cụm bản và bản vốn đầu tư chủ yếu là do dân đóng góp, phần còn lại Nhà nước hỗ trợ dưới dạng vật tư thiết yếu như: xi măng, sắt thép. Ưu tiên đầu tư vào các tuyến đường chưa thông xe 2 mùa.

Cải tạo nâng cấp các tuyến đường liên bản, nối bản, cụm bản với huyện và các trục giao thông chính nhất là các huyện nghèo. Nhà nước hỗ trợ phần lớn vật tư thiết yếu, chi phí máy thi công, công máy san ủi, phần còn lại huy động tại địa phương.

Để huy động được nhiều hơn có hiệu quả hơn các nguồn vốn đã có thì

cần phải lồng ghép, hợp nhất các nguồn vốn từ chương trình xây dựng cụm bản phát triển, chương trình xây dựng phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân và chương trình phát triển KT-XH... Công khai khả năng tham gia của người dân ở các huyện nghèo, bản nghèo và cộng đồng người nghèo để lựa chọn và quyết định quy mô xây dựng cải tạo, nâng cấp đường giao thông dựa trên nguồn vốn huy động được và nguồn lực hỗ trợ của tỉnh.

4.2.4.2. Lãnh đạo phát triển thủy lợi phục vụ sản xuất, trồng trọt

Thủy lợi là một trong những công trình thiết thực nhất góp phần phát triển kinh tế của các huyện nhất là huyện nghèo. Nhìn chung các công trình thủy lợi đã xây dựng đều phát huy được hiệu quả. Do vậy, trong thời gian tới cần phải phát triển nhiều hơn nữa các công trình thủy lợi, nhất là ở các huyện có nhiều diện tích lúa nước, hoa màu, nuôi trồng thủy sản. Đối với huyện không có công trình thủy lợi phục vụ tưới hoặc đã bị xuống cấp, các tỉnh cần dùng ngân sách hỗ trợ đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp. Đối với các huyện nghèo nằm gần công trình thủy lợi lớn, tỉnh xây dựng hệ thống kênh dẫn từ công trình lớn tạo nguồn nước, hỗ trợ vật tư cùng nhân dân xây dựng hệ thống kênh nội đồng. Tiếp tục tập trung đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ cho các bản nghèo, vùng nghèo. Thực hiện thu thủy lợi phí đối với các công trình do Nhà nước tạo nguồn nước. Xây dựng cơ chế quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương, có sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý và duy trì hoạt động lâu dài của các công trình thủy lợi nhỏ trong nội huyện.

4.2.4.3. Lãnh đạo phát triển mạng lưới điện cho các huyện, bản nghèo

Có hệ thống điện lưới tới các huyện nói chung và các huyện nghèo nói riêng sẽ góp phần quan trọng vào việc thay đổi đời sống kinh tế, văn hóa ở các vùng nói chung, nhất là các vùng sâu, vùng xa. Đối với những huyện nghèo, bản nghèo có khả năng nối lưới, các tỉnh cần hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng mới đường dây tải điện để nối điện lưới quốc gia theo cơ chế: Nhà nước đầu tư đường dây cao thế và công tơ tổng, phần còn lại huy động nhân dân cùng góp vốn để xây dựng đường hạ thế và kéo điện vào từng nhà. Đối với những huyện, cụm bản và

bản không có khả năng nối lưới, Nhà nước hỗ trợ vốn hoặc cho vay vốn tín dụng ưu đãi để nhân dân tự làm các công trình cấp điện tại chỗ như: thủy điện nhỏ, máy phát điện gia đình, liên gia đình sử dụng các loại năng lượng khác (năng lượng mặt trời, gió tự nhiên). Đối với các hộ gia đình thuộc diện khó khăn, Nhà nước sẽ hỗ trợ thêm một phần kinh phí để nối điện từ nguồn chung vào đến nhà và lắp đặt đường dây trong nhà.

4.2.4.4. Tiếp tục lãnh đạo việc đầu tư xây dựng trường học, trạm y tế, trung tâm văn hóa

Đầu tư xây dựng trường học, trạm y tế, trung tâm cụm bản, nhà văn hóa, bưu điện huyện sẽ góp phần tích cực vào việc giúp cho người dân nâng cao dân trí, cải thiện sức khỏe và có điều kiện để tiếp cận thông tin thị trường. Do đó, trong thời gian tới các tỉnh miền Bắc nên tập trung giải quyết vấn đề này như sau:

Một là, cần phải tiếp tục xây dựng, sửa sang trường học ở các bản nghèo, nhất là phòng học nhà trẻ, mẫu giáo. Giúp cho trẻ em được nuôi dạy hợp lý, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, phát triển trí lực và được đi học đúng tuổi.

Hai là, một số cụm bản đã có nhân viên y tế nhưng chưa có trạm xá, tỉnh ủy cần phải tạo điều kiện hỗ trợ cho các cụm bản này xây dựng trạm xá cụm bản. Các cụm bản nên thành lập tủ thuốc nhân dân, để người nghèo có cơ hội chữa bệnh tại chỗ đối với các bệnh thông thường và giảm tải cho các tuyến y tế cấp trên.

Ba là, tiếp tục xây dựng một số cụm bản huyện với các tụ điểm văn hóa như nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng, bưu điện làm nơi vui chơi giải trí cho người dân nói chung và người nghèo nói riêng.

4.2.4.5. Các tỉnh ủy ở miền Bắc lãnh đạo giải quyết tốt vấn đề xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội

Tỉnh ủy phải thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Từng bước nâng cao chất lượng và ổn định quy mô dân số; thực hiện tốt các chính sách để mọi người dân đều được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu,

giảm tỷ lệ mắc bệnh, không để dịch bệnh COVID-19 xảy ra trên diện rộng; phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế từ tuyến huyện đến tuyến tỉnh; quản lý sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Quan tâm đến chất lượng cuộc sống của nhân dân, đặc biệt là nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, người già neo đơn, trẻ em mồ côi, người tàn tật, để những đối tượng này có điều kiện vươn lên trong cuộc sống. Thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, xây dựng xã hội lành mạnh, hạn chế thấp nhất các tệ nạn xã hội. Tập trung giải quyết tốt tranh chấp, khiếu nại của công dân, hạn chế khiếu kiện vượt cấp kéo dài. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, đẩy lùi tai nạn giao thông.

Công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào phải góp phần tích cực vào việc điều hòa lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân nhằm bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, giảm dần sự cách biệt giàu nghèo, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong tỉnh. Mặt khác, các chính sách giảm nghèo phải làm đòn bẩy kích thích tính tích cực của lợi ích cá nhân, chuyển lợi ích cá nhân thành động lực trực tiếp của sự phát triển, có như vậy mới làm cho công tác giảm nghèo góp phần làm cho xã hội ổn định và phát triển.

Mục tiêu của công tác giảm nghèo phải thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, nhằm phát huy sức mạnh của mỗi con người và vì con người, mang lại quyền lợi cho con người... gắn liền phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất với đời sống tinh thần. Thực hiện nguyên tắc công bằng trong xã hội không có nghĩa là thực hiện chủ nghĩa bình quân trong việc phân chia các nguồn lực và của cải. Công bằng xã hội trước hết là công bằng trong phân phối lợi ích, nó xa lạ với chia đều, cào bằng, bình quân. Đây là vấn đề rất phức tạp trong thực hiện giảm nghèo, do đó cấp ủy các cấp cần phải hết

sức chú ý trong quá trình thực hiện. Thực hiện công bằng xã hội trong giảm nghèo phải vươn tới điều cơ bản hơn là phải tạo công bằng về cơ hội phát triển cho tất cả mọi người nghèo. Nhưng nếu dồn mọi nguồn lực cho thực hiện giảm nghèo vượt quá khả năng thực tế mà tỉnh có được thì sẽ rơi vào ảo tưởng, không thực hiện được và làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các tỉnh, khiến cho nền kinh tế bị trì trệ và rốt cuộc cũng không thực hiện được các giải pháp giảm nghèo theo hướng công bằng. Do đó trong mỗi bước đi, mỗi thời điểm cụ thể, các tỉnh ủy phải xác định đúng mức độ hợp lý giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, sao cho hai mặt này không cản trở và triệt tiêu lẫn nhau mà hỗ trợ cho nhau, trở thành tiền đề của nhau. Có như vậy mới có thể nâng cao chất lượng hoạt động của công tác giảm nghèo trên địa bàn các tỉnh ở miền Bắc Lào.

4.2.4.6. Lãnh đạo thực hiện tốt các chính sách ưu đãi tín dụng, chính sách hỗ trợ đất sản xuất, vốn; hỗ trợ đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ y tế

Các Tỉnh ủy ở miền Bắc thực hiện tốt chính sách ưu đãi tín dụng cho hộ nghèo

Các hộ nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào do thiếu vốn hoặc không có vốn để sản xuất kinh doanh chiếm tỷ lệ đến 38%, vì thế ưu đãi tín dụng cho người nghèo, hộ nghèo là chính sách chủ yếu và có hiệu quả để người nghèo vươn lên thoát nghèo.

Mục đích của tín dụng ưu đãi người nghèo, hộ nghèo là giúp người nghèo, hộ nghèo có điều kiện sản xuất, kinh doanh. Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả, khi vay người nghèo phải có phương án sản xuất kinh doanh, tùy theo phương án mà ngành xây dựng phát triển nông thôn và giảm nghèo, tổ chức tín dụng xem xét cho vay vốn với số lượng và thời gian phù hợp. Đồng thời phải gắn tín dụng với khuyến nông, khuyến lâm, đào tạo nghề để tạo phương án làm ăn hiệu quả. Mở rộng mạng lưới quỹ tiết kiệm và có chính sách cụ thể huy động nguồn vốn nhân rỗi trong dân, nguồn vốn đầu tư

của các thành phần kinh tế khác để tạo thêm nguồn vốn cho vay ở nông thôn. Tăng cường cải tiến tổ chức, phương hướng hoạt động của ngân hàng phục vụ người nghèo và các quỹ tín dụng nhân dân.

Hoàn thiện quy trình cho vay, thủ tục vay, với cơ chế “một cửa” giúp người nghèo vay vốn được dễ dàng. Chú trọng việc cho vay trung hạn, dài hạn để phù hợp với chu kỳ sản xuất.

Thực hiện chính sách tín dụng phù hợp với các đối tượng chính sách, tạo điều kiện cho người nghèo, người cô đơn, người bị rủi ro, hoạn nạn có nhu cầu được vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý, kịp thời đúng thời vụ sản xuất. Trước mắt vẫn áp dụng chính sách lãi suất thấp cho người nghèo, về lâu dài sẽ chuyển dần sang khả năng tiếp cận của người nghèo với hệ thống tín dụng chính thức thông qua đơn giản hóa thủ tục gắn với hướng dẫn cách thức hiện hơn là áp dụng các chế độ ưu đãi về lãi suất như hiện nay.

Các Tỉnh ủy ở miền Bắc Lào lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo

Tập trung giải quyết dứt điểm việc hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nhân dân nhất là cho hộ người DTTS theo Quyết định số 86/2011/ TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình thực hiện cần rà soát lại quỹ ở địa phương để có những phương án hợp lý.

Đất là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc nâng cao sản lượng nông nghiệp bình quân đầu người. Ở các tỉnh miền Bắc, phần lớn đất nông nghiệp chỉ trồng được 2 vụ/năm. Với diện tích đất nông nghiệp như vậy cùng khu vực công nghiệp và dịch vụ không phát triển đã dẫn đến tình trạng thiếu việc làm nghiêm trọng ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc giảm nghèo và gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Cho nên, những giải pháp quản lý và sử dụng đất đai của các tỉnh miền Bắc Lào trong thời gian tới là:

Một là, quy hoạch và sử dụng đất đai có hiệu quả. Điều chỉnh thu hồi đất không sử dụng để giao cho hộ nghèo thiếu đất. Đây là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào.

Hai là, trong khi chưa có điều kiện để phát triển ngành nghề phụ, thì cần có biện pháp tổ chức khai hoang, phục hoá diện tích đất chưa sử dụng của các tỉnh ở miền Bắc Lào để tăng thêm quỹ đất cho sản xuất nông nghiệp.

Ba là, vận động hộ nông dân nghèo thiếu đất di chuyển định cư ở vùng đất mới, nhưng cần nghiên cứu kỹ ở vùng sắp khai hoang và có các biện pháp hướng dẫn kỹ thuật canh tác cho phù hợp và hỗ trợ các hộ đi khai hoang về tư liệu sản xuất để tạo việc làm cho các hộ này, giúp các hộ ổn định cuộc sống bám đất, phát triển bản mới.

Chính sách cấp vốn trọn gói kinh phí giảm nghèo cho các địa phương các tỉnh ở miền Bắc Lào

Việc cấp vốn trọn gói cho chương trình này nhất thiết phải đi kèm với hệ thống các hướng dẫn thống nhất trong quản lý Nhà nước về nguồn lực đầu tư; nhất là quan tâm các chương trình, dự án và các quy định về lồng ghép, các danh mục đầu tư đủ tiêu chuẩn, khả thi; những danh mục được phép hoặc không được phép sử dụng nguồn vốn cấp trọn gói cho chương trình; phạm vi được phép chi cho từng loại hoạt động nhất định, nên khuyến khích cấp tỉnh phân cấp trách nhiệm và hoạt động giảm nghèo xuống cho cấp huyện, bản một cách phù hợp.

*** Đối với bản**

Bản là đơn vị trực tiếp tham gia vào các hoạt động và quyết định sự thành công của dự án. Đây là cấp đưa ra được những lựa chọn cuối cùng cho các hoạt động phù hợp tại địa phương.

Tăng quyền tự chủ về quản lý tài chính nhiều hơn đối với các hoạt động đầu tư sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, vay vốn tạo việc làm, xây dựng các công trình nước sạch vệ sinh môi trường, thực hiện công khai dân chủ bản bạc, kiểm tra quản lý và đánh giá. Tổ chức hình thức tự quản ở các bản, nhóm hộ gia đình và tiến hành kiểm tra chéo, xây dựng các quy ước quản lý cộng đồng thông qua hoạt động của ban quản lý bản. Đẩy mạnh quá trình hình thành và xây dựng các hình thức, tổ chức hợp tác, phù hợp theo điều kiện và mức độ của từng nơi. Bản là đơn vị triển khai các hoạt động sản xuất và đời

sống cho người dân.

Ban quản lý cấp bản được thành lập để thống nhất kế hoạch hoạt động và trợ giúp cho chính quyền, triển khai các hoạt động hội thảo, tập huấn, quản lý và kiểm tra tài chính, báo cáo và đánh giá các hoạt động, kiến nghị lên trên hoặc giải quyết những vướng mắc cho người dân một cách kịp thời.

*** Đối với cấp huyện**

Huyện là đầu mối công tác lập kế hoạch theo nhu cầu cơ sở và triển khai thực hiện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vật tư, tư vấn hỗ trợ các kỹ năng sản xuất, lựa chọn và chuyển giao những tiến bộ kỹ thuật mới về giống cây trồng vật nuôi, điều phối và quản lý thống nhất các hoạt động đầu tư trên địa bàn cấp huyện. Nên có sự điều phối chung cả về nhận thức, vật lực và kinh phí, không chồng chéo và cũng tránh tình trạng làm thay.

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề

Có việc làm là vấn đề rất cơ bản để người nghèo có thu nhập, ổn định cuộc sống. Trong điều kiện hiện nay, để có việc làm và thu nhập ổn định, thì người lao động cần phải có nghề nghiệp và tay nghề vững. Việc học nghề là một nhu cầu cần thiết đối với người lao động. Có nghề không chỉ giúp người lao động dễ tìm được việc làm mới, mà còn giúp cho họ có thêm nghề phụ để đa dạng hóa nguồn thu nhập và sử dụng hết thời gian nhàn rỗi do tính thời vụ của nông nghiệp. Do đó, hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm là giải pháp tích cực, chủ động để giảm nghèo, đồng thời cũng là điều kiện để giúp người nghèo thoát khỏi vòng luẩn quẩn: “nghèo thì không có tiền để học nghề, không có nghề thì không có việc làm, thất nghiệp và càng nghèo thêm”.

Để hỗ trợ đào tạo nghề đem lại hiệu quả thiết thực, cần phải đa dạng các loại hình đào tạo nghề và xã hội hóa công tác dạy nghề. Trong đó chú trọng, có chính sách ưu tiên đào tạo nghề cho thanh niên DTTS, đào tạo nghề cho thanh niên, con em nông dân, chú trọng đào tạo các ngành nghề có thế mạnh ở địa phương, khuyến khích các doanh nghiệp nhận tuyển người vào học nghề và là con em người nghèo, nhân dân các DTTS... Cùng với việc đào tạo và phát triển ngành nghề, cần tăng cường giải quyết việc làm cho lao động

nghèo thông qua các dịch vụ việc làm, ưu tiên cho vay vốn giải quyết việc làm, gắn đào tạo với giới thiệu việc làm cho lao động nghèo.

Chính sách hỗ trợ y tế

Đảm bảo 100% người nghèo và các hộ đã thoát nghèo trong những năm đầu được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được tiếp cận các dịch vụ y tế miễn phí khi ốm đau, công bằng với các đối tượng khác; giảm thiểu rủi ro cho người nghèo và từng bước nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho người nghèo và nhân dân.

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công, đặc biệt là tuyến cơ sở. Áp dụng chuẩn quốc gia về y tế huyện. Quy hoạch tốt về mạng lưới khám chữa bệnh, phân tuyến chuyên môn. Hỗ trợ kỹ thuật của tuyến trên đối với tuyến cơ sở, bảo đảm cho tuyến cơ sở có đủ khả năng phát hiện và điều trị kịp thời, góp phần giảm tải của các bệnh viện tuyến trên và nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, giảm gánh nặng bệnh tật và tử vong. Tiếp tục triển khai tốt và mở rộng các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế để chống các bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm như COVID-19 và các bệnh thường gặp ở người nghèo như sốt rét, bướu cổ, lao, phong, tâm thần, bệnh về mắt... Bảo đảm cho tất cả trẻ em đều được hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe cơ bản. Có các giải pháp thích hợp và hiệu quả để nâng cao dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em, cải thiện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em. Chú trọng công tác tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình nhất là đối với người nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thực hiện tốt chính sách miễn giảm dịch vụ y tế cho người nghèo như: Miễn giảm phí dịch vụ khám chữa bệnh, mua thẻ bảo hiểm cho người nghèo, người già cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật, thực hiện tốt chính sách miễn viện phí đối với người DTTS.

Tiếp tục xây dựng đầu tư cơ sở vật chất cho các trung tâm y tế cơ sở, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ y sỹ, bác sỹ, ưu tiên tuyến cơ sở. Thực

hiện chính sách đãi ngộ thích hợp về lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, phụ cấp tiền trực, ưu đãi trong đào tạo.

Thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế với giảm nghèo. Tăng cường hoạt động tuyên truyền giáo dục sức khỏe, hạn chế các tập tục lạc hậu và các lối sống có hại cho sức khỏe. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế, huy động cộng đồng tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh, phòng bệnh, rèn luyện thân thể, tạo ra phong trào “toàn dân vì sức khỏe”.

4.2.4.7. Tận dụng có hiệu quả sự hỗ trợ của Trung ương, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn, các đối tác kinh tế đối với công tác giảm nghèo

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2020) khẳng định: “*khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với giảm nghèo cho bền vững*”; Chiến lược phát triển KT – XH năm 2011 - 2020 tiếp tục kiên trì quan điểm có tính định hướng chiến lược của Đảng là: “*Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước, từng giai đoạn và từng chính sách phát triển, trong đó có chính sách phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân*”. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội XI của Đảng NDCM Lào cũng xác định:

“Tiếp tục, tập trung triển khai các chương trình giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Đa dạng hóa nguồn lực và phương thức giảm nghèo gắn với phát triển nông nghiệp, phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân; xây dựng bản phát triển; phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm để giảm nghèo cho bền vững; tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên làm giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo” [85, tr.72].

Từ định hướng đó, có thể thấy quyết tâm chính trị của Đảng và toàn xã hội là phải xây dựng một chương trình giảm nghèo chung cho bền vững, toàn diện thời kỳ 2020 - 2030, bao gồm hệ thống các chính sách giảm nghèo chuẩn mực, khoa học với sự chỉ đạo thực hiện tập trung, thống nhất các chương trình, dự án có liên quan đến mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững.

Để đạt được những thành công trong công tác giảm nghèo trong thời gian tới, các tỉnh ở miền Bắc Lào phải tranh thủ phát huy sự trợ giúp của Trung ương cả về cơ sở vật chất lẫn khoa học kỹ thuật để đẩy nhanh phát triển KT-XH, nâng cao thu nhập cho những người dân nghèo. Trong quá trình tiếp nhận sự đầu tư của Trung ương cho các huyện nhất là 22 huyện nghèo, vùng đặc biệt khó khăn để xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH, các tỉnh ở miền Bắc Lào nên quan tâm tới việc thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm quản lý tốt vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư cũng như đảm bảo tính công khai, dân chủ, bình đẳng của quá trình thực hiện chương trình dự án. Bên cạnh đó, các tỉnh miền Bắc Lào cần phải tận dụng tốt sự giúp đỡ của các tỉnh trong nước và tỉnh bạn 4 nước láng giềng như: Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan và Myanmar về kinh nghiệm giảm nghèo, học hỏi các mô hình giảm nghèo có hiệu quả để từ đó phổ biến cho các tầng lớp nhân dân và cán bộ làm công tác giảm nghèo giúp đỡ người nghèo vươn lên thoát nghèo.

Tiểu kết chương 4

Các tỉnh ủy miền Bắc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào luôn xác định công tác giảm nghèo là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển địa phương. Do đó, công tác giảm nghèo luôn được các cấp ủy của các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách. Qua đó, từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống của các đối tượng yếu thế, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số... Mục tiêu giảm nghèo được đưa vào các chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương vì thế công tác giảm nghèo đã đạt được những thành tựu cơ bản. Tuy nhiên, nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo của các tỉnh ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tỉnh ủy, hệ thống chính trị về sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào; Đổi mới nội dung lãnh đạo công tác giảm nghèo của các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào; Đổi mới phương

thức tỉnh ủy lãnh đạo công tác giảm nghèo; Tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ trực tiếp, thường xuyên thực hiện công tác giảm nghèo; Tranh thủ sự lãnh đạo, hỗ trợ của Trung ương, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn, các đối tác kinh tế đối với công tác giảm nghèo... nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng ở miền Bắc CHDCND Lào thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước, vững tin đi lên chủ nghĩa xã hội ở Lào hiện nay.

KẾT LUẬN

Đề tài luận án nghiên cứu “Các tỉnh ủy ở miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay” được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn lãnh đạo công tác giảm nghèo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào giai đoạn hiện nay. Qua đó, luận án khảo cứu, xác định nội dung cơ bản và phát triển thêm một số đóng góp mới về lý luận và thực tiễn đảng lãnh đạo công tác giảm nghèo có thể khai quát như sau:

Một là, Khi đã có chủ trương, chính sách của Đảng NDCM Lào về công tác giảm nghèo thì các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào phải thường xuyên coi trọng và nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo là tất yếu khách quan nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện, kịp thời khắc phục thiếu sót, hạn chế, khuyết điểm của sự lãnh đạo của các tỉnh ủy miền Bắc Lào đối với công tác giảm nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hai là, các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào cần xác định công tác giảm nghèo là toàn bộ hoạt động của các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở. Luận án đã làm rõ các khái niệm, nội dung, phương thức và vai trò sự lãnh đạo của các tỉnh ủy đối với công tác giảm nghèo; từ đó góp phần xây dựng đảng bộ các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ, lãnh đạo công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc CHDCND Lào có hiệu quả hơn.

Ba là, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào đối với công tác giảm nghèo, chất lượng công tác giảm nghèo từng bước được nâng lên, các tỉnh ủy ở miền Bắc CHDCND Lào quán triệt, thực hiện có hiệu quả tư tưởng chỉ đạo, phương pháp cơ bản của công tác giảm nghèo; chủ động nắm bắt tình hình, xác định đúng nội dung, thực hiện theo quy trình. Tuy nhiên, công tác giảm nghèo không tránh khỏi những hạn chế, khuyết điểm như: Có một số địa phương chưa tích cực, chủ động và kịp thời thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; cuộc điều tra xác định hộ nghèo chưa cụ thể, chưa đúng trọng tâm, trọng điểm; thực hiện quy trình còn

làm tắt, làm lượt hoặc rập khuôn; vận dụng các phương pháp điều tra có lúc chưa linh hoạt nên hiệu quả công tác giảm nghèo đạt được chưa cao. Những ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm trong công tác giảm nghèo các tỉnh uỷ ở miền Bắc CHDCND Lào có nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là cơ bản. Thực hiện công tác giảm nghèo, các tỉnh uỷ ở miền Bắc CHDCND Lào trong những năm qua đã rút ra những kinh nghiệm quý báu, có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần được quán triệt và phổ biến sâu rộng trong công tác giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc Lào cũng như nước CHDCND Lào.

Bốn là, từ những thuận lợi, khó khăn tác động, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo các tỉnh uỷ ở miền Bắc CHDCND Lào, cần tiến hành đồng bộ, thường xuyên, liên tục các giải pháp như: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và các lực lượng tham gia công tác giảm nghèo. Các tỉnh uỷ ở miền Bắc CHDCND Lào, phải xác định đúng nội dung, để thực hiện đúng quy trình, nắm vững và vận dụng linh hoạt các phương hướng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp làm công tác giảm nghèo ở địa phương; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ công tác giảm nghèo; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và sự chỉ đạo của Đảng bộ các tỉnh ở miền Bắc CHDCND Lào; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo trong từng giai đoạn.

Năm là, các tỉnh uỷ ở miền Bắc CHDCND Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo giai đoạn hiện nay là vấn đề rất phong phú rộng lớn, khó, cần được nghiên cứu sâu và toàn diện hơn. Kết quả nghiên cứu của luận án chỉ là một phần nhỏ trong tổng quan nghiên cứu chung về các tỉnh ở miền Bắc Lào hiện nay. Mặt khác, trình độ tiếng Việt, thời gian nghiên cứu còn hạn chế, chắc chắn luận án không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong có sự đóng góp quý báu của quý thầy, cô giáo, các nhà khoa học, lãnh đạo thực tiễn và đồng nghiệp đề luận án được hoàn thiện và có ý nghĩa vận dụng vào thực tiễn.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Maiphone Her (2022), "Poverty reduction and job creation programs in Northern Laos (2000-2020)", *Political Theory*, Vol, 33, tr.109-113.
2. Maiphone Her (2022), "Thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở các tỉnh miền Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào", *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (2), tr.119-123.
3. Maiphone Her (2022), *Các tỉnh ủy ở miền Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào lãnh đạo công tác giảm nghèo*, tại trang <http://lyluan chinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/4528-cac-tinh-uy-o-mien-bac-nuoc-cong-hoa-dan-chu-nhan-dan-lao-lanh-dao-cong-tac-giam-ngheo.html>.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Allahverdiyev (2020), “Kinh tế Thế giới và Phúc lợi Kinh tế-Chính trị bền vững của Azerbaijan”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Quốc tế Randwick*, 1 (2), tr.337-344.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Chỉ thị số 097/BCHTW, ngày 18/2/2020 về tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân*, Hà Nội.
3. Bounkhong PHOUANGMANY (2021), *Đảm bảo sinh kế bền vững cho các hộ nghèo ở tỉnh Luuang Năm Tha, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2004), *Số liệu thống kê xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000 và 2001 - 2003*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. Bun Lý THONG PHẾT (2011), *Quản lý nhà nước về xóa đói giảm nghèo vùng cao dân tộc Bắc Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hành chính, Hà Nội.
6. Bunthoong CHITMAMY (2012), *Đảng lãnh đạo xây dựng và phát triển nông thôn mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Mai Chi (2010), “Kết quả thực hiện chương trình quốc gia về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (4).
8. Chính phủ (2000), *Báo cáo chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo 1998 - 2000*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2002), *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo*, Hà Nội.
10. Chính phủ Hongkong (2017), *Tình hình tội nghiệp ở Hồng Kông*, Báo cáo quốc gia: Mục tiêu giảm nghèo và đổi mới chính sách đất đai: Một số thực tiễn và hàm ý chính sách từ Trung Quốc-Hồng Kông, 74 (1), tr.53-65.

11. Công ty in và Văn hóa phẩm (2003), *Báo cáo phát triển Việt Nam, nghèo*, Hà Nội.
12. Nguyễn Tôn Phương Du (2014), *Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo xóa đói giảm nghèo từ năm 1986 đến năm 2011*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
13. Nguyễn Quốc Dũng, Võ Thị Kim Thu (Đồng chủ biên) (2016), *Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Phạm Mỹ Duyên (2020), *Sinh kế giảm nghèo bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật.
15. Bùi Minh Đạo (Chủ biên) (2005), *Thực trạng đói nghèo và một số giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Eryso Phantivong (2018), *Thực hiện chính sách dân tộc ở các tỉnh miền Bắc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
17. Feuangsy LAOFOUNG (2014), *Hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo ở các tỉnh miền núi phía Bắc CHDCND Lào qua thực tiễn tại tỉnh Xiêng Khoảng*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
18. Thu Hòa (2021), *Việt Nam giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và hướng tới không còn người nghèo đói vào năm 2045*, tại trang <http://consosukien.vn>, [truy cập ngày 19/02/2021].
19. Bùi Thị Hoàn (2013), *Phân hóa giàu - nghèo ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
20. Nguyễn Phú Hưng (2021) “Xóa đói giảm nghèo - điểm sáng trong bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam” *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*.
21. KhamPhanh Pheuyavong (2013), *Hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

22. Phạm Đức Kiên (2011), “Tăng trưởng kinh tế gắn với xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam (1991 - 2010)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (1).
23. Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Ngân hàng Thế giới (2018), *Xóa đói, giảm nghèo và Thịnh vượng chung*, tại trang share4vndev.org, [truy cập ngày 31/5/2022].
28. Trần Đình Nghiêm (2002), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Võ Thị Thu Nguyệt (2010), *Xóa đói giảm nghèo ở Malaixia và Thái Lan bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Nguyễn Đức Nhật (Trưởng nhóm) (2015), *Nghiên cứu các mô hình giảm nghèo của các đối tác quốc tế ở Việt Nam*, Dự án Hỗ trợ giảm nghèo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Hà Nội.
31. Oudomphone Sivongsa (2019), *Chính sách giảm nghèo ở tỉnh Saravanh, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, tại trang <https://tapchitaichinh.vn>, [truy cập ngày 22/09/2019].
32. Oxfam và ActionAid Quốc tế tại Việt Nam (2013), *Nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Hà Nội.
33. Phon Vi Lay PHÊNG ĐA LA CHĂN (2002), *Quan điểm và chính sách phát triển thị trường hàng hóa nông thôn ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
34. Nguyễn Anh Phong (2021), *Nghiên cứu bài học kinh nghiệm thoát nghèo của một số xã đặc biệt khó khăn*, Ủy ban dân tộc Việt Nam (chủ trì), Hà Nội.
35. Đặng Kim Sơn (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp - hoá hiện đại hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

36. Diệp Văn Sơn (2007), “Chỉ có tăng trưởng kinh tế mới giúp dân thoát nghèo bền vững”, *Tạp chí Phát triển kinh tế*, (10).
37. Trần Lê Thanh (2015), *Đảng lãnh đạo thực hiện xóa đói, giảm nghèo ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam từ năm 1996 đến năm 2010*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
38. Phạm Tất Thắng (2011), *Đánh giá cán bộ huyện diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
39. Thongpaseuth XAYALATH (2012), *Giải pháp tài chính nhằm xóa đói giảm nghèo ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính, Hà Nội.
40. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 133/1998/QĐ-TTg ngày 23/7 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo trong giai đoạn 1998 - 2000*, Hà Nội.
41. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7 về việc phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa*, Hà Nội.
42. Thủ tướng Chính phủ (2001), *Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9 về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005*, Hà Nội.
43. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Nghị định của Chính phủ số 92/2006/NĐ-TTg ngày 7/9 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể, phát triển kinh tế - xã hội*, Hà Nội.
44. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/6 về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010*, Hà Nội.

45. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 5/2 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010*, Hà Nội.
46. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Nghị quyết số 30a/2008/QĐ-TTg ngày 27/12 về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Phương Thủy (2006), *Thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Hà Nội.
48. Tỉnh Thừa Thiên Huế (1996), *Báo cáo điều tra PRA tại huyện A Lưới, chương trình người dân vùng cao RAS 93/103*.
49. Trần Quốc Toàn (2020), *Đảng lãnh đạo công cuộc xóa đói, giảm nghèo*, tại trang <http://hdl.vn/>, [truy cập ngày 31/12/2021].
50. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (1999), *Báo cáo điều tra đánh giá tác động của quá trình phát triển kinh tế - xã hội đến đời sống của các dân tộc bản địa Tây Nguyên trong những năm đổi mới*, Hà Nội.
51. Ủy ban dân tộc miền núi (1999), *Báo cáo của chương trình dân tộc đặc biệt khó khăn*, Hà Nội.
52. Vũ Thị Vinh (2022), *Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng Lào (đã dịch sang tiếng Việt)**

54. Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo kết quả bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và phiên họp ra mắt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*, Lào.
55. Ban Dân tộc tỉnh Khăm Muộn (2008), *Dự án ổn định dân cư các bản biên giới Lào - Việt tỉnh Khăm Muộn giai đoạn 2005 -2010*, Khăm Muộn.

56. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Luông Pa Bang (2020), *Báo cáo tổng kết tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm 2016- 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021- 2025*, Luông Pa Bang.
57. Ban Tổ chức Tỉnh ủy U Đôm Xay (2020), *Báo cáo tổng kết tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm 2016- 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021- 2025*, U Đôm Xay.
58. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Xay Nha Bu Ly (2020), *Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng Đảng - cán bộ năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021-2025*, Xay Nha Bu Ly.
59. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Xiêng Khoảng (2020), *Báo cáo tổng kết đánh giá, kết công tác đảng - cán bộ năm (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ năm (2021-2025)*, Xiêng Khoảng.
60. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hua Phăn (2020), *Báo cáo tổng kết, đánh giá, kết quả tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm (2016-2020) và phương hướng, nhiệm vụ năm (2021-2025)*, Hua Phăn.
61. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bo Kẹo (2020), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm (2016-2020) và phương hướng, nhiệm vụ năm (2021-2025)*, Bo Kẹo.
62. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Luông Năm Tha (2020), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm (2016-2020) và phương hướng, nhiệm vụ năm (2021-2025)*, Luông Năm Tha.
63. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Phong Sa Lý (2020), *Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện công tác tổ chức xây dựng đảng - cán bộ năm (2016-2025) và phương hướng, nhiệm vụ năm (2021-2025)*, Phong Sa Lý.
64. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), *Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch phát triển kinh tế -xã hội giai đoạn 2011-2015 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2016 - 2020 của các tỉnh phía Bắc, Viêng Chăn*.

65. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia 5 năm lần thứ VIII 2016-2020*, Viêng Chăn.
66. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2015-2020 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2021 - 2025 của các tỉnh phía Bắc*, Viêng Chăn.
67. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), *Vấn đề đói nghèo ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Nxb Quốc gia, Viêng Chăn.
68. Bộ Nội vụ (2001), *Quy định số 674/BNV ngày 27/04/2001 về tổ chức và hoạt động của Bí thư, Chủ tịch các bản, làng*, Viêng Chăn.
69. Bộ Nông - Lâm nghiệp (2016), *Văn kiện chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2011-2020*, Viêng Chăn.
70. Các Tỉnh ủy miền Bắc Lào (2016), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ về phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016-2020*, Viêng Chăn.
71. Các tỉnh ủy miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết 5 năm (2016-2020) thực hiện chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân*, Viêng Chăn.
72. Các tỉnh ủy miền Bắc Lào (2020), *Nghị quyết của các Tỉnh ủy về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều cho bền vững giai đoạn 2016-2020*, Viêng Chăn.
73. Các Tỉnh ủy ở miền Bắc Lào (2021), *Tổng kết thực hiện chương trình hành động số 25/BCHTW và số 34/NĐ-CP về “phương hướng, mục tiêu và biện pháp đưa tỉnh trở thành đơn vị chiến lược, xây dựng huyện trở thành đơn vị toàn diện, xây dựng bản thành đơn vị phát triển giai đoạn 2011 - 2015 và thực hiện kế hoạch 2016 - 2020”*, lưu tại văn phòng các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào, Viêng Chăn.
74. Chăn Sy Phô Sy Khăm (2016), "Quan tâm xây dựng Đảng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và phong cách lãnh đạo", *Tạp chí A Lun May*, (10).

75. Chính phủ 2011), *Bản dự thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lần thứ VII (2011 - 2015)*, Viêng Chăn.
76. Chính phủ Lào (2012), *Nghị quyết số 65/CP, ngày 13/5/2012 về thông qua trọng tâm phát triển giai đoạn 2011 - 2015*, Viêng Chăn.
77. Chính phủ (2017), *Nghị định số 348/ CP, ngày 16/11/2017 về tiêu chuẩn xoá đói giảm nghèo và tiêu chuẩn phát triển*, Viêng Chăn.
78. Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào giai đoạn 2016-2020*, Viêng Chăn.
79. Đảng bộ các tỉnh miền Bắc Lào (2021), *Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội quốc gia 5 năm lần thứ IX (2021-2025) và kế hoạch ngân sách Nhà nước 5 năm (2021-2025)*, Viêng Chăn.
80. Đảng bộ tỉnh Xay Nha Bu Lý (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Xay Nha Bu Ly lần thứ VII*, Xay Nha Bu Lý.
81. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2015), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội X Đảng NDCM Lào*, Viêng Chăn.
82. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2016), *Điều lệ Đảng nhân dân cách mạng Lào lần X*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
83. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
84. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
85. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2020), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội XI*, Viêng Chăn.
86. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn.
87. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (2021), *Đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia 5 năm lần thứ VIII (2016-2020)*, Viêng Chăn.

88. Kăm Phăn PHỒM MA THẮT (2004), “Chủ tịch Cây Xỏn Phòm Vị Hạn về sự nâng cao phẩm chất của hàng ngũ cán bộ chủ chốt trong sự nghiệp đổi mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị - Hành chính Lào*, (01) tr.1-3,49.
89. Manisothe Keodara (2006), “Các nhóm tộc người Lào, các vấn đề và Chính sách Chính phủ”, *Tạp chí Đông Á/ Viện nguyên cứu Châu Á*, (3).
90. Ngân hàng thế giới (1998), *Báo cáo kinh tế của Ngân hàng thế giới: CHDCND Lào vượt lên thử thách*, Viêng Chăn.
91. Ngân hàng thế giới (2003), *Báo cáo thường niên 2002 -2003 về xóa đói giảm nghèo*, Viêng Chăn.
92. Ngân hàng thế giới (2006), *Chính sách đất đai cho tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo*, Nxb Viêng Chăn.
93. Phân viện thành phố Viêng Chăn (2008), *Báo cáo tổng quan đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ*, Viêng Chăn.
94. Phụ thông Sĩ Văn Thông Khăm (2016), "Quan điểm của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về công tác dân tộc ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào", *Tạp chí Lý luận chính trị - Hành chính Quốc gia Lào*, (4).
95. Phủ Vôngvelayseng (2009), *Quản lý nhà nước đối với đội ngũ giảng viên các trường Đại học ở nước CHDCND Lào*, Viêng Chăn.
96. Quốc hội Lào (2008), *Nghị quyết về công nhận tên gọi và dân tộc của CHDCND Lào*, Viêng Chăn.
97. Sở Giáo dục và Thể dục Thể thao tỉnh U Đôm Xay (2020), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch giáo dục và thể dục thể thao năm 5 (2016 - 2020)*, U Đôm Xay.
98. Sở Giáo dục và Thể thao các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch năm 5 phát triển giáo dục và thể thao - Kế hoạch phát triển giáo dục và thể thao năm 2021-2025*, Viêng Chăn.
99. Sở Giáo dục và Thể thao các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Tổng kết năm học 2019 - 2020*, Viêng Chăn.
100. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền Bắc Lào (2015), *Báo cáo tổng kết phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015 và kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế-xã hội 2016-2020*.

101. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh ở miền Bắc (2020), *Báo cáo tổng kết công tác phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025*, Lào.
102. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết công tác phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025)*, Lào.
103. Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết việc tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) và kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm (2021-2025)*, Lào.
104. Sở Nông - Lâm nghiệp các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016-2020*, Lào.
105. Sở Nông - Lâm nghiệp các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết kế hoạch phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân năm 2016-2020 và kế hoạch năm 5 (2021-2025)*, Lào.
106. Sở Nông - Lâm nghiệp tỉnh Xay Nha Bu Ly (2020), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân tỉnh Xay Nha Bu Ly giai đoạn 2016 - 2020*, Xay Nha Bu Ly.
107. Sôm sa vát LEENG SA VẮT (2011), *Tổng kết đổi mới về kinh tế của CHDCND Lào 2001 - 2010*, Lào.
108. Thanukoon Xayyasanh (2012), "Xây dựng bản và cụm bản phát triển", *Tạp chí Lý luận Chính trị và Hành chính Quốc gia Lào*, (11).
109. Thủ tướng Chính phủ (2000), *Thông tư số 01/TTg-CP Lào ngày 11/3/2000 về xây dựng kế hoạch phát triển bản, Viên Chăn*.
110. Thủ tướng (2001), *Nghị quyết số 010/TTg-CP về xây dựng bản, cụm bản phát triển 25/6/2001*, Viên Chăn.
111. Tỉnh ủy Xay Nha Bu Ly (2020), *Báo cáo tổng kết 5 năm (2016-2020) thực hiện phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân*, Xay Nha Bu Ly.

112. Tổng cục Thống kê (2020), *Niên giám thống kê năm 2020*, Viêng Chăn.
113. Trung tâm Xã hội học - Học viện Chính trị quốc gia Lào (2007), *Một số vấn đề phòng chống tệ nạn xã hội ở Lào*, Nxb Viêng Chăn.
114. Ủy ban Dân tộc Quốc hội (2009), *Tài liệu phổ biến tên gọi và chỉ số các dân tộc ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Viêng Chăn.
115. Ủy ban Dân tộc của Quốc hội (2019), *49 dân tộc trong đại gia đình ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Viêng Chăn.
116. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền Bắc (2020), *Phê duyệt đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh*, Viêng Chăn.
117. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016-2020*, Viêng Chăn.
118. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Báo cáo tổng kết mười năm đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội*, Viêng Chăn.
119. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền Bắc Lào (2020), *Đề án thực hiện chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016-2020*, Viêng Chăn.
120. Ủy ban nhân dân tỉnh Bo Kẹo (2020), *Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016 - 2020*, Bo Kẹo.
121. Ủy ban nhân dân tỉnh Luông Pha Bang (2020), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình quốc gia về phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho nhân dân giai đoạn 2016-2020*, Luông Pha Bang.
122. Ủy ban nhân dân tỉnh Xay Nha Bu Ly (2016), *Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 24/9/2016 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông thôn và giải quyết giảm nghèo cho dân dân năm 2017*, Xay Nha Bu Ly.
123. Văn phòng Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo (1993), *Báo cáo tại hội nghị chống đói nghèo*, Băng cốc Thái Lan.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

MỘT SỐ CHỈ SỐ VÀ SO SÁNH KHÍ HẬU MIỀN BẮC LÀO VỚI CÁC VÙNG KHÁC TRONG CẢ NƯỚC

TT	Các chỉ số	Vùng Bắc Lào	Vùng Trung Lào	Vùng Nam Lào
1	Nhiệt độ trung bình hàng năm	20-21 ⁰ C	20-22 ⁰ C	25-26 ⁰ C
2	Nhiệt độ tháng nóng nhất	22-27 ⁰ C	28-29 ⁰ C	28-29 ⁰ C
3	Nhiệt độ tháng lạnh nhất	16-17 ⁰ C	18-18,5 ⁰ C	20-21 ⁰ C
4	Nhiệt độ cao tuyệt đối	34-37 ⁰ C	40-42 ⁰ C	40-42 ⁰ C
5	Lượng mưa trung bình cả năm	1500-1700mm	2000-3750mm	1000-2000mm
6	Thời gian mùa mưa	Tháng 5-10	Tháng 5-10	Tháng 4-9
7	Độ ẩm tương đối	82-84%	90-91%	78-80%
8	Lượng nước bốc hơi	750-850mm	450-550mm	800-1000mm

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020) [66].

Phụ lục 2

THỐNG KÊ SO SÁNH GIỮA DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỶ LỆ CHE PHỦ CỦA CÁC TỈNH BẮC LÀO

TT	Tỉnh	Diện tích toàn tỉnh(km ²)	Diện tích rừng (héc-ta)	Diện tích che phủ (%)
1	Tỉnh Luông Pra Bang	16.875	4.140	24,53
2	Xay Nhạ Bu Ly	16.389	8.860	54,06
3	Xiêng Khoảng	14.751	5.200	35,25
4	Hủa Phăn	16.500	5.093	30,86
5	Phong Sa Lỳ	16.270	10.000	64,516
6	U Đôm Xay	15.370	8.300	66,40
7	Luông Nậm Tha	9.325	7.367	57,10
8	Bo kẹo	6.196	13.710	52,32

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư [66].

Phụ lục 3**TÊN GỌI 49 DÂN TỘC TRONG ĐẠI GIA ĐÌNH DÂN TỘC LÀO**

TT	Tên dân tộc	TT	Tên dân tộc	TT	Tên dân tộc
01	Lào	18	Ở Đu	35	Tà Ôi
02	Tày	19	Mọi	36	Tri
03	Phủ Thay	20	A Kha	37	Dru
04	Lự	21	Phú Nọi	38	Brâu
05	Nhuôn	22	Xạ Đàng	39	Cạ Tu
06	Dăng	23	Sam Tao	40	Hà Rặc
07	Xach	24	Khạ Me	41	Kriêng
08	Thay Nửa	25	Nguôn	42	Ôi
09	Kum Mụ	26	Pạ Cộ	43	Chăng
10	Pray	27	Mạ Kong	44	Dẹ
11	Sinh Mun	28	Cạ Tang	45	Lạ Vy
12	Phổng	29	Dạ Hơn	46	Kry
13	Thén	30	Bít	47	Túm
14	Mộng	31	Suối	48	Lô Lô
15	Triêng	32	Ha Dì	49	Hó
16	Lạ Mết	33	Sỹ La		
17	Ưu Miên	34	La Hủ		

Nguồn: Ủy ban Dân tộc Quốc hội [114].

Phụ lục 4
ĐẢNG BỘ CƠ SỞ Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC LÀO NĂM 2016-2020

TT	Tỉnh	Đảng bộ cơ sở				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Tỉnh Luông Pha Bang	131	138	148	159	163
2	Xay Nha Bu Ly	111	125	134	141	148
3	Xiêng Khoang	77	79	81	85	89
4	Hua Phăn	116	127	135	147	157
5	U đôm Xay	71	76	78	90	94
6	Bo Keo	47	49	54	58	61
7	Luông Năm Tha	44	48	52	56	59
8	Phông Sa Ly	57	59	63	67	81
Tổng cộng		654	701	745	803	852

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy miền Bắc Lào [56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63].

Phụ lục 5
CHI BỘ CƠ SỞ ĐẢNG Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC LÀO (2016-2020)

TT	Tỉnh	Chi bộ cơ sở đảng				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Xay Nha Bu Ly	517	561	591	637	692
2	Tỉnh Luông Pha Bang	607	649	693	716	742
3	Xiêng Khoang	413	452	497	518	565
4	Hua Phăn	539	578	617	641	687
5	U đôm Xay	441	477	512	547	615
6	Luông Năm Tha	224	228	289	293	296
7	Bo Keo	243	259	272	285	319
8	Phông Sa Ly	390	414	425	441	463
Tổng cộng		3.374	3.681	3.896	4.048	4.379

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy miền Bắc Lào [56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63].

Phụ lục 6
XÁC ĐỊNH NGHÈO ĐA CHIỀU Ở LÀO

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Mức độ thiếu hụt	Cơ sở pháp lý
1. Giáo dục	1.1. Trình độ giáo dục người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học	Hiến pháp 2012 Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Nghị quyết số 17/QH 2016
	1.2 tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (6-14 tuổi) hiện không đi học	Hiến pháp 2012 Luật giáo dục 2015 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020.
2. y tế	2.1 tiếp cận cận dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (được xác định là bị bệnh/đến lúc phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường không thể tham gia hoạt động bình thường được)	Hiến pháp 2012 Luật khám chữa bệnh 2011.
	2.2. bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế	Hiến pháp 2012 Luật bảo hiểm y tế (sửa đổi năm 2018) Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020.
3. Nhà ở	Chất lượng nhà ở và không phân định diện tích đầu người	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ)	Luật quản lý chỗ ở 2011 Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020.
4. điều kiện sống	4.1. nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020.
	4.2. Hố xí/ nhà vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng hố xí/ nhà tiêu hợp vệ sinh	
5. tiếp cận thông tin	5.1. sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet	Nghị quyết số 08-NQ/TW Một số chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020.
	5.2.Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Tivi, đài,máy vi tính và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh huyện, bản (lang)	

Nguồn: Bộ Nông - Lâm nghiệp [69].

Phụ lục 7**TỔNG KẾT KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC LÀO****NĂM 2011-2015**

TT	Tên tỉnh	Huyện			Bản			Hộ		
		Tổng số	Huyện nghèo	%	Tổng số	Bản nghèo	%	Tổng số	Hộ nghèo	%
1	Luông Pha Bang	12	6	33,33	784	271	34,56	53.388	12.543	23,49
2	Xay Nhạ Bu Ly	11	3	27,27	446	104	23,31	69.459	2.557	3,68
3	Xiêng Khoảng	7	3	42,85	519	120	23,12	43.120	3.682	8,53
4	Hủa Phăn	10	7	70	720	427	59,30	45.573	9.870	45,35
5	Phông Sa Ly	7	5	55,55	540	265	49,07	31.118	12.317	39,58
6	U Đôm Xay	7	4	57,14	483	298	61,69	48.259	22.404	46,42
7	Luông Năm Tha	5	3	60	354	142	40,11	38.833	12.636	32,53
8	Bo kẹo	5	3	60	232	81	34,91	28.918	9.262	32,02

*Nguồn: Các tỉnh ủy ở miền Bắc Lào [73].***Phụ lục 8****TỔNG KẾT KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC LÀO****NĂM 2016-2020**

TT	Tên tỉnh	Huyện			Bản			Hộ		
		Tổng số	Huyện nghèo	%	Tổng số	Bản nghèo	%	Tổng số	Hộ nghèo	%
1	Luông Pha Bang	12	4	33,33	757	142	18,75	58.417	9.543	16,33
2	Xay Nhạ Bu Ly	11	2	18,18	430	71	16,51	74.012	1.680	2,26
3	Xiêng Khoảng	7	2	28,57	477	66	13,83	41.443	2.769	6,68
4	Hủa Phăn	10	4	40	728	340	46,70	51.208	6.836	13,34
5	Phông Sa Ly	7	4	57,14	516	329	63,03	35.139	9.870	28,08
6	U Đôm Xay	7	2	28,57	472	172	36,44	58.769	12.978	22,08
7	Luông Năm Tha	5	2	40	362	117	32,32	40.815	7.636	18,70
8	Bo kẹo	5	2	40	248	78	31,45	33.535	7.782	23,14

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy miền Bắc Lào [56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63].

Phụ lục 9

**TỔNG HỢP KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO
TỪ NĂM 2016 - 2020 CỦA TỈNH XÂY NHA BU LY**

STT	Chính sách, dự án	Tổng kinh phí (triệu kíp)	Trung đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương
1	Nhóm chính sách, dự án tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất	731.330	544.400	186.930
2	Nhóm chính sách tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội	106.000	82.500	23.500
3	Nhóm dự án nâng cao năng lực và nhận thức cho cán bộ giảm nghèo	12.040	12.040	
4	Một số dự án, chính sách khác góp phần thực hiện giảm nghèo	88.720	67.331	21.389

Nguồn: Sở Nông - Lâm nghiệp tỉnh Xây Nha Bu Ly [106]

Phụ lục 10

**TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA CÁN BỘ CÔNG CHỨC CÁC TỈNH Ở MIỀN BẮC
LÀO (2020)**

TT	Tỉnh	Tổng số		Cấp I		Cấp II		Cấp III	
		T/C	Nữ	T/C	Nữ	T/C	Nữ	T/C	Nữ
1	Tỉnh Luông Pra Bang	19.957	3.884	6.322	727	4.254	790	9.381	2.367
2	Xây Nha Bu Ly	.13967	3.061	2.729	487	3.685	1.010	7.553	2.117
3	Xiêng Khoảng	14.900	3.868	3.6251	537	4.724	1.325	6.925	2.006
4	Hủa Phăn	14.300	2.895	3.070	457	4.708	973	6.522	1.465
5	U đôm Xây	14.019	2.754	2.876	377	3.653	854	7.490	1.523
6	Luông Năm Tha	5.440	794	1.328	198	1.634	214	2.478	382
7	Bo Kẹo	7.385	1.678	2.011	216	1.790	340	3.581	699
8	Phong Sa Ly	7.057	1.457	1.875	273	2.347	487	2.835	697
Tổng Cộng		97.025	20.391	23.827	3.272	26.795	5.993	46.774	11.256

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy miền Bắc Lào [56; 57; 58; 59; 60; 61; 62; 63].

Phụ lục 11
DIỆN TÍCH, DÂN SỐ VÀ MẬT ĐỘ PHÂN BỐ DÂN SỐ
Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC LÀO 2020

TT	Tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Phân bố Bình quân người/km ²	Tỷ lệ dân số so với cả nước (%)
1	Tỉnh Luông Pha Bang	16.875	459.189	27	6,35
2	Xay Nha Bu Ly	16.389	411.893	25	5,69
3	Xiêng Khoang	14.751	261.686	17	3,61
4	Hua Phăn	16.500	306.247	18	4,23
5	Phông Sa Ly	16.270	189.777	11	2,62
6	U Đôm Xay	15.370	334.702	21	4,62
7	Luông Năm Tha	9.325	192.392	20	2,66
8	Bò keo	6.196	196.641	31	2,71
9	Tổng và chỉ số bình quân	111.676	2.352.527	21	32,53

Nguồn: Tổng cục Thống kê [112].

Phụ lục 12
DÂN SỐ VÀ TỶ LỆ NGƯỜI DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN
CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU NĂM 2016

Đơn vị tính: %

TT	Tỉnh	Dân số (người)	Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ sở hạ tầng thiết yếu					
			Điện	Nước sạch	Đường giao thông	Chợ	Y tế, bệnh viện	Trường tiểu học
01	Phông Xa Ly	189.777	53,9	14,6	68,4	6,9	16,1	92,9
02	Luông năm Tha	192.392	85,3	32,0	89,0	12,1	22,3	94,8
03	U Đôm Xay	334.702	74,0	19,2	81,3	11,3	25,0	95,0
04	Bò kẹo	196.641	94,3	27,7	93,5	12,5	30,2	88,6
05	Luông Pha Bang	459.189	71,9	26,4	82,4	12,5	24,5	92,7
06	Hua Phăn	306.247	61,1	8,9	59,3	5,2	14,4	96,6
07	Xay Nha Bu Ly	459.893	90,3	23,0	98,9	12,4	19,0	89,9
08	Xiêng Khoang	261.686	83,6	19,9	86,3	7,8	14,5	83,2

Nguồn: Tổng cục Thống kê [112].